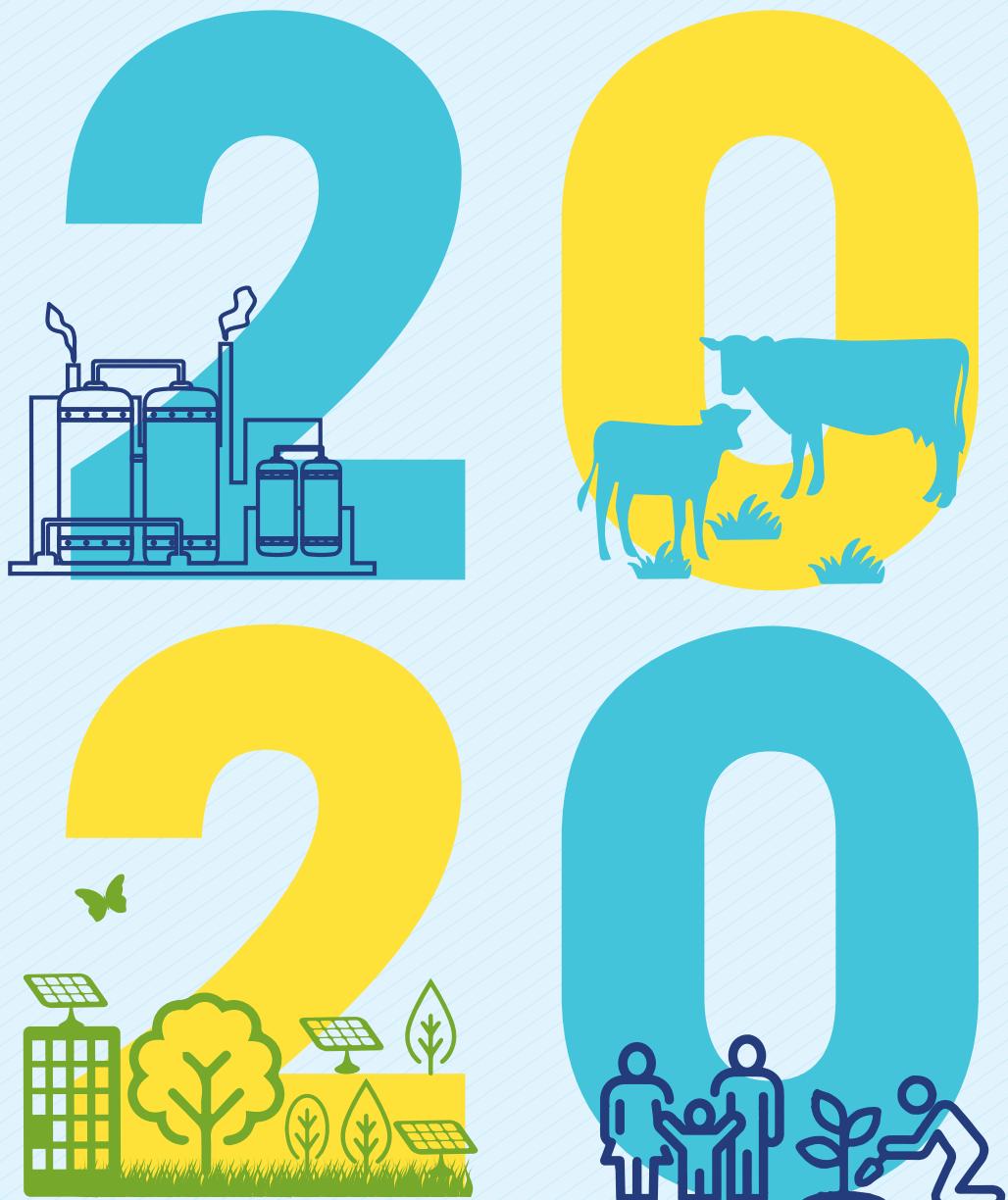




VINAMILK



GIÁ TRỊ BỀN VỮNG TIẾN BƯỚC TƯƠNG LAI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ĐIỂM NHẤN NĂM 2020

59.723
TỶ ĐỒNG
**TỔNG DOANH THU
(HỢP NHẤT)**

13.519
TỶ ĐỒNG
**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(HỢP NHẤT)**

11.236
TỶ ĐỒNG
**LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(HỢP NHẤT)**

229.443
TỶ ĐỒNG
**VỐN HÓA
THỊ TRƯỜNG**
(tại ngày 31/12/2020)

↗ 0,3%
**TỔNG THỊ PHẦN
TOÀN NGÀNH SỮA
CỦA VINAMILK
TẠI VIỆT NAM**

55
**SỐ NƯỚC XUẤT KHẨU
LŨY KẾ**

9.361
SỐ LƯỢNG
NHÂN VIÊN

240.000
ĐIỂM BÁN LẺ
KÊNH TRUYỀN THỐNG

5.400
ĐIỂM BÁN LẺ
KÊNH SIÊU THỊ

2.400
ĐIỂM BÁN LẺ
KÊNH CỬA HÀNG TIỆN LỢI

12
TRANG TRẠI
CHUẨN GLOBAL G.A.P

132.000
**TỔNG ĐÀN BÒ
KHAI THÁC^(*)**

(*) Gồm đàn bò tại trang trại của Vinamilk
và các hộ nông dân ký hợp đồng thu mua
sữa tươi nguyên liệu.



ĐIỂM NHẤN NĂM 2020



DOANH THU THUẦN
↗ 6%
SO VỚI NĂM 2019

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
↗ 6,5%
SO VỚI NĂM 2019

Năm 2020 – ngành sữa đã tăng trưởng âm 6% (AC Nielsen) khi mà cả nước có 32,1 triệu người bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19 và thu nhập bình quân của người lao động giảm 2,3% so với năm 2019 (GSO). Kết quả kinh doanh của Vinamilk ghi nhận sự tăng trưởng ở cả doanh thu lẫn lợi nhuận, với doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt lần lượt 59.723 tỷ đồng và 11.235 tỷ đồng, tăng trưởng 6% và 6,5% so với năm 2019.

4.000 CON
QUY MÔ TRANG TRẠI
BÒ SỮA QUẢNG NGÃI

Vinamilk tiếp tục hoàn thiện đưa vào sử dụng Trang trại Bò sữa Quảng Ngãi với quy mô 4.000 con. Ngoài ra, đưa vào hoạt động Trung tâm Kỹ thuật Bò sữa và Cấy truyền phôi nhằm phục vụ nhu cầu chọn lọc cung cấp nguồn gen ưu tú vượt trội.



Trong năm 2020, Vinamilk đã xuất khẩu lô sữa đặc Ông Thọ đầu tiên sang Trung Quốc; Bộ 3 sữa đậu nành hạt cao cấp và Trà sữa mang thương hiệu Vinamilk sang Hàn Quốc; là công ty sữa đầu tiên tại Việt Nam được đăng ký thành công vào danh sách các cá nhân tổ chức được xuất khẩu sữa vào khu vực EAEU. Hàng loạt sự kiện tích cực đã đánh dấu một năm tăng trưởng vượt bậc bằng nỗ lực không ngừng trong bối cảnh khó khăn do Covid-19, tạo tiền đề cho những dấu ấn và thành tích mới trong những năm tiếp theo.

HOÀN THÀNH NGHIÊN CỨU

29
SẢN PHẨM MỚI

25
SẢN PHẨM CẢI TIẾN

19
SẢN PHẨM XUẤT KHẨU

Trong đó, đã đưa vào sản xuất đại trà

10
SẢN PHẨM MỚI

09
SẢN PHẨM CẢI TIẾN

09
SẢN PHẨM XUẤT KHẨU



VINAMILK ĐẨY MẠNH CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÌ CỘNG ĐỒNG TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

Vinamilk đồng hành cùng Chính phủ trong cuộc chiến chống Covid-19 và hỗ trợ lực lượng tuyến đầu chống dịch với tổng ngân sách gần 40 tỷ đồng.

1,7 triệu ly sữa đã được Vinamilk và Quỹ sữa Vươn cao Việt Nam mang đến cho 19.000 trẻ em khó khăn trên cả nước với thông điệp "Vì sức khỏe và sự an toàn của trẻ em, chung tay đẩy lùi Covid".

Vinamilk & Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu đề ra với 1.121.000 cây xanh được trồng. Chương trình được tôn vinh trong Top 10 hoạt động vì môi trường xuất sắc nhất (Giải thưởng CSR toàn cầu 2020).

Tích cực đồng hành triển khai chương trình Sữa học đường tại 23 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Vinamilk được vinh danh bởi Giải thưởng CSR toàn cầu 2020 là Doanh nghiệp có hoạt động vì cộng đồng xuất sắc nhất tại Việt Nam.



MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	12
Thông điệp của Tổng Giám đốc	14
Tóm tắt thông tin tài chính 2015-2020	16

02

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Quá trình hình thành và phát triển	20
Thông tin cổ phần, cổ đông	22
Mô hình hoạt động của Công ty	26
Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý	28
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	30
Giới thiệu Ban Điều hành	36
Giới thiệu Ban Thư ký	40
Giới thiệu Kiểm toán Nội bộ	41

03

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Tổng quan ngành sữa năm 2020	50
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	52
Báo cáo của Ban Điều hành	60

04

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂM 2021

104

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo Quản trị Công ty	110
Báo cáo Quản trị Rủi ro	124

06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Các lĩnh vực trọng yếu	131
Hoạt động phát triển bền vững trong năm 2020 với 17 Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc	132

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất (theo VAS)	136
Báo cáo tài chính hợp nhất (theo IFRS)	189

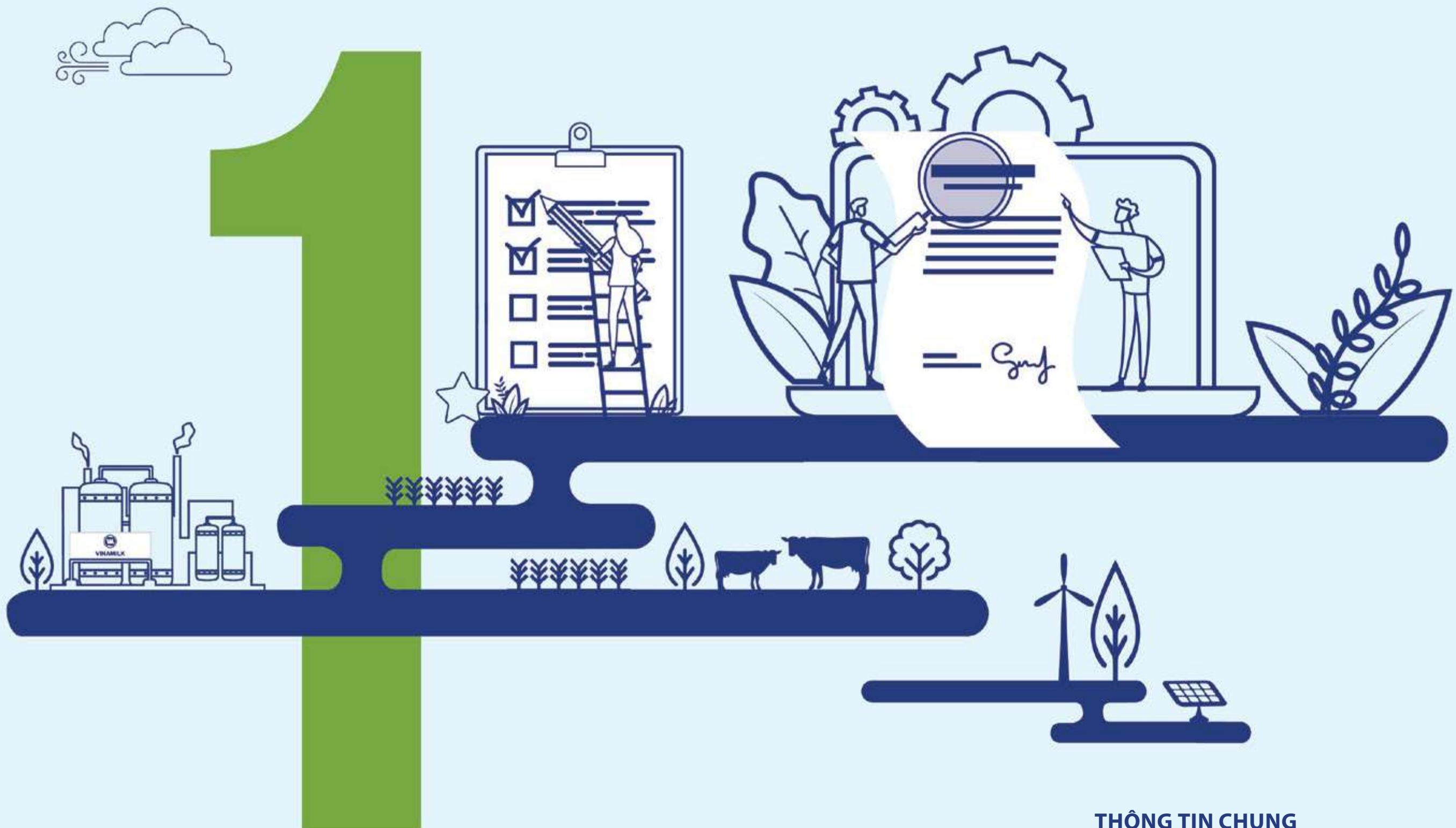
THÔNG TIN LIÊN HỆ

196

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BĐH	: Ban Điều hành	HR	: Nhân sự
Công ty	: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	IFC	: Công ty Tài chính Quốc tế
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng Cổ đông	IFRS	: Các chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế
GĐĐH	: Giám đốc Điều hành	IR	: Quan hệ nhà đầu tư
GTN	: CTCP GTNFoods	KRI	: Chỉ số kết quả chính yếu
HĐQT	: Hội đồng Quản trị	KSNB	: Kiểm soát nội bộ
HĐTV	: Hội đồng Thành viên	KTNB	: Kiểm toán nội bộ
MCM	: CTCP Giống bò sữa Mộc Châu/ Sữa Mộc Châu	M&A	: Mua bán, sáp nhập
TBCL	: Tiểu ban Chiến lược	MTV	: Một thành viên
TBKT	: Tiểu ban Kiểm toán	NVL	: Nguyên vật liệu
TBLT	: Tiểu ban Lương thưởng	ODA	: Viện trợ phát triển chính thức
TBNS	: Tiểu ban Nhân sự	PTBV	: Phát triển Bền vững
TGĐ	: Tổng Giám đốc	QLRR	: Quản lý rủi ro
UBKT	: Ủy ban Kiểm Toán	R&D	: Nghiên cứu & phát triển
Vinamilk	: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	ROA	: Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản
BCTC	: Báo cáo tài chính	ROE	: Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu
BDD	: Bột dinh dưỡng	SB	: Sữa bột
BS TNTH	: Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa	SCIC	: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước
BSC	: Mô hình thẻ điểm cân bằng	SCU	: Sữa chua uống
BSVN	: Bò sữa Việt Nam	SDGs	: Mục tiêu phát triển bền vững
CAGR	: Tăng trưởng kép bình quân	SSC	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
CB-CNV	: Cán bộ - công nhân viên	STNL	: Sữa tươi nguyên liệu
CBTT	: Công bố thông tin	SXKD	: Sản xuất Kinh doanh
CIP	: Hệ thống vệ sinh	TĂCN	: Thức ăn chăn nuôi
Covid-19	: Bệnh do vi-rút Corona	TM-ĐT	: Thương mại đầu tư
CPI	: Chỉ số giá tiêu dùng	TNDN	: Thu nhập Doanh nghiệp
CSR	: Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp	TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
CTCP	: Công ty Cổ phần	TP.HCM	: Thành Phố Hồ Chí Minh
EBITDA	: Thu nhập trước thuế, khấu hao và lãi vay	TSCĐ	: Tài sản cố định
ERP	: Phần mềm quản lý	TVC	: Phim quảng cáo
GCNĐKKD	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
GDP	: Tổng sản phẩm nội địa	VAS	: Chuẩn mực Kế toán Việt Nam
GLOBAL G.A.P	: Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu	VIOD	: Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam
GSO	: Tổng cục Thống kê Việt Nam	VPĐD	: Văn phòng đại diện
HOSE	: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM	VSATTP	: Vệ sinh an toàn thực phẩm





THÔNG TIN CHUNG

- Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 - Thông điệp của Tổng Giám đốc
 - Tóm tắt thông tin tài chính 2015-2020



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT TIN TƯỞNG RẰNG VINAMILK CHẮC CHẮN SẼ VỮNG TIN, VƯỢT QUA VÀ CHINH PHỤC CÁC MỤC TIÊU ĐỀ RA VÀ CÓ ĐƯỢC THÀNH TỰU GHI DẤU ẨN CHO NĂM KỶ NIỆM 45 NĂM THÀNH LẬP CỦA MÌNHN.

Kính gửi: Quý cổ đông

Chúng ta đã trải qua năm 2020 – một năm đầy biến động và xáo trộn bởi đại dịch Covid-19 trên toàn cầu. Các nền kinh tế trên toàn thế giới đã phải trải qua một thời kỳ khó khăn chưa từng có, phải đương đầu để chống chịu và giải quyết những hậu quả nặng nề do đại dịch gây ra. Kinh tế Việt Nam, cũng bị ảnh hưởng bệnh dịch nặng nề cùng với thế giới, cộng thêm tác động của thiên tai bão lụt ở các tỉnh miền Trung, đã có những bước lùi nhất định.

Tuy nhiên, không chấp nhận lùi bước, đội ngũ Ban Điều hành và nhân viên Vinamilk, với sự đồng hành của HĐQT, đã linh hoạt, kiên cường nỗ lực vượt qua khó khăn, biến thách thức thành cơ hội và đạt được những kết quả đáng tự hào từ doanh số, lợi nhuận đến thị phần và niềm tin của người tiêu dùng.

Năm 2020 với phương châm lấy công nghệ làm chìa khóa để thay đổi, tăng tốc, Vinamilk đã có sự chuẩn bị kịp thời cho việc sản xuất kinh doanh trong

điều kiện bình thường mới. Danh mục sản phẩm phong phú, đa dạng được nghiên cứu phát triển công phu vì người tiêu dùng và cho người tiêu dùng đã đáp ứng các nhu cầu khác nhau của thị trường trong và ngoài nước, góp phần giữ vững thị phần và doanh số trong điều kiện sút mua và tốc độ tăng trưởng ngành tiêu dùng nhanh giảm mạnh. Toàn bộ chuỗi cung ứng từ trang trại, mua hàng, sản xuất, hậu cần, phân phối đã vượt qua các trở ngại, đảm bảo sản xuất liên tục, đáp ứng sản phẩm chất lượng cao cho cả nhu cầu trong nước lẫn xuất khẩu. Quan trọng hơn cả, Vinamilk đã bảo vệ thành công đội ngũ nhân viên của mình an toàn trước bệnh dịch và có nhiều hành động cùng đồng hành với cả nước chống lại dịch bệnh, thực hiện kinh doanh có trách nhiệm với xã hội, góp phần phát triển bền vững.

Năm 2021 sẽ đến với những tác động khó lường do ảnh hưởng dây chuyền của toàn bộ nền kinh tế, xã hội, chính

trị toàn cầu. Những biến động, khó khăn mới cũng sẽ xuất hiện và thách thức Vinamilk. Tuy nhiên, với những gì Vinamilk đã chuẩn bị từ chiến lược cho đến các chương trình kế hoạch cụ thể, với kiến thức, kỹ năng, và kinh nghiệm của đội ngũ lãnh đạo và nhân viên có ý chí và quyết tâm cao, được tôi luyện trong suốt quá trình hình thành và phát triển, HĐQT tin tưởng rằng Vinamilk chắc chắn sẽ vững tin, vượt qua và chinh phục các mục tiêu đề ra và có được thành tựu ghi dấu ấn cho năm kỷ niệm 45 năm thành lập của mình.

Nhân dịp năm mới Tân Sửu, thay mặt HĐQT Vinamilk, Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Điều hành và toàn thể các cấp quản lý, nhân viên vì tất cả những gì đã thể hiện kiên cường trong năm 2020 và đến Quý khách hàng, đối tác, cổ đông vì sự tin tưởng, ủng hộ, hợp tác và đồng hành trong suốt quá trình kinh doanh của Vinamilk. Tôi xin chúc cả Quý khách hàng, Quý cổ đông, các đối tác và toàn thể nhân viên Vinamilk có một năm mới dồi dào sức khỏe, hạnh phúc, và thành công.

LÊ THỊ BĂNG TÂM
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01/03/2021



"Trở thành biểu tượng mang tầm vóc thế giới trong lĩnh vực thực phẩm và thức uống, nơi mà tất cả mọi người đặt trọn niềm tin vào sản phẩm an toàn và dinh dưỡng".



"Mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng giá trị nhất bằng tất cả trân trọng, tình yêu và có trách nhiệm với cuộc sống".



THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



DOANH THU THUẦN
HỢP NHẤT

59.723
TỶ ĐỒNG



LỢI NHUẬN SAU THUẾ
HỢP NHẤT

11.236
TỶ ĐỒNG

GIÁ TRỊ CỐT LÕI VINAMILK

Liêm chính,
Trung thực trong
ứng xử và trong tất
cả các giao dịch.

Tôn trọng bản thân,
Tôn trọng đồng nghiệp,
Tôn trọng Công ty,
Tôn trọng đối tác,
Hợp tác trong
sự tôn trọng.

Công bằng
với nhân viên,
khách hàng,
nhà cung cấp
và các bên
liên quan khác.

Tôn trọng các
tiêu chuẩn đã được
thiết lập và
hành động một
cách đạo đức.

Tuân thủ Luật pháp,
Bộ Quy Tắc Uống Xử và
các quy chế,
chính sách, quy định
của Công ty.



DUY TRÌ TĂNG TRƯỞNG TRONG ĐIỀU KIỆN
THỊ TRƯỜNG KHẮC NGHIỆT LÀ KẾT QUẢ CỦA
QUÁ TRÌNH KIÊN ĐỊNH THEO ĐUỔI CÁC GIÁ TRỊ
BỀN VỮNG, VỚI TRỌNG TÂM LÀ TIẾP TỤC PHÁT
TRỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU SỮA, CHUYỂN ĐỔI
SỐ VÀ CAM KẾT VỚI CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG CÙNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI.

Kính gửi: Quý cổ đông

Năm 2020, đại dịch Covid-19 đã tạo ra những thách thức chưa từng có tiền lệ với cả nền kinh tế cũng như tất cả doanh nghiệp và ngành sữa không phải là ngoại lệ.

Sữa là thực phẩm thiết yếu trong rổ hàng hóa của người tiêu dùng Việt Nam, tuy nhiên, ngành sữa đã tăng trưởng âm 6% trong năm 2020 (AC Nielsen) khi mà cả nước có 32,1 triệu người bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19 và thu nhập bình quân của người lao động giảm 2,3% so với năm 2019 (GSO).

Trong bối cảnh mới đầy thách thức đó, Vinamilk đã có những ứng phó kịp thời để đạt mục tiêu kép là **đảm bảo tăng trưởng** đồng thời **ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh** trong điều kiện **tuân thủ các quy định về phòng chống dịch**.

Với những nỗ lực của Ban Điều hành và tập thể nhân viên Công ty, kết quả kinh doanh của Vinamilk ghi nhận tăng trưởng ở cả doanh thu lẫn lợi nhuận, với doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 đạt lần lượt 59.723 tỷ đồng và 11.236 tỷ đồng, tăng trưởng 6% và 6,5% so với năm 2019. Riêng Sữa Mộc Châu sau một năm về với Vinamilk đã ghi nhận sự bứt phá với doanh thu thuần năm 2020 đạt 2.823 tỷ đồng, tăng trưởng 10,3% và lợi nhuận sau thuế đạt 281 tỷ đồng, tăng trưởng ấn tượng 68,2% so với năm 2019. Vào tháng 12/2020, Cổ phiếu Sữa Mộc Châu (MCM) đã chính thức niêm yết trên sàn UPCoM, đánh dấu sự trưởng thành về kinh doanh và quản trị công ty.

Duy trì tăng trưởng trong điều kiện thị trường khắc nghiệt là kết quả của quá trình kiên định theo đuổi các **GIÁ TRỊ BỀN VỮNG**, với trọng tâm là tiếp tục phát triển vùng nguyên liệu sữa, chuyển đổi số và cam kết với các mục tiêu phát triển bền vững cùng trách nhiệm xã hội. Trong một năm đầy biến động với chuỗi cung ứng, nhờ tự chủ được vùng nguyên liệu sữa tươi trong nước, kết hợp với mạng lưới nhà cung cấp nguyên liệu nhập khẩu từ nhiều quốc gia, Vinamilk đảm bảo hoạt động sản xuất ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và cả xuất khẩu.

Ứng dụng công nghệ vào quản lý là định hướng được Vinamilk thực hiện trong nhiều năm qua và được thúc đẩy mạnh mẽ trong năm 2020 để ứng phó với điều kiện giãn cách xã hội, hạn chế giao thương do đại dịch toàn cầu.

Thực hiện chủ đề của năm 2020 "Công nghệ - Chìa khóa để thay đổi", quá trình chuyển đổi số đã được triển khai nhanh chóng, không chỉ tại Vinamilk mà ở các công ty con, công ty thành viên. Trong đó, điển hình là việc hoàn thành triển khai hệ thống ERP tại Sữa Mộc Châu chỉ trong vòng 10 tháng kể từ ngày Vinamilk tham gia vào đơn vị này. Bên cạnh đó, hàng loạt các dự án chuyển đổi số khác đã và đang được triển khai trong nhiều lĩnh vực của hầu hết các hoạt động của Vinamilk như quản trị, tài chính, nhân sự, kinh doanh quốc tế và chuỗi cung ứng... Những công cụ này là cánh tay đắc lực giúp Vinamilk duy trì sự ổn định, đảm bảo quản trị hoạt động và hiệu suất ngay cả khi quy mô doanh nghiệp mở rộng ra gấp nhiều lần so với hiện tại.

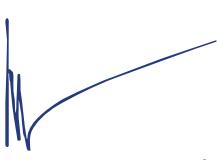
Với tâm niệm doanh nghiệp chỉ có thể phát triển bền vững trong một cộng đồng khỏe mạnh, Vinamilk đã tích cực thực hiện các chương trình trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, đặc biệt là trong giai đoạn khó khăn chung do đại dịch Covid-19. Trong năm qua, Vinamilk cùng các đơn vị thành viên, công ty con và người lao động của Công ty đã đóng góp hơn 40 tỷ đồng cho các công tác phòng chống dịch Covid-19 của Chính phủ, tiếp sức lực lượng tuyến đầu chống dịch và hỗ trợ cộng đồng, đặc biệt là trẻ em, bị ảnh hưởng bởi đại dịch cũng như thiên tai, bão lũ.

Để đảm bảo an toàn cho người lao động trong dịch bệnh, Vinamilk đã quyết liệt thực hiện nhiều biện pháp phòng chống dịch tại nơi làm việc song song với đảm bảo điều kiện lao động và việc làm ổn định. Có thể nói, sau một năm nhiều biến động, một trong những thành công của Vinamilk đó chính là duy trì sự hoạt động ổn định, hiệu quả của tất cả đơn vị thành viên và đảm bảo việc làm, thu nhập và các phúc lợi cho gần 10.000 nhân viên của Công ty trên cả nước.

Đại dịch rồi sẽ đi qua nhưng các **GIÁ TRỊ BỀN VỮNG** sẽ còn ở lại. Đây là kim chỉ nam sẽ được Ban Điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên Vinamilk duy trì và phát triển. Được công nhận là công ty Việt Nam đầu tiên và duy nhất đạt giải thưởng ở hạng mục "Tài sản đầu tư có giá trị của ASEAN" bởi Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (MIOD) là niềm vinh dự và động lực to lớn để chúng tôi kiên định với hướng đi này.

Với những dự báo tích cực về sự phục hồi của nền kinh tế, chúng tôi tin tưởng Vinamilk sẽ vững vàng tiến bước sang năm 2021, năm cuối cùng của giai đoạn chiến lược 2017-2021, với quyết tâm cao để đưa Vinamilk tăng trưởng và vươn đến những tầm cao mới.

Kính chúc quý cổ đông sức khỏe và thành công.



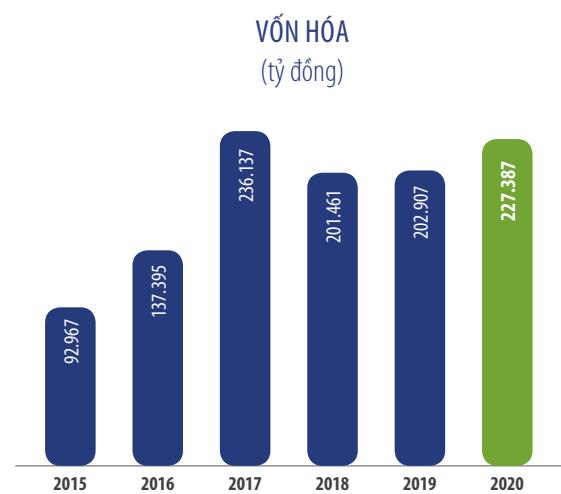
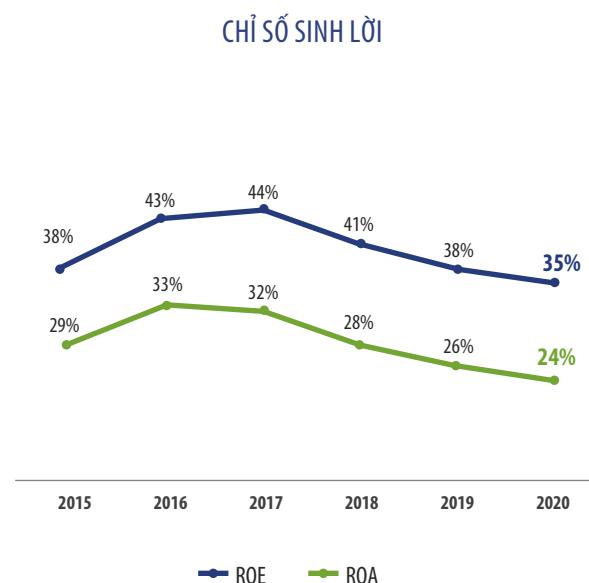
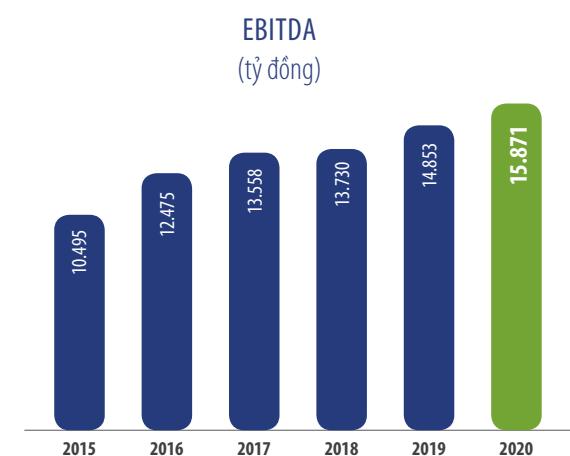
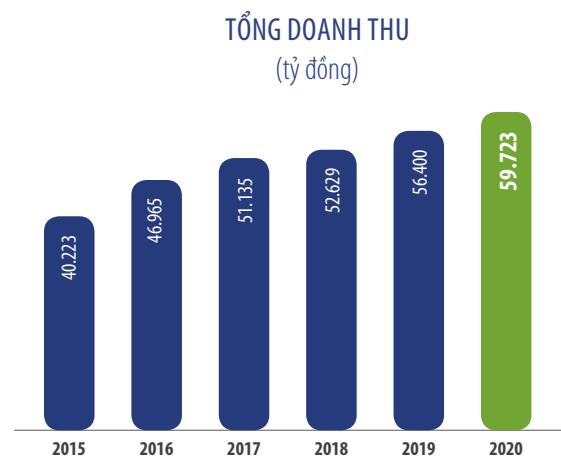
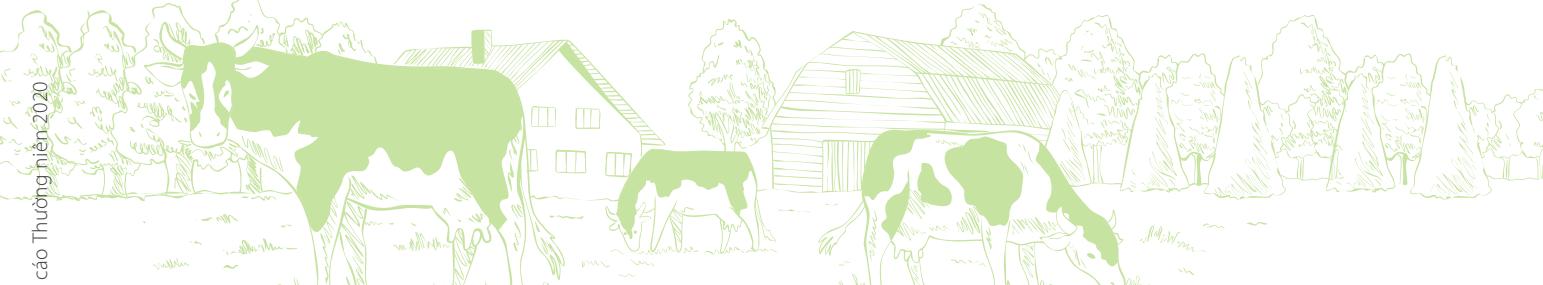
MAI KIỀU LIÊN
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01/03/2021



TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH 2015-2020

CHỈ TIÊU	Tỷ đồng					
	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng doanh thu	40.223	46.965	51.135	52.629	56.400	59.723
Lợi nhuận trước thuế	9.367	11.238	12.229	12.052	12.796	13.519
Lợi nhuận sau thuế	7.770	9.364	10.278	10.206	10.554	11.236
EBITDA	10.495	12.475	13.558	13.730	14.853	15.871
Lợi nhuận phân bổ cho chủ sở hữu của Công ty	7.773	9.350	10.296	10.227	10.581	11.099
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	4.864	5.831	5.296	5.295	5.478	4.770
Tổng tài sản	27.478	29.379	34.667	37.366	44.700	48.432
Vốn chủ sở hữu	20.924	22.406	23.873	26.271	29.731	33.647
Vốn cổ phần	12.007	14.515	14.515	17.417	17.417	20.900
Tổng nợ phải trả	6.554	6.973	10.794	11.095	14.969	14.785
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	76%	76%	69%	70%	67%	69%
Tổng nợ/Tổng tài sản	24%	24%	31%	30%	33%	31%
ROE	38%	43%	44%	41%	38%	35%
ROA	29%	33%	32%	28%	26%	24%



■ Cổ tức (đồng/cp) ■ Tỷ lệ chi trả cổ tức



GIỚI THIỆU CÔNG TY

- Quá trình hình thành và phát triển
- Thông tin cổ phần, cổ đông
- Mô hình hoạt động của Công ty
- Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý
- Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- Giới thiệu Ban Điều hành
- Giới thiệu Ban Thư ký
- Giới thiệu Kiểm toán Nội bộ



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

- Thành lập Nhà máy Sữa Thống Nhất, Trường Thọ, và Sữa bột Dielac.

1994

- Thành lập Chi nhánh bán hàng Hà Nội.

1996

- Thành lập Chi nhánh bán hàng Đà Nẵng.
- Thành lập Xí nghiệp Liên doanh Sữa Bình Định (nay là Nhà máy Sữa Bình Định).

1998

- Thành lập Chi nhánh bán hàng Cần Thơ.

2001

- Thành lập Nhà máy Sữa Cần Thơ.

2003

- Cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi thành CTCP Sữa Việt Nam.

2004

- Mua thâu tóm CTCP Sữa Sài Gòn (nay là Nhà máy Sữa Sài Gòn).

2012

- Thành lập Nhà máy Sữa Đà Nẵng.

2010

- Góp vốn 10 triệu USD (19,3% vốn điều lệ) vào công ty Miraka Limited. Năm 2015, tăng vốn đầu tư tại Miraka Limited lên 22,81%.
- Thành lập Nhà máy Nước giải khát Việt Nam.

2008

- Thành lập Nhà máy Sữa Tiên Sơn.

2007

- Thành lập Nhà máy Sữa Lam Sơn.

2006

- Chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM (HOSE) vào ngày 19/01/2006.
- Thành lập Phòng khám An Khang tại TP. HCM. Đây là phòng khám đầu tiên tại Việt Nam với công nghệ thông tin trực tuyến.
- Tháng 11, thành lập Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam.

2005

- Thành lập Nhà máy Sữa Nghệ An.

2013

- Khánh thành Nhà máy Sữa bột Việt Nam, Nhà máy Sữa Việt Nam (Mega).
- Công ty TNHH Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa trở thành một công ty con của Vinamilk, nắm giữ 96,11% vốn điều lệ. Năm 2017, Công ty trở thành công ty 100% vốn của Vinamilk.

2014

- Mua 70% cổ phần Driftwood Dairy Holding Corporation tại bang California, Mỹ và chính thức nắm giữ 100% cổ phần vào tháng 5/2016.
- Góp 51% vốn thành lập Công ty AngkorMilk tại Campuchia và chính thức tăng mức sở hữu vốn lên 100% vào năm 2017.
- Góp 100% vốn thành lập công ty con Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczoną Odpowiedzialnością tại Ba Lan.

2016

- Góp 18% vốn vào CTCP APIS.

2017

- Thành lập Trung tâm Sữa tươi nguyên liệu Củ Chi.
- Đầu tư nắm giữ 65% CTCP Đường Việt Nam.
- Góp vốn đầu tư 25% vốn cổ phần của CTCP Chế Biến Dừa Á Châu.

2018

- Là công ty đầu tiên sản xuất sữa A2 tại Việt Nam.
- Đầu tư nắm giữ 51% cổ phần của Lao-Jargo Development Xiengkhouang Co., Ltd.

2020

- Vững vàng vị trí dẫn đầu Top 100 Doanh nghiệp Bền vững Việt Nam năm 2020.
- Là công ty Việt Nam đầu tiên và duy nhất được vinh danh là "Tài sản đầu tư có giá trị của ASEAN".
- Chính thức niêm yết cổ phiếu Sữa Mộc Châu (mã chứng khoán: MCM) trên sàn UPCoM vào tháng 12/2020.
- Đưa vào hoạt động Trang trại bò sữa tại Quảng Ngãi với đàn bò 4.000 con.
- Hoàn thiện Trung tâm cấy truyền phôi.
- Mở rộng thực hiện Chương trình Sữa học đường tới các tỉnh Trà Vinh, Gia Lai, Hà Giang, Quảng Ngãi, Quảng Nam.

2019

- Khởi công giai đoạn 1 trang trại bò sữa tại Lào với quy mô diện tích 5.000 ha và quy mô tổng đàn bò 24.000 con.
- Tăng gấp đôi vốn đầu tư vào Driftwood Dairy Holding Corporation từ 10 triệu USD lên 20 triệu USD.
- Hoàn tất mua 75% cổ phần của CTCP GTNfoods, qua đó tham gia điều hành CTCP Sữa Mộc Châu với quy mô đàn bò 27.500 con.



THÔNG TIN CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

được niêm yết trên thị trường chứng khoán chính của Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE"),
Việt Nam vào ngày 19/01/2006.



THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA BỘ PHẬN QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Ban Quan hệ Nhà đầu tư – Bộ phận Tài chính Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

- Địa chỉ:** 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Tel:** (+84 - 8) 541 55555, Số nội bộ: 108247
- Email:** dqtrung@vinamilk.com.vn
- Website:**
 - <https://www.vinamilk.com.vn/>
 - <https://www.vuongcaovietnam.com/>
 - <https://www.youtube.com/user/vinamilk>
- Trang quan hệ cổ đông:** <https://www.vinamilk.com.vn/vi/lien-he-thong-tin-co-dong>



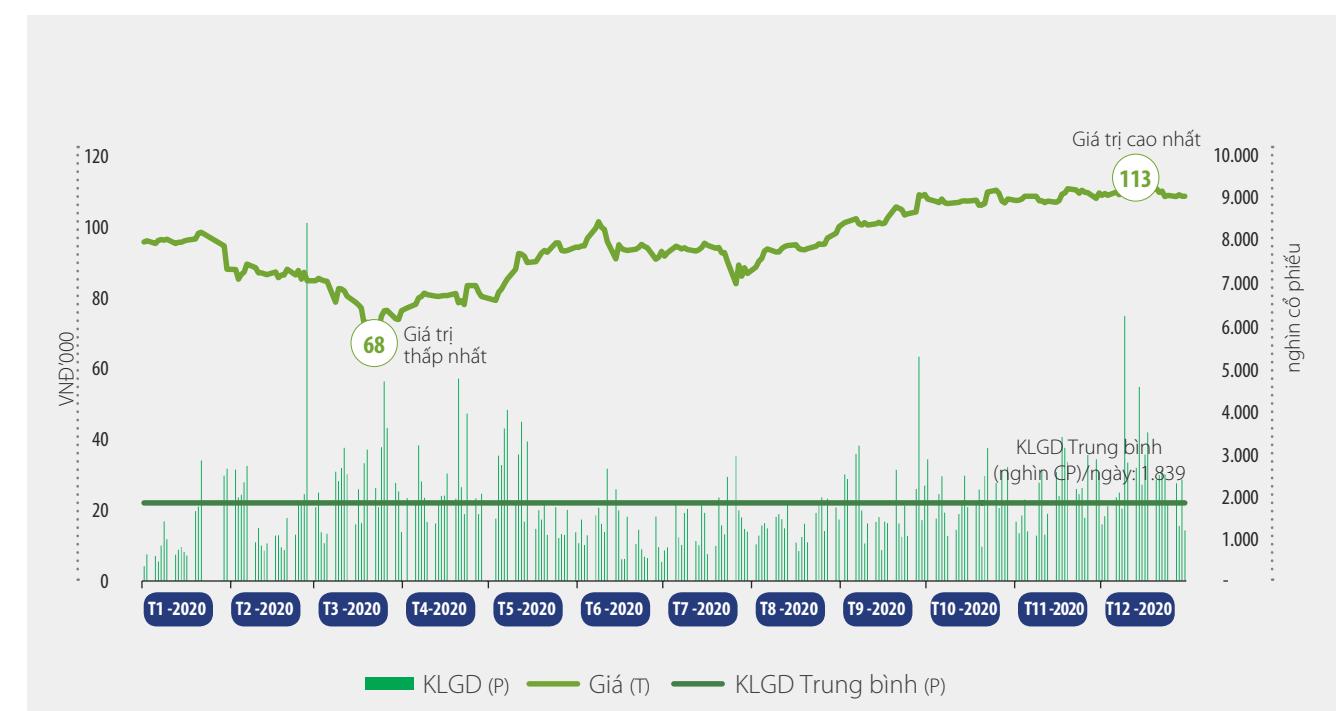
TĂNG TRƯỞNG GIÁ CỔ PHIẾU VNM SO VỚI VN-INDEX

(Giá đóng cửa điều chỉnh từ 01/01/2020 đến 31/12/2020)



BIẾN ĐỘNG GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU VNM

(Không bao gồm giao dịch thỏa thuận)





THÔNG TIN
CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG (tiếp theo)



VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG
TẠI NGÀY 06/01/2021
229.443 TỶ ĐỒNG

THÔNG TIN CỔ PHẦN

(tại ngày 06/01/2021)

- Vốn điều lệ đăng ký : 20.899.554.450.000 đồng
- Vốn thực góp của cổ đông : 20.899.554.450.000 đồng
- Tổng khối lượng cổ phần đã phát hành và niêm yết : 2.089.955.445 cổ phần
- Loại cổ phần : 01 quyền /cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 279.099 cổ phần
- Loại phổ thông, mệnh giá : 10.000 đồng /cổ phần
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành : 2.089.676.346 cổ phần
- Giá trị vốn hóa trên thị trường : 229.443 tỷ đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 06/01/2021)

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông lớn (>= 5%)	1.400.518.390	67,01%
- Trong nước	752.476.602	36,00%
- Nước ngoài	648.041.788	31,01%
Cổ phiếu quỹ	279.099	0,01%
Cổ đông khác (<5%)	689.157.956	32,97%
- Trong nước	130.274.408	6,23%
- Nước ngoài	558.883.548	26,74%
TỔNG CỘNG	2.089.955.445	100%
Trong đó		
- Trong nước	883.030.109	42,25%
- Nước ngoài	1.206.925.336	57,75%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 06/01/2021)

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH	752.476.602	36,00%
F&N Dairy Investments Pte Ltd (1)	369.752.859	17,69%
F&NBev Manufacturing Pte, Ltd (1)	56.432.376	2,70%
Platinum Victory Pte, Ltd	221.856.553	10,62%

Ghi chú: (1) F&NBev Manufacturing Pte, Ltd là công ty con 100% thuộc quyền sở hữu của F&N Dairy Investments Pte, Ltd.

DANH SÁCH 20 CỔ ĐÔNG LỚN NHẤT

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 06/01/2021)

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công Ty TNHH	752.476.602	36,00%
2	F&N Dairy Investments Pte Ltd	369.752.859	17,69%
3	Platinum Victory Pte.Ltd.	221.856.553	10,62%
4	F&NBev Manufacturing Pte. Ltd.	56.432.376	2,70%
5	Employees Provident Fund Board	26.565.864	1,27%
6	The Emerging Markets Funds of The Genesis Group Trust for Employee Benefit Plans	24.680.960	1,18%
7	Matthews Pacific Tiger Fund	19.619.028	0,94%
8	Schroder International Selection Fund	17.066.156	0,82%
9	Stichting Depositary APG Emerging Markets Equity Pool	15.236.708	0,73%
10	Merrill Lynch International	14.337.958	0,69%
11	BL	11.721.680	0,56%
12	First State Global Umbrella Fund Plc – First State Asian Equity Plus Fund	10.813.472	0,52%
13	Government of Singapore	10.656.212	0,51%
14	Citigroup Global Markets Ltd	10.418.944	0,50%
15	Avanda Asia Vantage Master Fund	9.930.294	0,48%
16	The Hongkong And Shanghai Banking Corporation Limited	9.756.466	0,47%
17	KIM Vietnam Growth Equity Fund	9.309.572	0,45%
18	The Genesis Emerging Markets Investment Company	8.882.222	0,43%
19	Norges Bank	8.680.004	0,42%
20	Vietnam Ventures Ltd	8.426.194	0,40%
	TỔNG CỘNG	1.616.620.124	77,37%

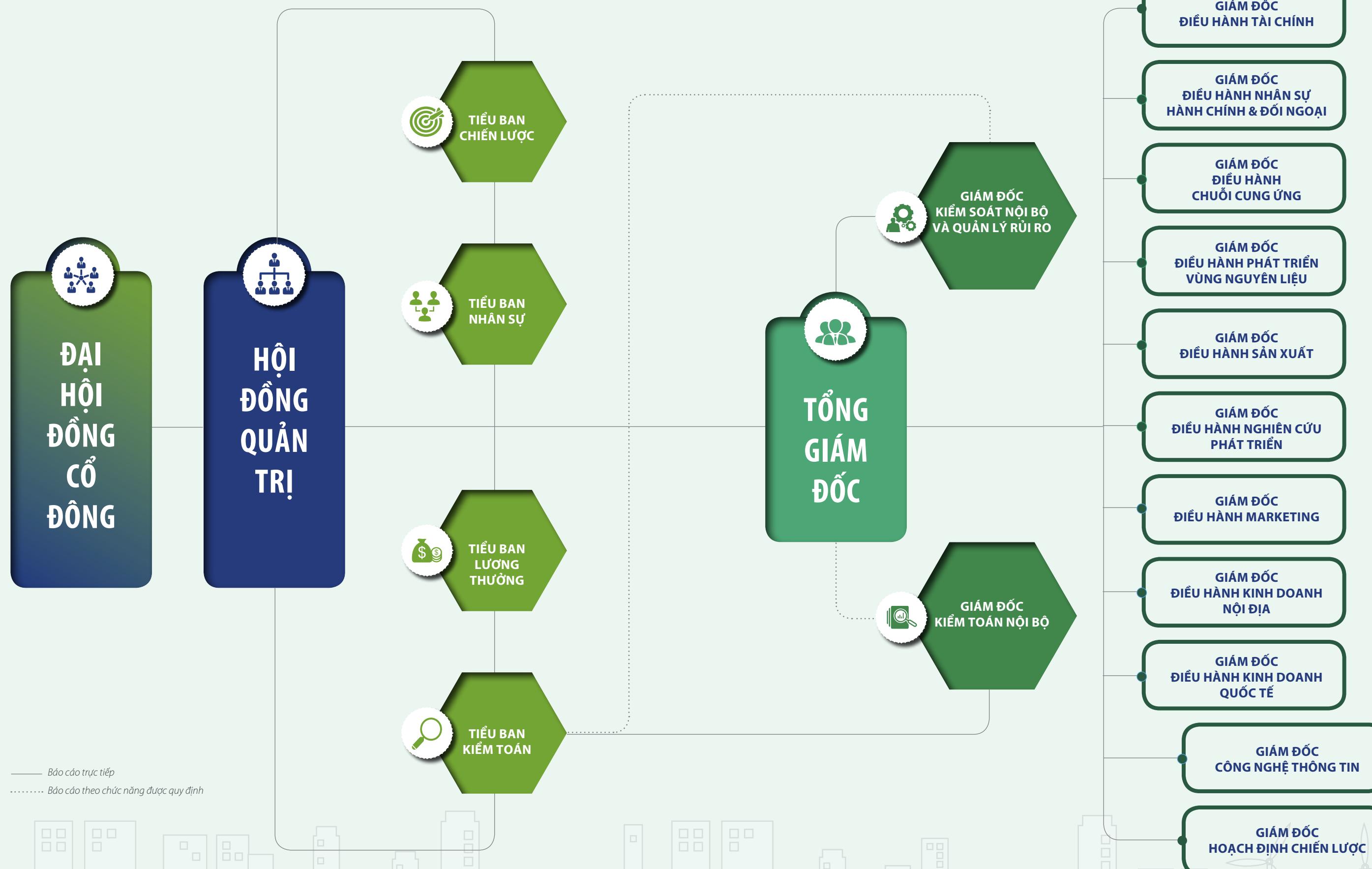


MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY





SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ





GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ LÊ THỊ BĂNG TÂM

Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT độc lập

Bà sinh năm 1947. Bà là thành viên HĐQT của Vinamilk từ tháng 4/2013 và đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT từ tháng 7/2015.



BÀ MAI KIỀU LIÊN

Thành viên HĐQT điều hành

Tổng Giám đốc

Bà sinh năm 1953. Bà là Chủ tịch HĐQT từ tháng 11/2003 đến năm 2015 và sau đó vẫn tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến nay. Bà là Tổng Giám đốc Công ty Vinamilk từ tháng 12/1992.

Trình độ chuyên môn

- Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Tài chính Leningrad, Liên Xô (năm 1989).
- Chứng chỉ Tài chính Quốc tế, Trường North University London, Anh Quốc (năm 2011).
- Cử nhân Tài chính Kế toán, Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội.
- Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, tài chính, quản lý Nhà nước và các lĩnh vực khác.
- Từ năm 2006 đến nay, bà đã tham gia vào HĐQT của nhiều công ty khác nhau, tiêu biểu là Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), Thành viên, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (HDBank).
- Bà là thành viên, tư vấn của nhiều tổ chức quan trọng: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Hội đồng Chính sách Tiền tệ Quốc gia, Ủy viên Ủy ban: Hợp tác Kinh tế Quốc tế, Các ban chỉ đạo ODA, Đầu tư Nước ngoài các chương trình dự án lớn của Chính phủ.
- Từ năm 1995 đến năm 2008, bà là Thứ trưởng, Ủy viên Ban Cán sự Bộ Tài chính.
- Hơn 20 năm công tác (1974 – 1995), bà đã đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý khác nhau: Phó Trưởng phòng - Vụ Cân đối Tài chính, Phó Vụ trưởng - Vụ Tổ chức Cán bộ và Đào tạo, Phó Cục trưởng, Cục trưởng, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trung ương.
- Bà từng tham gia công tác giảng dạy, là giảng viên của trường Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội trong khoảng thời gian từ năm 1969 đến 1974.

Chức vụ tại tổ chức khác

Chủ tịch HĐQT, Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (HDBank).

Trình độ chuyên môn

- Chứng chỉ Quản lý Kinh tế, Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrad, Nga.
- Chứng chỉ Quản lý Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia, Việt Nam.
- Kỹ sư công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa, Đại học Công nghiệp Chế biến thịt và sữa, Moscow, Nga.
- Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- Bà có hơn 27 năm kinh nghiệm trong vai trò Tổng Giám đốc (từ 1992 đến nay), lãnh đạo Vinamilk qua nhiều thời kỳ. Trong suốt quá trình đó, bà đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế như Huân chương lao động Hạng Nhất do Nhà nước trao tặng (2006); 4 lần được Forbes bình chọn là Một trong 50 nữ doanh nhân quyền lực nhất Châu Á (2012 – 2015); giải thưởng Nhà quản trị doanh nghiệp xuất sắc (2014) do Corporate Governance Asia bình chọn; giải thưởng Nikkei, giải New Zealand Asia cho những đóng góp của bà; giải thưởng "Thành tựu trọn đời" (2018) và "Top 50 Phụ nữ Ánh hưởng nhất Việt Nam" (2019) do Tạp chí Forbes vinh danh.
- Trước đó, bà có hơn 8 năm công tác (1984 – 1992) với vị trí Phó Tổng Giám đốc Vinamilk, phụ trách lĩnh vực kinh tế.
- Từ năm 1976 đến năm 1983, bà trải qua các vị trí tại nhiều bộ phận khác nhau ở nhiều nhà máy và trở thành Phó Giám đốc Kỹ thuật – nhà máy sữa Thống Nhất năm 1982.

Chức vụ tại tổ chức khác

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam.
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa.
- Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holding Corporation.
- Đại diện chủ sở hữu, Vinamilk Europe Spółka Z Organiczona Odpowiedzialności.
- Chủ tịch HĐQT, Lao-Jagro Development Xiengkhuang Co, Ltd.
- Thành viên HĐQT, Miraka Holdings Limited.



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



ÔNG ALAIN XAVIER CANY

Thành viên HĐQT không điều hành

Ông sinh năm 1949. Ông là thành viên HĐQT không điều hành từ tháng 3/2018.

Trình độ chuyên môn

Tú tài, Viện Đại học Paris

Kinh nghiệm

- Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý doanh nghiệp tại nhiều tổ chức tài chính. Từ năm 2007 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Trưởng Đại diện – Chủ tịch Tập đoàn Jardine Matheson Limited (Việt Nam).
- Trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến năm 2003, ông đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Phát triển Kinh doanh Châu Âu – Châu Á Thái Bình Dương tại HSBC khu vực Châu Á Thái Bình Dương, rồi sau đó giữ chức vụ Chủ tịch và Tổng Giám đốc Ngân hàng HSBC Việt Nam (2003 – 2007).
- Trong hơn 30 năm từ 1969 đến 2000, ông trải qua nhiều vị trí quản lý cấp cao tại tổ chức tài chính Credit Commercial de France và Banque Worms tại Pháp và Hồng Kông.
- Ngoài ra, ông còn đảm nhiệm nhiều vị trí cố vấn ngoại thương Chính phủ Pháp và là Chủ tịch của Eurocham, Diễn đàn Kinh doanh Việt Nam và là thành viên HĐQT của Ngân hàng Á Châu.
- Ông từng được Chính phủ Pháp trao tặng Huân Chương Bộ Tinh và Đệ Ngũ Đẳng Bắc Đầu Bội Tinh từ Tổng thống Pháp và được Thủ tướng nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam trao tặng Huân Chương Hữu Nghị.

Chức vụ tại tổ chức khác

- Trưởng Đại diện Jardine Matheson Limited (Việt Nam), công ty mẹ của Jardine Cycle & Carriage Limited.
- Chủ tịch Danh dự Hội đồng Tín thác Saigon Children's Charity CIO.
- Thành viên HĐQT, Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam) (từ tháng 02/2017).
- Chủ tịch HĐTV, Công ty TNHH MTV Thương mại – Đầu tư Liên Á Châu (từ tháng 01/2014).



BÀ ĐẶNG THỊ THU HÀ

Thành viên HĐQT không điều hành

Bà sinh năm 1973, là thành viên HĐQT không điều hành từ tháng 4/2017.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA), Viện Quản trị Kinh doanh.
- Cử nhân Kinh tế Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Cử nhân Ngoại ngữ (Tiếng Anh), Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chứng chỉ hành nghề Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp, Trung tâm Đào tạo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

Kinh nghiệm

- Bà bắt đầu công tác trong HĐQT các công ty từ năm 2013. Bà hiện là Chủ tịch HĐQT tại CTCP Dược Hậu Giang và Thành viên HĐQT tại CTCP Thuốc ung thư Benovas.
- Bà đã công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) được 11 năm và làm việc tại các vị trí khác nhau thuộc Ban Quản lý Vốn đầu tư. Bà hiện đang giữ chức Trưởng Ban Đầu tư 3.
- Trước đó, bà công tác hơn 8 năm trong lĩnh vực tư vấn tài chính và kế toán toàn thủ tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An (2007 - 2008) và Ngân hàng Mizuho Hà Nội (2000 - 2007).
- Bà được trao tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính năm 2015, Danh hiệu Chiến sỹ thi đua ngành Tài chính năm 2016.

Chức vụ tại tổ chức khác

- Chủ tịch HĐQT, CTCP Dược Hậu Giang.
- Thành viên HĐQT, CTCP Thuốc ung thư Benovas.
- Trưởng Ban Đầu tư 3, SCIC.



ÔNG ĐỖ LÊ HÙNG

Thành viên HĐQT độc lập

Ông sinh năm 1969, là thành viên HĐQT độc lập từ tháng 4/2017.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Quản lý công và Bằng tốt nghiệp Quản lý công, Trường Hành chính Quốc gia - Cộng hòa Pháp.
- Bằng Thanh tra Kho bạc, Trường Kho bạc Quốc gia - Cộng hòa Pháp.
- Cử nhân Tài chính - Kế toán, Trường Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội.
- Chứng chỉ Quản lý Tài chính công, Chứng chỉ Kế toán, Kiểm toán.
- Chứng chỉ Chương trình Ủy ban Kiểm toán chuyên sâu được cấp bởi các tổ chức nước ngoài.
- Chứng chỉ Chương trình đào tạo chuyên sâu Thành viên HĐQT (DCP) – Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD).

Kinh nghiệm

- Ông có hơn 8 năm kinh nghiệm đảm nhiệm vị trí Giám đốc Kiểm toán và Kiểm soát Nội bộ tại Big C Việt Nam.
- Ông có gần 6 năm kinh nghiệm với vị trí Vụ phó Vụ Kế toán - Kho bạc Nhà nước Việt Nam – Bộ Tài chính.
- Trước đó, ông cũng có hơn 11 năm kinh nghiệm công tác tại Vụ Kế toán - Kho bạc Nhà nước Việt Nam ở cấp Chuyên viên, Chuyên viên chính.
- Ông được trao tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và nhiều Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính từ năm 1997 đến 2006.

Chức vụ tại tổ chức khác

- Hiện nay, ông đang là Thành viên HĐQT độc lập đồng thời là Trưởng Tiểu ban Kiểm toán của các công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) sau đây:
 - Công ty Cổ phần GTNfoods (GTN)
 - Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang – DHG Pharma (DHG)
 - Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Bất động sản An Gia – An Gia Group (AGG)
 - Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam – Sotrans Group (STG)
- Ông là Thành viên HĐQT, Viện thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) từ tháng 4/2018.



ÔNG LÊ THÀNH LIÊM

Thành viên HĐQT điều hành

Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ông sinh năm 1973, là thành viên HĐQT điều hành từ tháng 4/2017.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Tài chính và Thương mại Quốc tế, Đại học Leeds Metropolitan (Anh Quốc) (năm 2012).
- Cử nhân Kinh tế, Đại học Tài chính - Kế toán TP. HCM (năm 1994).
- Chứng chỉ Chương trình đào tạo chuyên sâu Thành viên HĐQT (DCP) – Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD).
- Chứng nhận Chương trình đào tạo Lãnh đạo Toàn cầu (Global Leadership Program-GLP) – Học viện Quản lý PACE.

Kinh nghiệm

- Ông có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán-tài chính và đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng từ năm 2015.
- Từ năm 2003-2015, ông đảm nhiệm các vị trí quản lý tại Phòng Tài chính – Kế toán của Vinamilk như: Phó Phòng Kế toán, Kế toán trưởng.
- Từ năm 1994 – 2003, ông trải qua nhiều vị trí khác nhau tại Phòng Tài chính - Kế toán của Vinamilk.

Chức vụ tại tổ chức khác

- Thành Viên HĐQT, Công ty Cổ phần GTNfoods.
- Phó Chủ tịch Câu lạc bộ Giám đốc Tài chính Việt Nam.



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



ÔNG LEE MENG TAT

Thành viên HĐQT không điều hành

Ông sinh năm 1963, là thành viên HĐQT không điều hành từ tháng 9/2016.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA), Đại học Hoàng Gia, Anh Quốc (năm 1997).
- Kỹ sư cơ khí, Đại học Quốc gia Singapore (năm 1988).
- Chứng chỉ Chương trình Quản lý nâng cao, Đại học Harvard (năm 2005).
- Chứng chỉ Chương trình Giám đốc toàn cầu, INSEAD (năm 2017).

Kinh nghiệm

- Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý doanh nghiệp, quản lý kinh tế tại nhiều tổ chức tư nhân và cơ quan nhà nước.
- Từ năm 2015 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT của Fraser & Neave Holdings Berhad.
- Trong khoảng thời gian hơn 18 năm, từ năm 1997 đến năm 2015, ông đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý cấp cao ở các công ty trong lĩnh vực Hàng tiêu dùng và Du lịch như Fraser & Neave, Heineken-APB (Trung Quốc), Công ty TNHH Dịch vụ Quản trị, Công ty TNHH Nhà máy bia Châu Á – Thái Bình Dương, và Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Singapore.
- Từ năm 1994 đến năm 1996, ông giữ vị trí Phó Giám đốc, Phụ trách du lịch vùng thuộc Hội đồng Du lịch Singapore.
- Trước đó, ông là Trợ lý Trưởng Bộ phận Phát triển Kinh doanh Quốc tế - Hội đồng Phát triển Kinh tế Singapore từ năm 1993 đến năm 1994.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Giám đốc Điều hành, Ngành Nước giải khát không cồn, Fraser & Neave Ltd.
- Thành viên HĐQT, Fraser & Neave Holdings Berhad.



ÔNG MICHAEL CHYE HIN FAH

Thành viên HĐQT không điều hành

Ông sinh năm 1959, là thành viên HĐQT không điều hành từ tháng 4/2017.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh doanh (loại Xuất sắc) và Cử nhân Kinh doanh (loại Xuất sắc) chuyên ngành Tài chính – Kế toán, Đại học Massey, New Zealand.
- Thành viên của Singapore Institute of Directors (SID) từ năm 1999.
- Thành viên của Institute of Singapore Chartered Accountant (SCA) từ năm 2003.
- Thành viên của Institute of Chartered Secretariats and Administrations (ACIS) từ năm 1990.

Kinh nghiệm

- Ông có hơn 15 năm kinh nghiệm tham gia vào HĐQT. Hiện ông là thành viên HĐQT và thành viên Tiểu ban Kiểm toán của Tổng CTCB Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SABECO). Ông còn là thành viên HĐQT dự khuyết của Fraser & Neave Ltd. và là thành viên HĐQT không điều hành tại các công ty trực thuộc tập đoàn ThaiBev.
- Ông có hơn 22 năm kinh nghiệm làm CEO các công ty tài chính và đầu tư. Ngoài ra, ông còn có kinh nghiệm làm việc ở nhiều quốc gia Châu Á.
- Trước đó, ông từng tham gia công tác giảng dạy, là giảng viên trẻ tại New Zealand.

Chức vụ tại tổ chức khác

- Tổng Giám đốc, BeerCo Limited.
- Thành viên Ủy ban Điều hành và Ủy ban Kiểm soát Rủi ro, Fraser & Neave Ltd.
- Thành viên HĐQT không điều hành tại các tổ chức: Marketing Magic Pte Ltd, DECCO 235, Heritas Capital Management Pte Ltd, IMC Pan Asia Alliance Corporation, Prudence Holdings Ltd.



BÀ NGUYỄN THỊ THẮM

Thành viên HĐQT không điều hành

Bà sinh năm 1985, là thành viên HĐQT không điều hành từ tháng 6/2020.

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân, chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng, Đại học Thương mại.
- Chứng chỉ Kiểm toán viên hành nghề (do Bộ Tài chính cấp), Chứng chỉ Quản lý quỹ (do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp).

Kinh nghiệm

- Từ tháng 7/2007 – 8/2010: Trợ lý, Trưởng nhóm Kiểm toán Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Từ tháng 8/2010 – 7/2017: Chuyên viên, Trưởng phòng Quản lý Rủi ro – Ban Quản lý Rủi ro, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC).
- Từ tháng 7/2017 – nay: Trưởng phòng, Phó Chánh văn phòng – Văn phòng Điều hành, SCIC với công việc chính là Thư ký giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng Thành viên, phụ trách Bộ phận Thư ký Hội đồng Thành viên SCIC.
- Kiểm soát viên, Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC (2013 – 2019).
- Thành viên Ban Kiểm soát, CTCP Nhựa Bình Minh (2013 – 2018).

HĐQT ĐÃ HOẠT ĐỘNG PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, ĐIỀU LỆ, VƯỢT QUA KHÓ KHĂN THÁCH THỨC VÀ GÓP PHẦN ĐẠT KẾT QUẢ KẾ HOẠCH MÀ ĐHĐCĐ ĐỀ RA. CÁC NỘI DUNG THUỘC TRÁCH NHIỆM VÀ THẨM QUYỀN HĐQT VỀ QUẢN TRỊ, QUẢN TRỊ RỦI RO, TUÂN THỦ, KIỂM TOÁN GIÁM SÁT, CHIẾN LƯỢC, NHÂN SỰ VÀ LƯƠNG THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC THỰC THI NGHIÊM TÚC.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG MAI HOÀI ANH

Giám đốc Điều hành Kinh doanh Quốc tế
kiêm Điều hành Khối Kinh doanh Nội địa

Ông sinh năm 1970. Ông gia nhập Vinamilk năm 1996 và được
bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Kinh doanh Quốc tế từ tháng
12/2018 và Điều hành Khối Kinh doanh Nội địa từ tháng 07/2020

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Bolton, Anh Quốc (năm 2012).
- Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế TP.HCM.

Kinh nghiệm

- Từ tháng 07/2020, ông được ủy quyền kiêm nhiệm điều hành Khối Kinh doanh Nội địa.
- Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Điều hành Kinh doanh Quốc tế từ tháng 12/2018 đến nay.
- Từ năm 2012 đến tháng 12/2018, ông giữ vị trí Giám đốc Điều hành Kinh doanh. Bên cạnh đó, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Hoạt động hơn 2 năm với chức năng quản lý chung các lĩnh vực: Marketing, Kinh doanh, Chuỗi cung ứng, Sản xuất, Nghiên cứu và Phát triển.
- Suốt 9 năm công tác (2003 – 2012), ông nắm giữ nhiều vị trí quản lý tại Phòng Xuất nhập khẩu Vinamilk như: Trưởng phòng Xuất nhập khẩu, Giám đốc Xuất nhập khẩu, phụ trách việc kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu nguyên vật liệu.
- Trước đó, trong khoảng thời gian từ năm 1996 đến năm 2003, ông trải qua các vị trí: Nhân viên Xuất nhập khẩu, Phó phòng và Phụ trách Phòng Xuất nhập khẩu.



ÔNG TRỊNH QUỐC DŨNG

Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng nguyên liệu

Ông sinh năm 1962, gia nhập Vinamilk năm 2005.

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Năng lượng và tự động hóa, Đại học Bách khoa Odessa, Liên Xô cũ (năm 1985).

Kinh nghiệm

- Từ năm 2014 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu.
- Trong 10 năm trước tại Vinamilk (2005 – 2014), ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc tại các nhà máy khác nhau của Vinamilk, như Nhà máy sữa Nghệ An, Nhà máy sữa Việt Nam.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, ông làm Giám đốc Trung tâm Tư vấn Dịch vụ Đầu tư Công nghiệp Điện trong 6 năm (1998 – 2004).
- Từ năm 1987 đến năm 1998, ông từng công tác ở các vị trí khác nhau tại các doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước, tiêu biểu: Sở Khoa học Công nghệ Môi trường Nghệ Tĩnh (nay là Nghệ An và Hà Tĩnh), Ủy ban Nhân dân Thành phố Vinh và Sở Công nghiệp Nghệ An.

Chức vụ tại tổ chức khác

- Giám đốc, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam.
- Tổng Giám đốc, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa
- Thành viên HĐQT, Lao-Jagro Development XiengKhouang, Ltd (CHDCND Lào).
- Tổng Giám đốc & Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần GTNfoods.
- Tổng Giám đốc & Thành viên HĐQT, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (Vilico).
- Thành viên HĐQT, Tổng công ty Chè Việt Nam (Vinatea).
- Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.



BÀ NGUYỄN THỊ THANH HÒA

Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng

Bà sinh năm 1955, gia nhập Vinamilk năm 1983.

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư chuyên ngành Công nghệ Chế biến Sữa (năm 1978), Đại học Công nghệ Chế biến Thịt và Sữa Moscow (nay là trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Công nghệ Sinh học Ứng dụng Moscow).

Kinh nghiệm

- Trong hơn 20 năm (1999 – nay) tại Vinamilk, bà trải qua nhiều vị trí quản lý cấp cao như Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Điều hành Sản xuất và Phát triển Sản phẩm và hiện nay, bà là Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng.
- Trước đó, trong thời gian từ năm 1983 đến năm 1999, bà công tác tại nhiều vị trí khác nhau như Kỹ sư Công nghệ, Phó Giám đốc và trở thành Giám đốc Nhà máy sữa Trường Thọ kiêm Giám đốc Nhà máy sữa Hà Nội từ năm 1995.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, bà từng là giảng viên tại Đại học Bách khoa TP. HCM trong gần 6 năm (1978 – 1983).

Chức vụ tại tổ chức khác

Thành viên HĐQT, CTCP Đường Việt Nam.



BÀ BÙI THỊ HƯƠNG

Giám đốc Điều hành Nhân sự - Hành chính & Đối ngoại

Bà sinh năm 1962, gia nhập Vinamilk năm 2005.

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Nga Văn, chuyên ngành Phiên dịch, Đại học Ngoại ngữ Quốc gia Orion, Liên Xô cũ (năm 1985).
- Cử nhân Kinh tế - Quản trị Kinh doanh và Công đoàn, Đại học Công đoàn (năm 2000).

Kinh nghiệm

- Từ năm 2015, bà là Giám đốc Điều hành Nhân sự - Hành chính & Đối ngoại.
- Sau gần 10 năm công tác (2005 – 2014), bà trải qua các vị trí: Quản lý Hoạt động Đối ngoại, Giám đốc Đối ngoại tại Bộ phận Đối ngoại – Vinamilk.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, bà đã có hơn 17 năm kinh nghiệm công tác tại Công ty Bóng đèn Điện Quang và đảm nhiệm các chức vụ: Phó Phòng Kế hoạch Vật tư, Trưởng Phòng Tiêu thụ, Giám đốc Điều hành Kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, thành viên HĐQT.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



ÔNG NGUYỄN QUỐC KHÁNH

Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển

Ông sinh năm 1964, gia nhập Vinamilk năm 1988.



ÔNG PHAN MINH TIỀN

Giám đốc Điều hành Marketing

Ông sinh năm 1970, gia nhập Vinamilk năm 2014.



ÔNG TRẦN MINH VĂN

Giám đốc Điều hành Sản xuất

Ông sinh năm 1960, gia nhập Vinamilk năm 1981.

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư, chuyên ngành Kỹ thuật Hoá học và Thực phẩm, Đại học Bách khoa TP. HCM (năm 1987).
- Cử nhân, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế TP. HCM (năm 1997).
- Cử nhân, chuyên ngành Ngữ văn Anh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. HCM (năm 2001).

Kinh nghiệm

- Từ năm 2015, ông là Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển.
- Trong hơn 10 năm (2009 – nay) tại Vinamilk, ông đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao như Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng, Giám đốc Điều hành Sản xuất và Nghiên cứu & Phát triển, và Giám đốc Điều hành Nghiên cứu & Phát triển.
- Trước đây, gần 22 năm công tác (1988 – 2009), ông trải qua nhiều vị trí thuộc các bộ phận khác nhau tại các Nhà máy Vinamilk như Nhà máy sữa Thống Nhất, Cần Thơ... và trở thành Giám đốc – Nhà máy sữa Cần Thơ năm 2004.

Chức vụ tại tổ chức khác

- Thành viên HĐQT, CTCP Chế biến Dừa Á Châu (ACP).
- Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holding Corporation.
- Thành viên HĐQT độc lập, Công ty GILIMEX (Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Bình Thạnh).
- Thành viên HĐQT độc lập, Công ty Cổ phần Bamboo Capital.

Trình độ chuyên môn

Cử nhân, Học viện Quản lý Moscow, Nga.

Kinh nghiệm

- Từ tháng 05/2014 đến nay, ông là Giám đốc Điều hành Marketing tại Vinamilk.
- Từ tháng 12/2018 – 07/2020, ngoài quản lý, điều hành hoạt động Khối Marketing, ông được ủy quyền kiêm nhiệm điều hành Khối Kinh doanh Nội địa.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, ông có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing, xây dựng các thương hiệu hàng đầu và nắm giữ các vị trí quản lý cấp cao tại các công ty đa quốc gia:
 - » Giám đốc Marketing – Samsung Việt Nam (2013 - 2014).
 - » Phó Tổng Giám đốc phụ trách ngành Thực phẩm – Unilever Việt Nam (2008 - 2013).
 - » Trước đó ông trải qua nhiều vị trí quản lý Marketing và Kinh doanh tại Unilever Việt Nam (1996 - 2008).

Chức vụ tại tổ chức khác

- Thành viên HĐQT, CTCP Dược Hậu Giang.
- Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Bách khoa Hà Nội (năm 2004).
- Cử nhân Luật, chuyên ngành Luật thương mại, Đại học Luật Hà Nội (năm 2001).
- Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế TP. HCM (năm 1994).
- Kỹ sư Cơ khí, Đại học Bách khoa TP. HCM (năm 1981).

Kinh nghiệm

- Từ tháng 12/2015 đến nay, ông là Giám đốc Điều hành - Sản xuất.
- Gần 10 năm công tác (2006 – 2015), ông đảm nhiệm các vị trí cấp cao như: Phó Tổng Giám đốc phụ trách dự án, Giám đốc Điều hành Dự án.
- Suốt 25 năm công tác (1981 – 2006), ông trải qua nhiều vị trí khác nhau tại các nhà máy Vinamilk và trở thành Giám đốc – Nhà máy sữa Thống Nhất năm 1994.



ÔNG TRẦN CHÍ SƠN

*Thư ký Công ty
Trưởng Bộ phận Tài chính*

Ông sinh năm 1975. Ông gia nhập Vinamilk năm 2005 và đảm nhiệm vị trí Thư ký Công ty từ tháng 4/2017 đến nay.

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân, chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán, Đại học Tài chính - Kế toán TP. HCM (năm 1998).
- Chứng chỉ Kế toán Công chứng Anh Quốc (ACCA), Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc.
- Cử nhân, chuyên ngành Anh Ngữ, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chứng chỉ quốc tế về Quan hệ cỗ đồng (ICIR), Hiệp hội Quan hệ cỗ đồng Anh Quốc và Singapore.
- Chứng chỉ Quản trị Công ty.
- Chứng chỉ Thành viên Hội đồng Quản trị, Viện Thành viên HDQT Việt Nam (MOD).

Kinh nghiệm

- Từ tháng 6/2016 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tài chính tại Vinamilk. Ngoài ra, ông đã và đang phụ trách công tác quan hệ nhà đầu tư của Vinamilk từ hơn 10 năm nay.
- Hơn 11 năm công tác (2005 – 2016) tại Vinamilk, ông đã trải qua nhiều vị trí khác nhau như Giám đốc Kiểm soát Nội bộ, Giám đốc Đầu tư, Trưởng ban Quan hệ Nhà đầu tư (IR).
- Trước khi gia nhập Vinamilk, ông đã làm việc và có kinh nghiệm như Chuyên viên Phân tích Tài chính - Công ty TNHH Bia San Miguel Việt Nam; Trưởng nhóm Kiểm toán - Công ty TNHH KPMG Việt Nam, Kế toán trưởng - Công ty TNHH URC Việt Nam và Công ty TNHH Ô Tô Ngôi Sao Việt Nam.

Chức vụ tại tổ chức khác

- Thành viên HĐQT, Lao-Jagro Development Xiengkhouang, Ltd (CHDCND Lào).
- Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần GTNfoods.
- Thành viên HĐQT, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (Mlico).
- Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (Ladofoods).



BÀ LÊ QUANG THANH TRÚC

*Thư ký Công ty
Giám đốc Quản lý Chi nhánh Nước ngoài*

Bà sinh năm 1975. Bà gia nhập Vinamilk vào năm 2005 và đảm nhiệm vị trí Thư ký Công ty từ năm 2005 đến nay.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh tế Phát triển, chương trình hợp tác giữa The International Institute of Social Studies, The Hague, Hà Lan và Đại học Kinh tế TP. HCM (năm 2000).
- Cử nhân Ngữ văn Anh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (năm 1999).
- Cử nhân chuyên ngành Ngoại thương, Đại học Kinh tế TP. HCM (năm 1998).
- Chứng chỉ Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- Từ tháng 8/2015 đến nay, bà đảm nhiệm vị trí Giám đốc Quản lý chi nhánh nước ngoài.
- Trước đó, từ 2005 đến 2015, bà trải qua nhiều vị trí khác nhau tại Khối Tài chính của Vinamilk như Chuyên viên Phân tích Tài chính, Trưởng ban Quan hệ Nhà đầu tư (IR), Trưởng ban Đầu tư Tài chính, Giám đốc Đầu tư.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, bà từng nắm giữ các vị trí: Giám đốc Dự án, và sau đó là Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư I.C; Phó Phòng Tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI).

Chức vụ tại tổ chức khác

- Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holding Corporation.
- Thành viên HĐQT, Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczoną Odpowiedzialnością.
- Chủ tịch, Công ty TNHH AngKor Milk.
- Chủ tịch HĐQT, CTCP Đường Việt Nam.
- Thành viên HĐQT, CTCP APIS.



ÔNG NGUYỄN TRUNG

*Thư ký Công ty
Giám đốc Cung ứng Điều vận*

Ông sinh năm 1973. Ông gia nhập Vinamilk năm 1994 và đảm nhiệm vị trí Thư ký Công ty từ năm 2012 đến nay.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (Executive MBA), Trường Université du Québec à Montréal (năm 2014).
- Cử nhân, chuyên ngành Kế toán, Đại học Tài chính - Kế toán TP. HCM (năm 1994).
- Chứng chỉ Phát triển Bền vững, Viện Thụy Điển (năm 2016).
- Chứng chỉ Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- Từ tháng 7/2017 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Cung ứng Điều vận.
- Từ tháng 7/2014 đến 6/2017, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Hoạch định Chiến lược.
- Ông có hơn 7 năm công tác (2007 – 2014) trong vai trò Giám đốc Kiểm soát Nội bộ và Quản lý Rủi ro, kiêm phụ trách Bộ phận Pháp lý. Khi đảm nhiệm vị trí này, ông cũng đã chủ trì soạn lập Bộ Quy tắc Ứng xử cho toàn Công ty.
- Ông từng đảm nhiệm vai trò đại diện cho Vinamilk tại Hiệp hội Quản trị Công ty Châu Á (ACGA). Ông cũng từng tham gia Khóa Đào tạo về nghiệp vụ Thư ký Công ty do International Finance Corporation (IFC) tổ chức.
- Trước đó, ông có hơn 14 năm kinh nghiệm tại Phòng Tài chính - Kế toán của Vinamilk với các vị trí: Kế toán tài sản – vật tư – xây dựng cơ bản, Kế toán tổng hợp – chuẩn bị báo cáo tài chính.



BÀ TẠ HẠNH LIÊN

Giám đốc Kiểm toán Nội bộ

Bà sinh năm 1980, gia nhập Vinamilk năm 2006.

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán, Đại học Kinh tế TP. HCM.

Kinh nghiệm

- Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính và hoạch định ngân sách.
- Bà đảm nhiệm vị trí Giám đốc Kiểm toán Nội bộ từ tháng 11/2011 sau khi hoàn thành công tác điều phối viên cho dự án "Xây dựng chức năng Kiểm toán Nội bộ" và được chuyển giao các phương pháp, kỹ thuật Kiểm toán Nội bộ theo chuẩn mực quốc tế từ Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Từ năm 2006 đến năm 2010, bà công tác tại Khối Tài chính và đảm nhận các vị trí khác nhau, tiêu biểu là Trưởng ban Hoạch định và Kiểm soát Ngân sách, Giám sát Phân tích tài chính.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, bà từng là Trợ lý Kiểm toán, Trưởng nhóm Kiểm toán tại Công ty TNHH KPMG Việt Nam từ năm 2002 đến 2005.





ĐẦY MẠNH CÁC DÒNG
SẢN PHẨM
Organic



Lớn khôn
cùng tự nhiên



DINH DƯỠNG VÀNG
TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG



món quà sức khỏe
THƯỢNG HẠNG



NHỮNG SẢN PHẨM
*Cao Cấp
Nổi Bật*





GIA TĂNG
Giá trị
NGÀNH HÀNG





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

- Tổng quan ngành sữa năm 2020
- Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- Báo cáo của Ban Điều hành

TỔNG QUAN NGÀNH SỮA NĂM 2020



↑ 2,91%
GDP NĂM 2020
là mức tăng
thấp nhất trong
giai đoạn 2011-2020

↓ 7%
MỨC TIÊU THU
NGÀNH HÀNG
TIÊU DÙNG

↓ 6%
MỨC TIÊU THU
NGÀNH SỮA

ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐÃ KÌM HẤM SỰ TĂNG TRƯỞNG CỦA NGÀNH SỮA TRONG NĂM 2020

Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2020 tăng 2,91% tuy là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới. Các biện pháp giãn cách xã hội ở khía cạnh tích cực đã giúp kiểm soát hiệu quả sự lây lan của dịch bệnh, nhưng đã làm giảm nhu cầu tiêu dùng tại chỗ (on-premise) khi nhiều cơ sở du lịch, ăn uống, trường học phải đóng cửa trong khi mức tăng của tiêu dùng tại nhà (off-premise) không đủ để bù đắp cho sự sụt giảm này. Ngoài ra, nhu cầu tiêu dùng còn bị ảnh hưởng khi cả nước có tới 32,1 triệu người bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh và thu nhập bình quân của người lao động giảm 2,3% (GSO). Theo đó, ngành hàng tiêu dùng nhanh ghi nhận mức giảm 7% về giá trị và riêng ngành sữa giảm 6% (AC Nielsen).

ĐANG CÓ SỰ PHÂN HÓA VỀ TĂNG TRƯỞNG GIỮA CÁC SẢN PHẨM SỮA KHÁC NHAU

Các sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên, hỗ trợ hệ tiêu hóa, bao bì tiện lợi như sữa tươi 100%, sữa tươi Organic, sữa chua, sữa bột pha sẵn v.v. tiếp tục tăng trưởng khi người tiêu dùng ngày càng nhận thức tốt hơn về những lợi ích sức khỏe do các sản phẩm này mang lại. Tuy nhiên, các sản phẩm sữa bột truyền thống đang phải đổi mới với điều kiện thị trường khá thử thách do các hạn chế của Chính phủ đối với hoạt động quảng cáo dành cho trẻ em dưới 2 tuổi, xu hướng ưu tiên sữa mẹ và chuyển dịch tiêu dùng sang sữa bột pha sẵn hoặc sữa tươi 100%.

HIỆP ĐỊNH EVFTA MANG ĐẾN CẢ THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI ĐỐI VỚI NGÀNH SỮA VIỆT NAM

Một phần trong hiệp định EVFTA có hiệu lực từ tháng 8/2020 là Việt Nam sẽ giảm thuế nhập khẩu các sản phẩm sữa từ Châu Âu về mức 3,5%-0% so với mức 5-15% như hiện tại trong vòng 3-5 năm tới. Điều này sẽ khiến thị trường sữa cạnh tranh hơn khi sữa nhập khẩu từ Châu Âu được hưởng lợi, nhưng đồng thời là động lực thúc đẩy các công ty sữa nội địa gia tăng năng lực để cung cấp ra thị trường các sản phẩm chất lượng hơn. Bên cạnh đó, một số công ty sữa nội địa đang nhập khẩu nguyên liệu bột sữa từ Châu Âu nên khi mức thuế giảm sẽ giúp các công ty này cải thiện biên lợi nhuận.

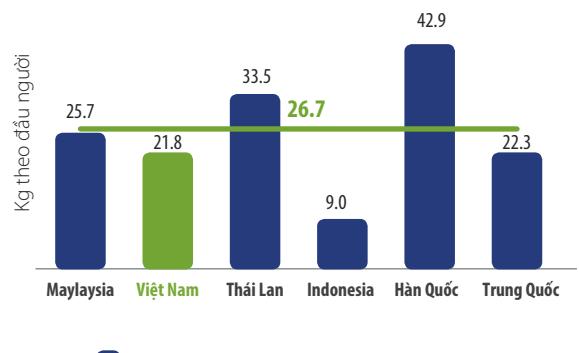
QUÁ TRÌNH HỢP NHẤT GIỮA CÁC
CÔNG TY NỘI ĐỊA TIẾP TỤC DIỄN RA
TRONG NGÀNH SỮA

Thị trường sữa Việt Nam giai đoạn 2019-2020 chứng kiến 02 thương vụ mua bán sáp nhập quy mô khi Sữa Mộc Châu (MCM) trở thành thành viên của Vinamilk và Sữa Quốc Tế (IDP) được CTCP Blue Point thôn tóm. Ngay sau đó, cả MCM và IDP đều đã niêm yết lên sàn UPCoM, giúp các nhà đầu tư có thêm lựa chọn trong ngành sữa. Quá trình hợp nhất giúp các công ty nhỏ hơn tiếp cận các thực hành quản trị và công nghệ sản xuất tiên tiến, qua đó nhanh chóng gia tăng quy mô và hiệu quả hoạt động để cạnh tranh tốt hơn với các đối thủ ngoại.

MỨC TIÊU THU SỮA BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI
TẠI VIỆT NAM ĐANG THẤP HƠN 18% SO VỚI
TRUNG BÌNH MỘT SỐ QUỐC GIA LÂN CẬN

Theo số liệu mới nhất của Euromonitor đến hết năm 2019, mức tiêu thụ sữa bình quân theo đầu người tại Việt Nam đạt 21,8kg, thấp hơn 18% so với mức 26,7kg của một số quốc gia lân cận trong khu vực Châu Á. Khoảng cách về thu nhập giữa Việt Nam và các quốc gia được so sánh là một lý do quan trọng giải thích cho sự chênh lệch trong mức tiêu thụ sữa. Theo đó, các dự báo nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng 6,5-7,5%/năm tầm nhìn đến năm 2030 (World Bank), cùng với nhận thức ngày càng tăng của người tiêu dùng về tầm quan trọng của thực phẩm có lợi cho sức khỏe, sẽ là những nền tảng quan trọng thúc đẩy ngành sữa tiếp tục mở rộng quy mô trong trung và dài hạn.

TIÊU THU SỮA BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI (BQĐN) 2019



BQĐN mỗi nước

TB BQĐN các nước



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

Dưới tác động của đại dịch Covid-19, trong năm 2020 HĐQT Vinamilk đã tổ chức, triển khai và thực hiện các hoạt động theo nội dung đã được quy định tại Quy chế Nội bộ về Quản trị Doanh nghiệp theo một cách thức phù hợp. Với phương châm chú trọng hiệu quả, khai thác tối đa các cách thức thực hành, từng thành viên HĐQT nói riêng, các Tiểu ban và toàn bộ HĐQT đã thực thi các nhiệm vụ với những những hoạt động chính trong năm 2020 như sau:

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN



Tiểu ban Chiến lược

Tiểu ban Chiến lược đã tổ chức xem xét, thảo luận và đánh giá các mục tiêu chiến lược 5 năm, tổ chức giám sát và đánh giá tình hình thực hiện các dự án chiến lược. Các nội dung, chủ đề chính của các chương trình nghị sự tập trung vào việc đánh giá sau đầu tư các giao dịch thâu tóm sáp nhập cùng các bài học kinh nghiệm được rút ra, đánh giá và cân nhắc chiến lược mở rộng kinh doanh ra thị trường quốc tế. Ngoài ra, Tiểu ban còn chú trọng đến chủ đề phát triển bền vững, kinh doanh có trách nhiệm nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích các bên liên quan, nhất là việc kinh doanh trong tình hình bình thường mới – dưới tác động của đại dịch Covid-19.

Tiểu ban Lương thưởng

Tiểu ban Lương thưởng đã kịp thời xây dựng và đề xuất một cơ chế, phương pháp đánh giá kết quả điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong điều kiện kinh doanh mới. Đồng thời, Tiểu ban tiếp tục thu thập thông tin nhằm xem xét điều chỉnh gói đãi ngộ, bao gồm lương, thưởng và phúc lợi của Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và các cấp quản lý khác nhằm đảm bảo sức cạnh tranh trong tuyển dụng, thu hút và giữ chân nhân tài. Trong năm 2020, thử thách của từng loại thành viên HĐQT, tiểu ban cũng được xem xét và quyết định một cách phù hợp.

Tiểu ban Nhân sự

Tiểu ban Nhân sự đã thực hiện việc tìm kiếm, sàng lọc, đánh giá và lựa chọn ứng viên thành viên HĐQT độc lập nhằm thay thế và bổ sung cho các vị trí còn khuyết. Việc giám sát tiến độ thực hiện chương trình hoạch định kế thừa cũng được thực hiện theo kế hoạch. Trong năm, Tiểu ban Nhân sự cũng xem xét và phê chuẩn nhân sự của các công ty con theo đề xuất của Tổng Giám đốc. Tiểu ban cũng đã thực hiện công tác đánh giá và lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021.

Tiểu ban Kiểm toán

Tiểu ban Kiểm toán với kế hoạch và phân công công việc định kỳ hàng quý, đã thực hiện việc soát xét báo cáo và tình hình tài chính, hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống gian lận, và hoạt động của Kiểm toán Nội bộ. Đối với quản lý rủi ro, danh mục rủi ro, đặc biệt là các rủi ro chiến lược, cùng cơ chế đánh giá đã được soát xét và cải tiến. Tiểu ban cũng đã thực hiện công tác đánh giá và lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021. Trong kỳ, Tiểu ban đã nâng cao cách thức hoạt động và chủ trì công tác soát xét và đề xuất các cải tiến nhằm nâng cao thực hành quản trị tốt theo Bộ Quy tắc Quản trị Việt Nam ban hành trong năm 2019.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

- Cuộc họp đánh giá về kết quả hoạt động của HĐQT được tổ chức vào cuộc họp cuối cùng của HĐQT trong năm (25/01/2021) với thành phần tham gia: tất cả các thành viên HĐQT và sự hỗ trợ của Ban Thư ký – Phụ trách Quản trị Công ty.
- Tiêu chí đánh giá: 8 hành vi và hiệu quả hoạt động theo quy định của Quy chế Nội bộ về Quản trị Doanh nghiệp. Do tác động của Covid-19, các cuộc họp của HĐQT, các Tiểu ban đều thực hiện theo hình thức trực tuyến. Hình thức đánh giá năm 2020 vẫn sử dụng bảng câu hỏi cùng 04 khía cạnh theo thực hành: (1) Khả năng tự lãnh đạo và kết quả hoạt động; (2) Sự kết hợp kiến thức, kinh nghiệm, đặc tính đa dạng của các thành viên trong HĐQT; (3) Sự năng động; và (4) Quy trình hoạt động.

KẾT QUẢ

Trong năm 2020, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ, vượt qua khó khăn thách thức và góp phần đạt kết quả kế hoạch mà ĐHĐCD đề ra. Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền HĐQT về quản trị, quản trị rủi ro, tuân thủ, kiểm toán giám sát chiến lược, nhân sự và lương thưởng đã được thực thi nghiêm túc.

Các ý kiến đề xuất nâng cao hiệu quả kèm theo các ý kiến đánh giá đều được ghi nhận và triển khai tổ chức thực hiện trong năm 2021. Về cá nhân, hầu hết các thành viên HĐQT được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm bổ phận của mình.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH



Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCD và HĐQT trong năm 2020 như sau:

PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT

HĐQT thông qua các tiểu ban với các nhiệm vụ cụ thể được đề cập trong Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty thực hiện việc giám sát Ban Điều hành tổ chức, triển khai và thực hiện các nghị quyết của HĐQT. Các trưởng tiểu ban sẽ đưa ra các nội dung mà Ban Điều hành phải chuẩn bị để trình bày/thảo luận/chất vấn tại cuộc họp HĐQT gần nhất. Tại các cuộc họp, HĐQT đều soát xét tình hình thực hiện các nghị quyết, tình hình SXKD của quý và lũy kế, thảo luận và quyết định thông qua các nghị quyết để Tổng Giám đốc và Ban Điều hành làm cơ sở triển khai thực hiện. Ngoài ra, các thành viên HĐQT, theo sự phân công nhiệm vụ của từng tiểu ban, thường xuyên trao đổi qua phần mềm họp trực tuyến, thư điện tử và điện thoại với thành viên Ban Điều hành về các nội dung, vấn đề quan tâm giám sát.

HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Thực hiện theo Quy chế Quản trị Công ty, HĐQT vẫn tiếp tục thực hiện việc đánh giá Tổng Giám đốc và các Giám đốc Điều hành dựa trên các tiêu chí sau:

01

THỰC HIỆN MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tiêu chí này được đánh giá qua kết quả thực hiện (i) các mục tiêu chung của Công ty, và (ii) mục tiêu chất lượng của khối, phòng phụ trách của từng Giám đốc Điều hành theo mô hình thẻ điểm cân bằng (BSC) với 04 mục tiêu tài chính, khách hàng, quy trình và học hỏi phát triển. Tỷ trọng của từng loại mục tiêu sẽ khác nhau giữa các vị trí tùy theo vai trò nhiệm vụ của từng cá nhân trong chuỗi giá trị. Việc đánh giá kết hợp với báo cáo tổng hợp và tự đánh giá hoạt động trong năm của từng thành viên trong Ban Điều hành.

02

BẢN PHẬN CHUNG CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO

Việc đánh giá bốn phận chung gồm 2 giai đoạn: cá nhân tự đánh giá và quản lý cấp trên trực tiếp đánh giá. Các tiêu chí bốn phận chung bao gồm:

Trách nhiệm
“Cẩn trọng”

Trách nhiệm
“Trung thực
và tránh xung
đột lợi ích”

Trách nhiệm
“Bảo mật
thông tin”

Bốn phận
“Chăm lo và
trung thành”

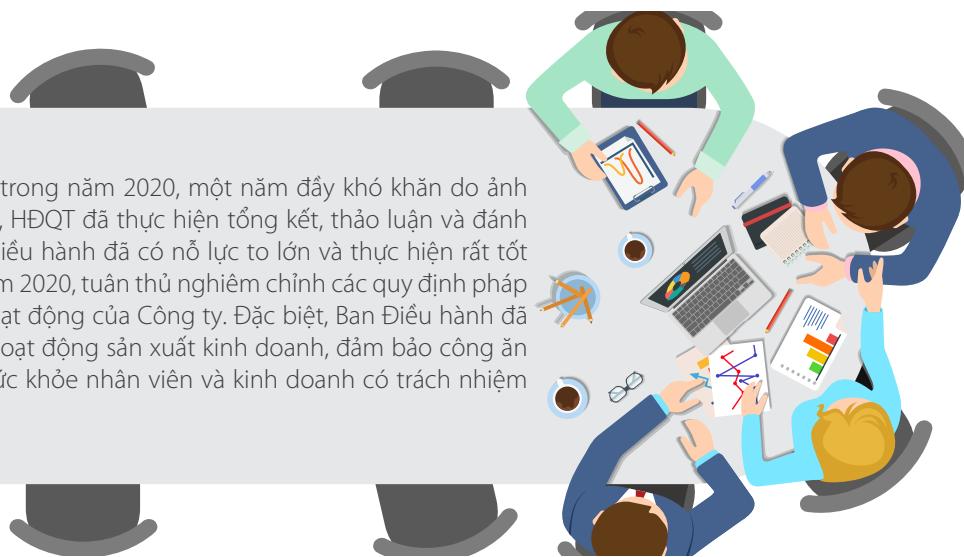
03

NĂNG LỰC VÀ KỸ NĂNG CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO

Việc đánh giá năng lực và kỹ năng được thực hiện dựa trên bộ năng lực lãnh đạo được phát triển riêng cho Vinamilk (12 năng lực). Các tiêu chí đánh giá của mỗi khía cạnh được chọn lọc từ kết quả đánh giá của năm 2019.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Với những kết quả đạt được trong năm 2020, một năm đầy khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, HĐQT đã thực hiện tổng kết, thảo luận và đánh giá: Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã có nỗ lực to lớn và thực hiện rất tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2020, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty. Đặc biệt, Ban Điều hành đã làm tốt công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm, đảm bảo an toàn sức khỏe nhân viên và kinh doanh có trách nhiệm cao với các bên liên quan.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2020

■ Thành phần, cơ cấu Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán gồm có 5 thành viên, trong năm 2020 có một số thay đổi như chi tiết dưới đây:

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Đỗ Lê Hùng	Chủ tịch UBKT	Bắt đầu từ 15/04/2017	Thạc sỹ Quản lý công
2	Michael Chye Hin Fah	Thành viên	Bắt đầu từ 15/04/2017	Thạc sỹ Kinh doanh
3	Lê Thành Liêm	Thành viên	Bắt đầu từ 15/04/2017	Thạc sỹ Tài chính và Thương mại Quốc tế
4	Đặng Thị Thu Hà	Thành viên	Không còn là thành viên từ 26/06/2020	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
5	Nguyễn Thị Thắm	Thành viên	Bắt đầu từ 26/06/2020	Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng
6	Alain Xavier Cany	Thành viên	Bắt đầu từ 26/06/2020	Tú tài, Viện Đại học Paris

■ Các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và tham gia của các thành viên

STT	Họ tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Đỗ Lê Hùng	4/4	100%	100%	
2	Michael Chye Hin Fah	4/4	100%	100%	
3	Lê Thành Liêm	4/4	100%	100%	
4	Đặng Thị Thu Hà	3/4	75%	100%	Do thôi không là thành viên UBKT từ 26/06/2020
5	Nguyễn Thị Thắm	1/4	25%	100%	Do mới là thành viên UBKT từ ngày 26/06/2020
6	Alain Xavier Cany	1/4	25%	100%	Do mới là thành viên UBKT từ ngày 26/06/2020

■ Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Ủy ban Kiểm toán thực hiện giám sát thông qua:

- Trực tiếp theo dõi hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và TGĐ.
- Tiếp xúc trực tiếp với thành viên Ban Điều hành để nắm được tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát thông qua kênh báo cáo và tiếp xúc với Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Giám đốc Kiểm toán Nội bộ, Giám đốc Kiểm soát Nội bộ và QLRR, Trưởng Bộ phận Pháp chế.
- Giám sát thông qua kênh báo cáo và tiếp xúc với Kiểm toán độc lập.

■ Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành

và các cán bộ quản lý khác

- Ủy ban Kiểm toán luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên Ban Điều hành và các cán bộ quản lý liên quan trong khuôn khổ thực hiện chức năng giám sát của mình.
- Ban Điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ yêu cầu giám sát của Ủy ban Kiểm toán.
- Ủy ban Kiểm toán báo cáo định kỳ kết quả giám sát lên HĐQT.



• KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ủy ban Kiểm toán xin được báo cáo kết quả giám sát như sau:

■ Báo cáo tài chính

Ủy ban Kiểm toán đã xem xét BCTC các quý và cả năm 2020, đồng thời nhất trí với những đánh giá của Kiểm toán độc lập, theo đó:

- Báo cáo tài chính 2020 được lập và trình bày trung thực, phù hợp với VAS và các quy định hiện hành
- Không có biến động bất thường đối với doanh thu và lợi nhuận
- Không có giao dịch trọng yếu đặc biệt
- Không có giao dịch bất thường với các bên liên quan đáng lưu ý
- Không có thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán
- Không có gian lận hay sai sót trọng yếu
- Ủy ban Kiểm toán ghi nhận các phát hiện và khuyến nghị của Kiểm toán độc lập được nêu trong Thư quản lý cũng như phản hồi của Ban Điều hành
- Công ty đã thực hiện một số lớp cập nhật IFRS cho cấp quản lý, chuyên viên, nhân viên liên quan cả ở công ty mẹ và các công ty con, chuẩn bị cho việc tiên phong áp dụng IFRS từ năm 2022 theo lộ trình của Bộ Tài chính.
- Công ty đã triển khai ERP cho Mộc Châu Milk nhằm nâng cao quản trị doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu công bố thông tin đối với công ty niêm yết và hỗ trợ xây dựng quy trình hoạt động kế toán theo mô hình ERP.
- Phát triển ứng dụng kiểm kê QR Code tại các Nhà máy.



■ Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro

Ủy ban Kiểm toán đánh giá Công ty hiện đang duy trì một khung quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ tin cậy và hoạt động hữu hiệu.

Cụ thể hơn, một số hoạt động mới về QLRR & KSNB được ghi nhận trong kỳ:

- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế kiểm soát đã triển khai từ năm trước như: Hệ thống trình duyệt Online, Hệ thống đấu thầu Online và thực hiện các kiểm soát cấp quyền trên các hệ thống trọng yếu của doanh nghiệp.
- Tiếp tục duy trì và đảm bảo chất lượng công tác tự đánh giá kiểm soát.
- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng tin cậy bao gồm chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, năng lượng và môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp, năng lực phòng thí nghiệm, trách nhiệm xã hội, thực hành chăn nuôi.... Hệ thống quản lý vận hành theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn, tất cả các tiêu chuẩn đang áp dụng đều được duy trì chứng nhận.
- Báo cáo QLRR được cập nhật định kỳ hàng quý và không có rủi ro trọng yếu phát sinh. Rủi ro dịch bệnh Covid-19 vẫn đang được Công ty theo dõi chặt chẽ, áp dụng các biện pháp hiệu quả không chỉ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh mà cả đối với sự an toàn và sức khỏe của người lao động.
- Bản tin QLRR được phát hành định kỳ và đột xuất được xem như công cụ hữu hiệu để truyền thông và nâng cao ý thức về QLRR trong toàn Công ty.
- Quản lý các vấn đề pháp lý và rủi ro pháp lý được thực hiện hiệu quả, hỗ trợ bảo vệ lợi ích của Công ty, không có các rủi ro pháp lý trọng yếu phát sinh trong năm.
- Ủy ban Kiểm toán ghi nhận Công ty đang triển khai dự án nâng cấp hệ thống QLRR, trong đó không chỉ hướng đến mục tiêu nâng cấp, hoàn thiện khuôn khổ QLRR mà còn tìm kiếm một công cụ QLRR thích hợp hỗ trợ quá trình ra quyết định quản lý không chỉ ở Công ty mẹ mà ở cả các công ty con và các dự án đầu tư, phát triển.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN (tiếp theo)

• KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN (tiếp theo)

■ Kiểm toán nội bộ

- Chức năng kiểm toán nội bộ đang hoạt động hiệu quả, đóng góp đáng kể vào việc cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
- Đặc điểm tổ chức và hoạt động KTNB tiếp tục là điểm nhấn cho tính hiệu quả của chức năng KTNB tại Vinamilk:
 - » KTNB trực thuộc về mặt chức năng và chịu sự giám sát độc lập của Ủy ban Kiểm toán thông qua phê duyệt và giám sát việc thực hiện kế hoạch kiểm toán năm, xem xét điều lệ hoạt động và phương pháp kiểm toán nội bộ.
 - » Chức năng kiểm toán nội bộ hoạt động hữu hiệu và tiệm cận với phương pháp kiểm toán nội bộ theo những thực tiễn tốt nhất và chuẩn mực của quốc tế, đồng thời phù hợp với Hướng dẫn phương pháp kiểm toán nội bộ của Bộ Tài chính ban hành.
 - » Việc phối hợp giữa TGĐ và Ủy ban Kiểm toán trong quản lý chức năng kiểm toán nội bộ giúp kiểm toán nội bộ phát huy tốt vai trò của mình không chỉ ở yêu cầu đảm bảo tuân thủ mà còn hỗ trợ các đơn vị trong kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro cả trước, trong và sau khi nghiệp vụ phát sinh.
 - » Ưu tiên chuyển từ kiểm toán tuân thủ sang hỗ trợ, tư vấn các đơn vị trong quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ đã mang lại kết quả tích cực và tiếp tục được duy trì.
- Đã hoàn thành kế hoạch KTNB 2020 (30/30) trong thời hạn và nguồn lực dự kiến.
- Kết quả kiểm toán nội bộ cho thấy việc tuân thủ quy trình ở các đơn vị được kiểm toán được thực hiện tốt và có chiều hướng tích cực hơn năm trước.
- Các khuyến nghị của kiểm toán nội bộ được các đơn vị liên quan tiếp thu và triển khai nghiêm túc, kịp thời thông qua các kế hoạch thực hiện cụ thể, được kiểm toán nội bộ theo dõi.
- Ủy ban Kiểm toán đã tổ chức đánh giá chức năng KTNB và cũng yêu cầu Bộ phận KTNB tự đánh giá hoạt động trong năm 2020. Kết quả đánh giá cho thấy KTNB đang giữ vị trí quan trọng, đủ năng lực và nguồn lực để triển khai kế hoạch đã được phê duyệt, đóng góp tích cực vào việc cải thiện hệ thống KSNB.

■ Dịch vụ Kiểm toán độc lập

- KPMG đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng kiểm toán đã ký kết với Vinamilk, đáp ứng kỳ vọng của Ủy ban Kiểm toán, trong đó:
- Đảm bảo độ tin cậy, trung thực và chất lượng của báo cáo kiểm toán BCTC.
 - Tuân thủ thời hạn kiểm toán theo quy định.
 - Ghi nhận đóng góp của Kiểm toán độc lập trong cải thiện hệ thống KSNB.
 - Phản hồi và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm toán.
 - Tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.

ĐỖ LÊ HÙNG

Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán





KHỐI PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU

VIỆC TẠO DỰNG THÀNH CÔNG CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI BÒ SỮA NGANG TẦM THẾ GIỚI VỚI ĐIỀU KIỆN ĐẶC THÙ TẠI VIỆT NAM CHƯA BAO GIỜ LÀ ĐIỀU DỄ DÀNG. THẾ NHƯNG, VINAMILK VỚI TÂM NHÌN VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐÚNG Đắn; MỤC TIÊU CỤ THỂ, RỎ RÀNG; ĐẦU TƯ VÀ ÁP DỤNG SÁNG TẠO CÁC CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH GẮN LIỀN VỚI VIỆC BẢO ĐẢM MÔI TRƯỜNG XANH, SẠCH ĐÃ TẠO RA SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỆ THỐNG TRẠM CHĂN NUÔI BÒ SỮA CÔNG NGHỆ CAO TỪ BẮC VÀO NAM.

TỔNG SỐ TRẠM TRẠI
CỦA VINAMILK
TẠI VIỆT NAM
13
TRẠM TRẠI
Tính đến ngày 31/12/2020

TỔNG ĐÀN BÒ
KHAI THÁC
132.000
CON

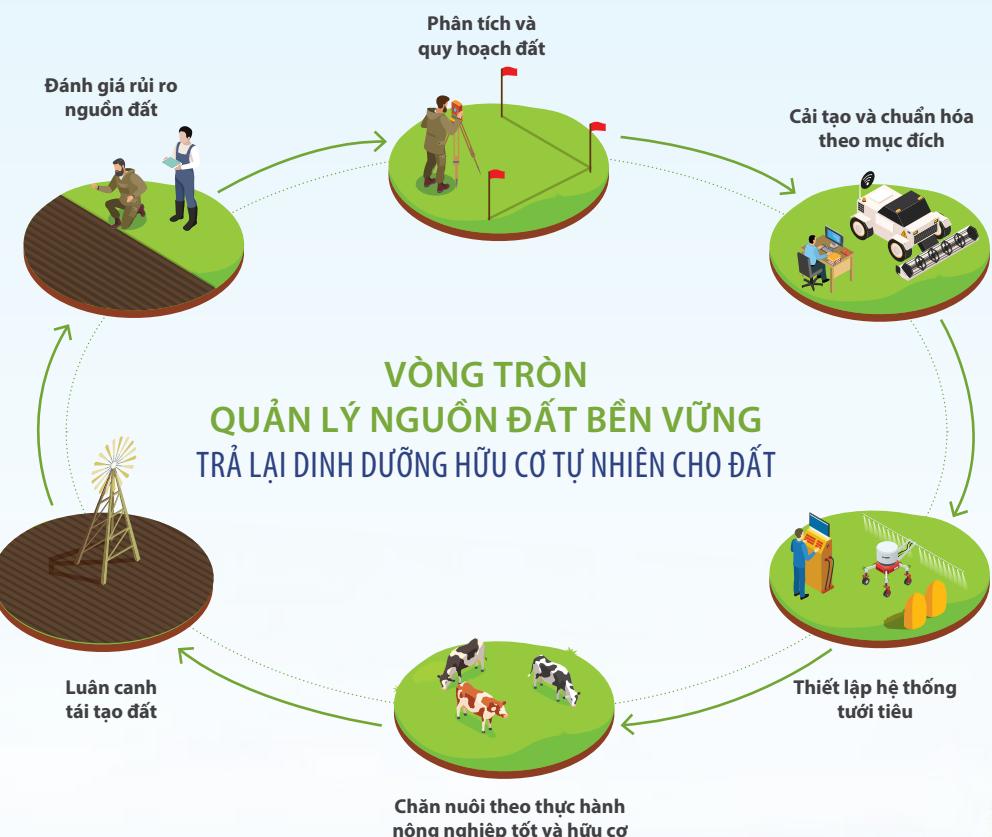


GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

Niêm tự hào của Vinamilk là xây dựng được hệ thống trang trại chuẩn quốc tế. Chất lượng sữa tươi nguyên liệu được khẳng định với hệ thống quản lý chuẩn quốc tế theo Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (Global G.A.P.) và chăn nuôi bò sữa tiêu chuẩn Organic EU. Đây là bước ngoặt đánh dấu chặng đường mới của Vinamilk trên hành trình xanh, thân thiện với thiên nhiên.

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Vinamilk đã ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn vào hệ thống các trang trại của mình. Mô hình này hướng đến việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên xuyên suốt chuỗi giá trị, từ sản xuất, tiêu dùng đến quá trình phục hồi, sử dụng các sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao, từ đó tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực. Điểm mấu chốt để kinh tế tuần hoàn phát triển mạnh mẽ chính là phải cân bằng được lợi ích kinh tế và lợi ích môi trường; đạt được hiệu quả kinh tế mà vẫn tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

MÔ HÌNH “KINH TẾ TUẦN HOÀN” ỨNG DỤNG TRONG HỆ THỐNG BIOGAS VÀ VÒNG TRÒN QUẢN LÝ NGUỒN ĐẤT BỀN VỮNG TẠI CÁC TRẠM TRẠI BÒ SỮA VINAMILK





BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



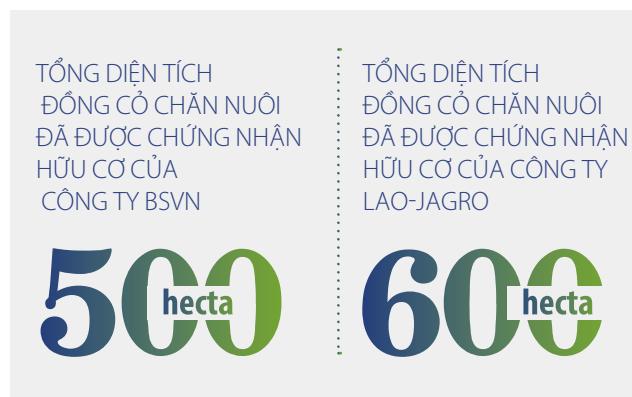
KHỐI PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU (tiếp theo)

GIÁ TRỊ BỀN VỮNG (tiếp theo)

Quản lý đất bền vững

Vinamilk xác định nguồn lực tự nhiên và môi trường là hữu hạn, đất là tư liệu quan trọng trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty nên đã đánh giá rủi ro và hiểu rõ tác động của chuỗi giá trị chăn nuôi và sản xuất lên đặc tính của nguồn đất. Tác động này có thể trực tiếp hoặc gián tiếp làm thay đổi tính chất của nguồn đất, dẫn đến rủi ro khai thác không bền vững, tác động tiêu cực lên nguồn đất, gây xói mòn, bạc màu và thay đổi chất lượng nguồn đất tự nhiên.

Với tinh thần khai thác có trách nhiệm và sử dụng hiệu quả, ứng dụng kinh tế tuần hoàn, song song với việc tạo giá trị kinh tế, các Trang trại đã hoạt động theo hướng chăn nuôi hữu cơ, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cao vào canh tác đất, luân canh cây trồng, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn phân hữu cơ từ đàn bò. Tính đến hiện tại, tổng diện tích đồng cỏ chăn nuôi đã được chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn Châu Âu của Công ty BSVN khoảng 500 ha và Công ty Lao-Jagro khoảng 600 ha, và diện tích đang trong thời gian chuyển đổi, canh tác theo hướng hữu cơ của Công ty BSVN khoảng 200 ha.



Đứng trước thực trạng năng suất cây trồng giảm thấp của nền nông nghiệp do ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, diện tích rừng bị thu hẹp, việc lạm dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kháng sinh và khan hiếm, ô nhiễm nguồn nước. Thực thi chiến lược tối đa hóa lợi ích nguồn phân hữu cơ sử dụng cho đất, thay thế cho hóa chất và phân vô cơ, Vinamilk ứng dụng đa dạng các kỹ thuật canh tác nông nghiệp tiên tiến. Trong đó, canh tác nông nghiệp theo công nghệ Nhật Bản mang lại nhiều lợi ích tích cực cho đất đang được triển khai tại nhiều trang trại của Vinamilk. Kết quả cho thấy hiện năng suất ngô trung bình của các trang trại trực thuộc Công ty BSVN năm 2020 tăng khoảng 34% và năng suất cỏ Mombasa tăng 12% so với năm 2019.

Đầu tư ưu tiên sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng

Hệ thống chiếu sáng bằng đèn LED được đầu tư cho tất cả chuồng trại và nhà xưởng mới xây dựng. Hệ thống đèn chiếu sáng trong chuồng được cài đặt hoàn toàn tự động theo giờ hoạt động của bò trong từng chuồng. Đồng thời, Vinamilk cũng đang lên kế hoạch triển khai đầu tư nâng cấp hệ thống chiếu sáng dùng đèn LED thay thế đèn cao áp ở các chuồng trại. Điều này góp phần giảm lượng điện tiêu thụ đáng kể so với các loại đèn compact thế hệ trước, đáp ứng cường độ chiếu sáng đảm bảo hoạt động của bò và an toàn lao động, độ bền và tuổi thọ đèn cao.

Triển khai định hướng đầu tư xanh, thiết bị cơ giới, thiết bị điện công suất lớn đều ưu tiên công nghệ và động cơ thế hệ mới, tiết kiệm năng lượng, đáp ứng tiêu chuẩn khí thải nghiêm ngặt; động cơ có chế độ tiết kiệm nhiên liệu (xe đầu kéo, xe nâng cần dài đa năng...); động cơ điện có sử dụng các bộ khởi động mềm, sử dụng biến tần (máy băm rotor, máy bơm, máy nén khí...).



Hệ thống Năng lượng mặt trời được lắp đặt thử nghiệm và sử dụng tại Trang trại Organic Đà Lạt từ năm 2016 với công suất thiết kế là 40kWp. Đây là bước đầu trong việc triển khai mở rộng dự án năng lượng mặt trời trên mái chuồng bò này trong hệ thống các trang trại. Đến cuối năm 2020, hệ thống này đã được lắp đặt cho 05 trang trại là Bình Định (2.96 MWp), VNM Đà Lạt (2.06MWp), Organic (1.18MWp), Di Linh (0,99 MWp), Quảng Ngãi đang triển khai lắp đặt, dự kiến đến tháng 6/2021 sẽ hoàn thiện cho tất cả các trang trại còn lại.



Tối ưu hóa thời gian hoạt động máy móc thiết bị

Vinamilk đồng thời cải tiến liên tục hiệu quả sử dụng năng lượng điện trong hoạt động sản xuất của trang trại. Tổng thể hoạt động của máy móc thiết bị luôn được rà soát nhằm tái phân bổ và tối ưu hóa thời gian hoạt động, cụ thể phân bổ thời gian vận hành từng cụm thiết bị trong ngày, phù hợp theo thời gian sản xuất, giảm sử dụng điện giờ cao điểm để tiết kiệm chi phí.

Các máy móc thiết bị cơ giới được bảo trì định kỳ theo đúng lịch và nội dung để tối ưu hóa hoạt động, tăng hiệu quả sử dụng năng lượng. Từng loại xe cơ giới, từng thiết bị sử dụng nhiên liệu đều có định mức sử dụng, để đánh giá hiệu quả hoạt động và quản lý nhiên liệu, đảm bảo không bị hao hụt.



KHỐI PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU (tiếp theo)

GIÁ TRỊ BỀN VỮNG (tiếp theo)

Ưu tiên tuần hoàn và tái sử dụng

Tuần hoàn và tái sử dụng là những ưu tiên hàng đầu trong việc quản lý nguồn nước bền vững. Ứng dụng công nghệ gom và xử lý phân GEA với phương pháp xả nước để gom phân, không chỉ giúp xử lý phân hiệu quả mà còn tái sử dụng nước xả phân, mang lại tác động tích cực cho môi trường và và tối ưu hóa trong sử dụng nguồn nước bằng việc tuần hoàn và tái sử dụng nước thải. Công nghệ gom và xử lý phân này đang được sử dụng tại Trang trại Thống Nhất Thanh Hóa và đang được nghiên cứu ứng dụng cho việc đầu tư trong tương lai.

Hệ thống đun nước nóng sử dụng Biogas được nghiên cứu và đầu tư thử nghiệm đầu tiên tại Trang trại Tây Ninh. Sau thời gian thử nghiệm, hệ thống hoạt động rất hiệu quả, vừa giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, vừa giảm chi phí năng



Hệ thống van xả chuồng

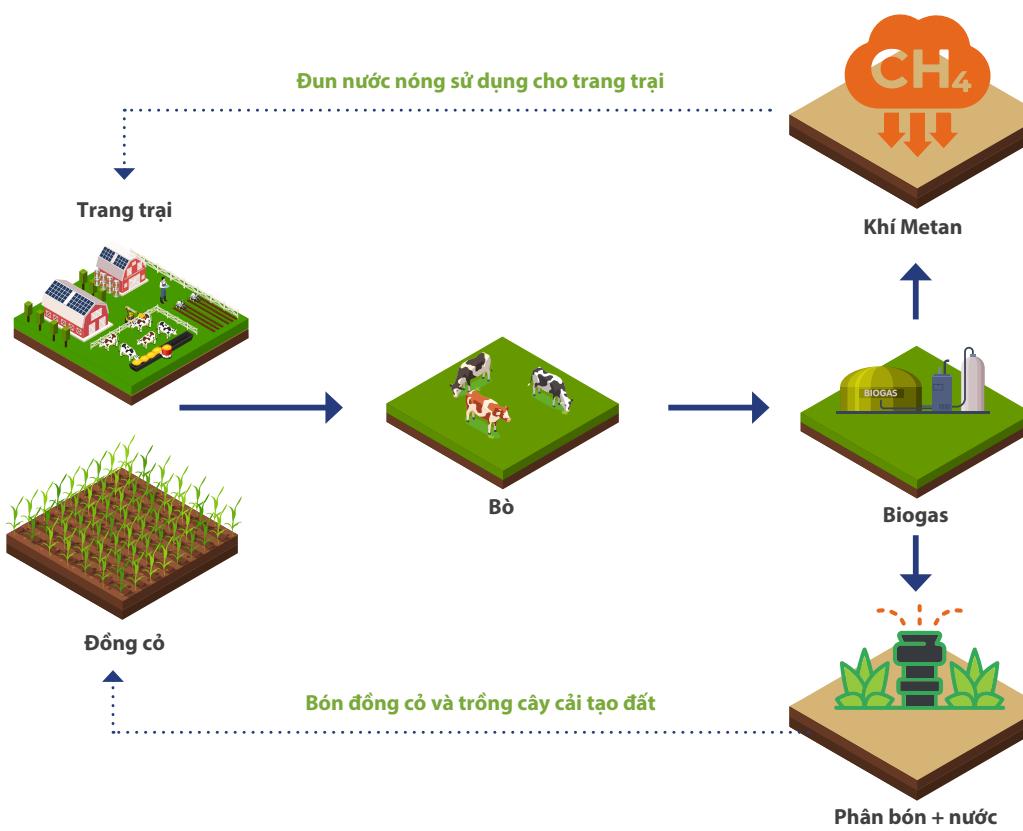
lượng tiêu thụ, hiệu suất cao. Điển hình là việc sử dụng hệ thống nước nóng để thanh trùng sữa, rửa xô, nước cho bê uống đạt được nhiều lợi ích. Hiện nay, Vinamilk đã đầu tư và đưa vào vận hành hệ thống này tại 8 trang trại.



Hệ thống Silo 200m³/cái và nghiên cứu thức ăn Organic tự động

Trước đây, thức ăn tinh được chứa trong từng bao nhỏ và bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát. Do đó, chi phí bao bì là rất lớn và với điều kiện nóng ẩm tại Việt Nam, ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng cám. Vì vậy, hiện tại toàn bộ trang trại của Vinamilk đã được đầu tư hệ thống Silo chứa thức ăn tinh và vận hành hoàn toàn tự động. Điều này không chỉ giúp giảm chi phí bao bì, đảm bảo chất lượng, cung cấp đầy đủ dinh dưỡng cho bò bê mà còn giảm đáng kể chi phí nhân công, máy móc thiết bị cho công tác trộn thức ăn tại trang trại, đặc biệt là giảm thiểu lượng bao bì sử dụng, mang lại lợi ích cho môi trường.

HỆ THỐNG BIOGAS: BIẾN CHẤT THẢI THÀNH TÀI NGUYÊN



Chủ động nguồn nhân lực chất lượng cao

ĐỂ VẬN HÀNH ĐƯỢC HỆ THỐNG TRANG TRẠI QUI MÔ LỚN NHƯ HIỆN TẠI, VINAMILK XÁC ĐỊNH NHÂN LỰC CÓ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CAO LÀ YẾU TỐ QUAN TRỌNG HÀNG ĐẦU.

Hàng năm, Công ty tổ chức tuyển chọn rất nhiều người lao động có trình độ trên khắp cả nước nhằm kiện toàn bộ máy nhân sự. Tổ chức đào tạo, huấn luyện, đảm bảo nguồn nhân lực cho sự phát triển bền vững, đảm bảo kế thừa cho Công ty.

Bên cạnh đó, Vinamilk đã và đang ký hợp đồng tư vấn với chuyên gia nước ngoài giàu kinh nghiệm trong

chăn nuôi bò sữa của Mỹ, Israel, Nhật Bản. Ngoài ra, Công ty thường xuyên hợp tác, xây dựng một mạng lưới, kết nối tới các chuyên gia đầu ngành trên thế giới về chăn nuôi bò sữa để tổ chức tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao khoa học kỹ thuật..., từ đó đưa trình độ chăn nuôi của Việt Nam tiệm cận tới trình độ của các nước có ngành chăn nuôi bò sữa phát triển.





BÁO CÁO CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



KHỐI PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU (tiếp theo)

GIÁ TRỊ BỀN VỮNG (tiếp theo)



Hợp tác toàn diện và đồng hành cùng nông hộ

BÊN CẠNH VIỆC PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN, BỀN VỮNG VỀ MẶT SẢN XUẤT VÀ NHÂN SỰ TRONG NỘI BỘ CÔNG TY, VINAMILK RẤT CHÚ TRỌNG ĐẾN SỰ ĐỒNG HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NÔNG HỘ CUNG CẤP SỮA TƯƠI NGUYÊN LIỆU.

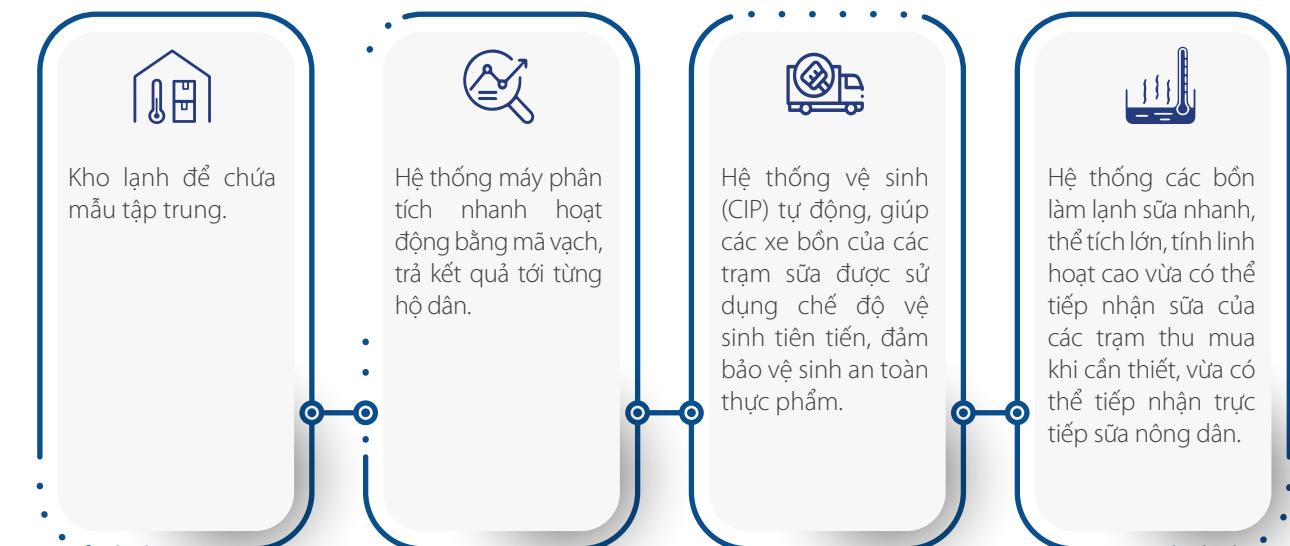
Từ năm 1990 khi Việt Nam bắt đầu phát triển ngành chăn nuôi bò sữa, Vinamilk đã gắn bó với các hộ nông dân và triển khai thu mua sữa tươi nguyên liệu. Cuộc “cách mạng trắng” năm 1991 là nỗ lực đầu tiên của Công ty nhằm xây dựng vùng nguyên liệu nội địa. Giải pháp trọng tâm là đồng hành cùng bà con nông dân để hướng dẫn và tư vấn về kỹ thuật chăn nuôi bò sữa như phân phối thức ăn chăn nuôi, dung dịch vệ sinh vắt sữa, tư vấn, chuyển giao công nghệ và kiểm soát dịch bệnh...; các hoạt động này đã và đang được bà con đón nhận và thực sự tin tưởng. Kết quả năm 2020 cho thấy quy mô đàn bò của hộ chăn nuôi tăng từ 16,8 con/hộ lên 17,3 con/hộ và năng suất sữa/con/ngày cao nhất đạt 15,1 kg.

phối hợp cùng thú y địa phương để tiêm phòng, quản lý dịch tê, bấm thẻ tai bò để theo dõi cũng như kiểm soát dư lượng kháng sinh trong sữa.

Hành trình xây dựng vùng nguyên liệu sữa bắt đầu từ những năm 1990 đến nay. Ban đầu số hộ nông dân cung cấp sữa tươi nguyên liệu cho Vinamilk khoảng 30 hộ, sản lượng trung bình là 600 kg sữa/ngày. Hiện tại, Vinamilk đang quản lý 83 Trạm trung chuyển Sữa tươi nguyên liệu (Trạm trung chuyển) trên phạm vi cả nước, với tổng đàn bò trong dân hơn 100.000 con, mỗi ngày cung cấp trên 600 tấn sữa tươi nguyên liệu. Các trạm thu mua sữa, ngoài nhiệm vụ chính là thu mua sữa tươi nguyên liệu, còn thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ cho nông hộ về chăn nuôi bò sữa như phân phối thức ăn chăn nuôi, dung dịch vệ sinh vắt sữa, tư vấn, chuyển giao công nghệ và kiểm soát dịch bệnh...; các hoạt động này đã và đang được bà con đón nhận và thực sự tin tưởng. Kết quả năm 2020 cho thấy quy mô đàn bò của hộ chăn nuôi tăng từ 16,8 con/hộ lên 17,3 con/hộ và năng suất sữa/con/ngày cao nhất đạt 15,1 kg.

Để hoàn thiện hơn nữa hoạt động chăn nuôi bò sữa trong dân, Trung tâm Sữa tươi nguyên liệu Củ Chi đã được thành lập, là nơi tập trung tất cả nguồn sữa tươi ở khu vực TP. HCM và phụ cận, sau khi được kiểm soát chất lượng sẽ được điều phối cho tất cả các nhà máy tại khu vực thành phố và Bình Dương.

Trung tâm được trang bị máy móc thiết bị hiện đại bao gồm:



Xe bồn vận chuyển sữa của Trung tâm Sữa tươi nguyên liệu Củ Chi được chuẩn hóa

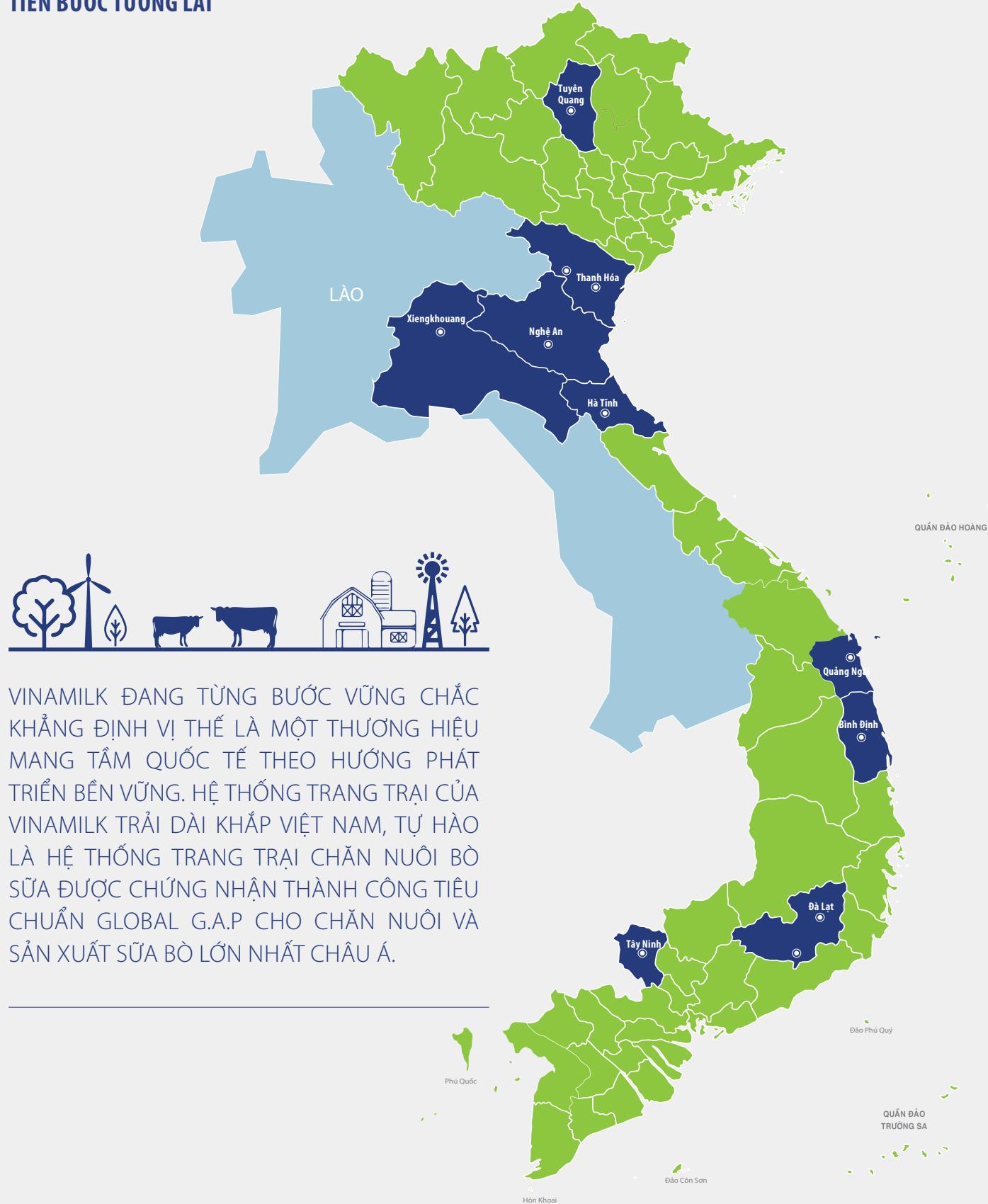


BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



KHỐI PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU (tiếp theo)

TIẾN BƯỚC TƯƠNG LAI



(*)Năm 2019, Vinamilk đã khánh thành "Resort" và hoàn thiện toàn bộ trang trại

(**)Đang trong quá trình xây dựng

Ngoài ra, Trung tâm kỹ thuật Bò sữa và Cấy truyền phôi của Công ty BSVN đã được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh ngày 05/8/2019, khi đi vào hoạt động sẽ nhằm phục vụ nhu cầu chọn lọc cung cấp nguồn gen ưu tú vượt trội, với chi phí đầu tư ban đầu là 25 tỷ đồng, được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh ngày 05/8/2019.



Trang trại bò sữa đầu tiên tại Đông Nam Á đạt chuẩn Global G.A.P

Ngày 18/07/2014 tại Nghệ An, Trang trại Chăn nuôi Bò sữa của Vinamilk đã chính thức được Ông Richard De Boer, đại diện Tổ chức Chứng nhận Global G.A.P. Control Union trao giấy chứng nhận đạt chuẩn quốc tế Thực hành Nông nghiệp Tốt Toàn cầu (Global G.A.P.). Trang trại của Vinamilk là trang trại đầu tiên tại Đông Nam Á được Global G.A.P. chứng nhận và là 1 trong 3 trang trại đạt chuẩn quốc tế Global G.A.P. của Châu Á.

Trang trại đạt tiêu chuẩn Organic Châu Âu đầu tiên tại Việt Nam

Năm bắt xu hướng phát triển của thực phẩm organic trên thế giới, Vinamilk đã triển khai xây dựng và đưa vào hoạt động Trang trại Bò sữa Organic tại Đà Lạt vào tháng 3/2017. Đây là trang trại bò sữa organic đầu tiên tại Việt Nam đạt được tiêu chuẩn Organic Châu Âu do Tổ chức Control Union chứng nhận. **Trang trại đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe theo nguyên tắc 3 không: không sử dụng hóa chất, không sử dụng thành phần biến đổi gen, không hormone tăng trưởng.** Bò organic được chăn thả tự nhiên trên đồng cỏ hữu cơ, cho ra nguồn sữa tươi thuần khiết, thiên nhiên, đưa sản phẩm sữa organic gần với người dân Việt Nam hơn bao giờ hết.

NGUYÊN TẮC 3 KHÔNG





BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



KHỐI PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU (tiếp theo)

TIẾN BƯỚC TƯƠNG LAI (tiếp theo)

Vinamilk sản xuất sữa A2 đầu tiên tại Việt Nam



Vinamilk là công ty đầu tiên của Việt Nam nhập khẩu bò sữa A2 thuần chủng từ New Zealand. Đây chính là bước đi tiên phong của Vinamilk trong việc mở rộng và đa dạng đàn bò sữa nhằm phục vụ cho nhu cầu của đông đảo người tiêu dùng Việt Nam. Toàn bộ đàn A2 đã được xét nghiệm DNA và chứng nhận thuần chủng A2 bởi các trung tâm kiểm định di truyền và tổ chức hỗ trợ chăn nuôi của New Zealand (LIC). Tính đến hiện tại, tổng đàn bò A2 của Vinamilk đạt xấp xỉ 1.000 con.

Sữa tươi thanh trùng Vinamilk 100% A2 một lần nữa khẳng định cam kết của Vinamilk - luôn tiên phong đem đến những sản phẩm chất lượng quốc tế vượt trội, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng ngày một cao cấp và đa dạng của người tiêu dùng Việt Nam.

Các dự án mới và trang trại bò sữa trong tương lai

Dự kiến các dự án mới, các trang trại bò sữa mới như dự án Trang trại Bò sữa Vinamilk Cần Thơ, Mộc Châu sẽ được triển khai nhằm mở rộng qui mô hoạt động của Công ty, đa dạng hóa các sản phẩm nhằm phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

KẾT LUẬN

Từ mục tiêu hướng tới sự phát triển bền vững, Vinamilk đã cơ bản xây dựng và phát triển thành công mô hình chăn nuôi tập trung hiện đại, tạo ra các “Giá trị bền vững”, sẵn sàng “Tiến bước tương lai”. Điều này được minh chứng thông qua:

- Hệ thống các trang trại đều được chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý ISO 9001:2015 và Global G.A.P. Bên cạnh đó, Trang trại Bò sữa Organic Đà Lạt còn đạt chứng nhận hữu cơ Châu Âu đầu tiên tại Việt Nam. Chất lượng sữa luôn được kiểm soát đảm bảo chất lượng và đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Công ty BSVN và BS TNTH được công nhận là Doanh nghiệp nông nghiệp Ứng dụng Công nghệ cao.
- Sản lượng sữa sản xuất của Công ty BSVN năm 2020 tăng 6% so với năm 2019.
- Lợi nhuận của Công ty BS TNTH tăng 442,8% so với năm 2019.





BÁO CÁO CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG



KHÔNG CHỈ GÓP PHẦN THÚC ĐẨY LỢI ÍCH KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG, VINAMILK CÒN TIẾP TỤC PHÁT HUY TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI THÔNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG NÂNG CAO KIẾN THỨC DINH DƯỠNG, CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG SỐNG SẠCH ĐẸP CHO CỘNG ĐỒNG XUNG QUANH.



CHUNG TAY VÌ MỘT VIỆT NAM VƯƠN CAO



QUÝ SỮA VƯƠN CAO VIỆT NAM

"Vì sức khỏe và sự an toàn của trẻ em - chung tay đẩy lùi covid-19"

13 NĂM

>37 TRIỆU LY SỮA

>460.000 TRẺ EM
TẠI 63 TỈNH, THÀNH

NĂM 2020

1,7 TRIỆU LY SỮA

19.000 TRẺ EM KHÓ KHĂN

Quỹ sữa Vươn Cao Việt Nam được thành lập từ năm 2008 với sự chủ trì của Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam, thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cùng sự đồng hành xuyên suốt của công ty Vinamilk, đã mang hàng triệu ly sữa đến khắp mọi miền đất nước nhằm thực thi sứ mệnh cao cả "Để mọi trẻ em được uống sữa mỗi ngày".

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, hành trình xuyên mùa dịch của Quỹ sữa Vươn cao Việt Nam đã mang 1,7 triệu ly sữa đến với 19.000 trẻ em sống tại các trung tâm bảo trợ xã hội, nhà mở, vùng sâu, vùng xa tại 27 tỉnh, thành, nhằm kịp thời hỗ trợ dinh dưỡng, giúp các em tăng sức đề kháng phòng, chống dịch bệnh.





BÁO CÁO CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)



QUỸ SỮA VƯƠN CAO VIỆT NAM

"Vì sức khỏe và sự an toàn của trẻ em - chung tay đẩy lùi covid-19"

20 TRIỆU BƯỚC ĐI - CHUNG MỘT TẤM LÒNG VÌ TRẺ THƠ



Không chỉ dừng lại ở việc trao sữa, CB-CNV Vinamilk đã tham gia chiến dịch đi bộ, gây quỹ với tinh thần nâng cao sức khỏe và đồng hành cùng trẻ em khó khăn vượt qua dịch bệnh.

Hơn 20 triệu bước chân, tương đương hơn 2 tỷ đồng quy đổi ra 60.000 khẩu trang y tế, 6.000 chai rửa tay, và 86.000 hộp sữa được chuyển đến cho 6.000 trẻ em và các thầy cô giáo, nhân viên chăm sóc trẻ tại các trung tâm nuôi dưỡng vì sự đóng góp to lớn trong công tác chăm sóc và dạy dỗ các em mỗi ngày.

Bên cạnh đó, Vinamilk đã gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các thầy cô vì sự đóng góp to lớn trong công tác chăm sóc và dạy dỗ các em mỗi ngày.

Nhân viên Vinamilk tham gia Triệu bước đi, đẩy lùi Covid-19



Trong năm 2020, Quỹ sữa Vươn cao Việt Nam đã tổ chức chương trình trao tặng sữa trực tiếp cho trẻ em 8 tỉnh thành trên khắp vùng miền của cả nước như Quảng Nam, Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang. Chương trình luôn có sự đồng hành của các Bác sĩ thuộc Trung tâm Tư vấn Dinh dưỡng Vinamilk tổ chức hoạt động khám sức khỏe và tư vấn dinh dưỡng miễn phí cho các em học sinh, đồng thời mang đến sân chơi với các hoạt động vui nhộn để nhận thêm niềm vui cho các em nhỏ.



Nơi nào Quỹ sữa Vươn Cao Việt Nam chọn là điểm đến, nơi ấy đều tràn ngập niềm vui và tiếng cười





BÁO CÁO CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)



QUỸ 1 TRIỆU CÂY XANH CHO VIỆT NAM
Hoàn thành cột mốc 1 triệu cây xanh

9
NĂM

1.121.000
CÂY XANH

20
TỈNH THÀNH

NĂM 2020

270.000
CÂY XANH



TOP 10 hoạt động vì môi trường xuất sắc nhất thuộc giải thưởng
CSR TOÀN CẦU 2020 (THE GLOBAL CSR AWARDS)



NHẬN BẰNG KHEN CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
trong hoạt động xây dựng và phát triển chương trình bảo vệ môi trường



9 năm bền bỉ hành trình trồng cây, chương trình Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam do Vinamilk khởi xướng và phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức, đã hoàn thành mục tiêu trồng 1.121.000 cây xanh cho các địa phương trên khắp cả nước nhằm cải thiện môi trường sống cho người dân Việt Nam.



Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam và Vinamilk trồng cây tại Tuyên Quang

CHIẾN DỊCH “TRIỆU CÂY VƯƠN CAO CHO VIỆT NAM XANH”



Ngày hội Đổi vỏ hộp sữa lấy cây xanh tại Văn phòng Công ty

Nhằm kêu gọi cộng đồng trong và ngoài Vinamilk lan tỏa lợi ích của cây xanh, đồng thời tham gia vào hành trình hoàn thành mục tiêu 1 triệu cây xanh cho Việt Nam, chuỗi hoạt động nằm trong chiến dịch nhận được sự hưởng ứng và ủng hộ của đông đảo người tham gia:

- ① Ngày hội Đổi vỏ hộp sữa lấy cây xanh nội bộ;
- ② Cuộc thi Dự án xanh với các sáng kiến bảo vệ môi trường từ các nhà máy, trang trại và đơn vị trực thuộc Vinamilk;
- ③ Chia sẻ thông điệp trồng cây xanh trên mạng xã hội, đóng góp hơn 60,000 cây xanh vào hành trình hoàn thành 1 triệu cây trong năm 2020.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)



CHƯƠNG TRÌNH SỮA HỌC ĐƯỜNG Tiên phong mang nguồn dinh dưỡng tối ưu cho sự phát triển của lứa tuổi học đường

14 năm
tiên phong

> 3.000.000
học sinh mầm non và tiểu học



Thiên tai và dịch bệnh hoành hành trong năm 2020 gây ra nhiều gánh nặng cho các hộ gia đình và trẻ em thuộc diện khó khăn. Trong đó, việc thiếu hụt các bữa ăn dinh dưỡng và thiếu vắng những sân chơi bổ ích cho trẻ nhỏ là những thách thức to lớn.

Thông qua chương trình Sữa học đường do Vinamilk phối hợp với các tỉnh, thành trên cả nước triển khai, hành trình mang nguồn sữa dinh dưỡng đến với các em học sinh được Chính phủ và các địa phương quan tâm. Triển khai dưới hình thức xã hội hóa, chương trình góp phần giúp giảm bớt gánh nặng về tài chính cho nhiều gia đình, đặc biệt, mang cơ hội chăm sóc dinh dưỡng đến cho trẻ em hộ nghèo, cận nghèo, khuyết tật, và trẻ dân tộc thiểu số được uống sữa miễn phí với nguồn hỗ trợ 100% từ ngân sách Nhà nước và Vinamilk.

Trong năm 2020, chương trình Sữa học đường tổ chức những hoạt động nổi bật như sau:

CHUỖI HỘI NGHỊ BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM



Hưởng ứng kỷ niệm 21 năm ngày Sữa học đường thế giới, Vinamilk đã phối hợp cùng Hiệp hội Sữa Việt Nam và Cục An toàn Thực phẩm tổ chức 2 buổi hội nghị "Bảo đảm an toàn thực phẩm đối với sản phẩm sữa dùng trong trường học" tại tỉnh Bắc Ninh và TP. HCM.

Gần 1.000 giáo viên khắp các tỉnh, thành tham dự cùng tri ân lợi ích thiết thực của sữa đến sức khỏe cộng đồng, đồng thời nâng cao kiến thức về các khâu bảo quản sữa để các em học sinh được thụ hưởng sữa chất lượng và đạt hiệu quả tối ưu.

NGÀY HỘI SỮA HỌC ĐƯỜNG TẠI VĨNH LONG

Nhiều hoạt động ý nghĩa diễn ra trong khuôn khổ Ngày hội, nhằm khuyến khích sự tương tác của phụ huynh và học sinh với chương trình, thông qua đó hiểu hơn về vai trò quan trọng của dinh dưỡng đến sự phát triển của lứa tuổi học đường."



24 mô hình đạt giải cao nhất trong cuộc thi Sáng tạo cùng vỏ hộp sữa được trưng bày tại Ngày hội với mục đích nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và kích thích khả năng sáng tạo trong môi trường giáo dục cho trẻ

Vinamilk phối hợp với tỉnh Vĩnh Long tổ chức sân chơi bổ ích và vui nhộn cho các em học sinh địa phương. Nhiều hoạt động ý nghĩa diễn ra trong khuôn khổ Ngày hội, nhằm khuyến khích sự tương tác của phụ huynh và học sinh với chương trình, thông qua đó hiểu hơn về vai trò quan trọng của dinh dưỡng đến sự phát triển của lứa tuổi học đường.



Ban Tổ chức đã thiết kế 1 chuỗi các hoạt động như cuộc thi sáng tạo từ mô hình vỏ hộp sữa với sự hưởng ứng nhiệt tình từ các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, phụ huynh và học sinh còn được trải nghiệm các trò chơi vui nhộn và được các Bác sĩ thuộc Trung tâm Tư vấn Dinh Dưỡng Vinamilk thăm khám sức khỏe.



Các Bác sĩ đến từ Trung tâm Tư vấn Dinh dưỡng Vinamilk tổ chức thăm khám sức khỏe miễn phí cho hơn 100 em học sinh



Phụ huynh và học sinh tham gia sân chơi bổ ích, tăng cường hoạt động thể chất với nhiều phần quà dinh dưỡng từ Công ty



TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)



CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÒNG, CHỐNG COVID-19

Đóng góp cho lực lượng
truyền đầu chống dịch
>40 tỷ đồng

Hỗ trợ chăm sóc trẻ em khó
khăn bị tác động bởi Covid-19
>12,5 tỷ đồng

Üng hộ Food Bank tại khu vực
Los Angeles
23.000 lít sữa



Với vai trò, trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội, Vinamilk luôn tích cực đồng hành cùng Chính phủ và các địa phương trên cả nước trong công tác phòng chống dịch Covid-19. Cụ thể:

- Hỗ trợ các sản phẩm dinh dưỡng và tài trợ chi phí mua sinh phẩm xét nghiệm nhanh vi rút Covid – 19 cho Bộ Y tế và các địa phương trong tâm dịch ... nhằm tiếp sức cho lực lượng tuyến đầu chống dịch;
- Dành riêng 12,5 tỷ đồng hỗ trợ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em khó khăn bị tác động bởi Covid-19;
- Cán bộ - Công nhân viên Vinamilk tham gia gây quỹ và đóng góp ngày lương để góp sức cùng Công ty trong các chương trình cộng đồng;
- Nhà máy sữa Driftwood của Vinamilk tại Los Angeles, Hoa Kỳ đã ủng hộ gần 23,000 lít sữa thông qua Tổ chức từ thiện Ngân hàng Thực phẩm (Food Bank) với tổng giá trị lên đến 21,000 USD.



KHỐI MARKETING

SÁNG TẠO VÀ GIA TĂNG GIÁ TRỊ NGÀNH HÀNG TRONG HOẠT ĐỘNG MARKETING

Vinamilk không ngừng đổi mới, sáng tạo nhằm gia tăng giá trị ở phân khúc phổ thông và đẩy mạnh mũi nhọn phát triển các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu cao cấp hóa, mang đến cho người tiêu dùng nhiều trải nghiệm phong phú và tiện lợi.

Đối diện với năm 2020 nhiều thách thức do dịch bệnh Covid-19 và sức mua thị trường giảm, Vinamilk tập trung củng cố các dòng sản phẩm thiết yếu, bám sát với thị hiếu và nhu cầu của người tiêu dùng trong tình hình cần thắt chặt chi tiêu, tung mới thành công sản phẩm Sữa Trái Cây Hero ở phân khúc trẻ em, nâng cấp Sữa Tươi Vinamilk 100% củng cố vị trí dẫn đầu trong ngành hàng sữa nước, gia tăng giá trị cho các ngành hàng Sữa Chua, Kem, Sữa Đặc, Sữa Bột và Sữa Bột Pha Sẵn cho trẻ em.

Vinamilk tiếp tục đi đầu với các dòng sản phẩm Organic cao cấp như Sữa Tươi 100% Organic, sữa bột trẻ em

Organic Gold, đầy mạnh sữa bột trẻ em cao cấp Yoko với nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ Nhật Bản, sữa tươi tiệt trùng Tổ Yến, sữa chua ăn Love Yogurt bổ sung Cốm Xanh, Nếp Cẩm, Hạt Óc Chó, sữa đậu nành Óc Chó, Hạnh Nhân và Đậu Đỏ, nước trái cây cao cấp Fruit Love mang tới những trải nghiệm độc đáo cho người dùng.

CÁC SẢN PHẨM CỦA VINAMILK LUÔN MINH BẠCH VÀ RÕ Ràng TỪ NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO ĐẾN SẢN XUẤT CŨNG NHƯ GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG MÀ SẢN PHẨM MANG ĐẾN.





BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



KHỐI NHÂN SỰ-HÀNH CHÍNH VÀ ĐỐI NGOẠI

TIÊN PHONG VÀ HƯỚNG VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

TÂM QUAN TRỌNG CỦA SỰ LINH HOẠT VÀ GẮN KẾT CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI NGUỒN NHÂN LỰC CHƯA BAO GIỜ ĐƯỢC CÁC CÔNG TY CHÚ TRỌNG NHƯ LÚC NÀY

Năm 2020 là năm đầy thử thách cho nền kinh tế toàn cầu, Covid-19 đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến tất cả các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Hàng loạt công ty phải thực hiện các biện pháp cắt giảm nhân sự và chuyển đổi mô hình làm việc để thích ứng, ổn định kinh doanh trong khi vẫn phải đảm bảo an toàn sức khỏe của người lao động. Thực hiện khảo sát trong bối cảnh đặc biệt đó, bảng xếp hạng 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam đã phản ánh đầy đủ và toàn diện về nhiều khía cạnh của doanh nghiệp cũng như mong đợi từ người lao động trong điều kiện mới. Theo đó, tầm quan trọng của sự linh hoạt và gắn kết của doanh nghiệp đối với nguồn nhân lực chưa bao giờ được các công ty chú trọng như lúc này. Đây cũng là một trong nhiều nguyên nhân làm thay đổi cách đánh giá của người lao động về một "nơi làm việc tốt" hay "thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn" và xa hơn là đã tạo ra sự khác biệt của doanh nghiệp "tiên phong", theo đánh giá của Anphabe.

Trong điều kiện khó khăn chung, Vinamilk nỗ lực làm tốt các công tác bảo vệ sức khỏe và đảm bảo quyền lợi cho người lao động như tuyên truyền, hướng dẫn người lao động



tuân thủ và thực hành quy định phòng chống dịch; xây dựng môi trường làm việc an toàn dịch bệnh và hỗ trợ sản phẩm dinh dưỡng của Công ty để tăng cường đề kháng, sức khỏe cho nhân viên. Công ty cũng đảm bảo thu nhập và phúc lợi cho người lao động, không giảm lương, giảm giờ làm; tạo điều kiện và duy trì các chế độ đầy đủ kể cả khi người lao động làm việc ở nhà trong giai đoạn giãn cách vì dịch bệnh.

Có thể nói, sau một năm nhiều biến động, một trong những thành công của Vinamilk đó chính là duy trì hoạt động ổn định, hiệu quả của tất cả đơn vị thành viên và đảm bảo việc làm, thu nhập và các phúc lợi cho gần 10.000 nhân viên của Công ty trên cả nước.

Vinamilk là doanh nghiệp được ghi nhận về nỗ lực để duy trì sự ổn định trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và song song đảm bảo được việc làm cùng tất cả các chế độ phúc lợi cho người lao động. Với những nỗ



lực đó, Vinamilk tiếp tục được bình chọn là nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm thứ 3 liên tiếp và ghi nhận chỉ số về sự hài lòng của người lao động với công ty lên đến hơn 90%⁽²⁾.

Nhân sự của Vinamilk trong năm qua không có biến động mạnh và duy trì ở mức ổn định. Công ty tiếp tục tuyển dụng các vị trí từ quản lý cấp cao cho đến quản lý cấp trung hay cấp chuyên viên theo định hướng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao cũng như công tác phát sinh. Bên cạnh đó, Công ty luôn xem xét, ghi nhận và có quyết định thăng tiến phù hợp đối với các cá nhân có thành tích công việc vượt bậc, thể hiện sự trân trọng của Công ty đối với cống hiến và quyết tâm của họ.



Một số nội dung nổi bật trong hoạt động quản lý nguồn nhân lực của Vinamilk:

- 1** Vinamilk tiếp tục Chương trình Hoạch định nhân sự kế thừa tiếp nối các vị trí trọng yếu theo cơ cấu tổ chức mới và đã hoàn tất đánh giá Kế hoạch phát triển cá nhân và xây dựng kế hoạch mới cho 100% ứng viên. Song song đó ở khía cạnh tổng thể hơn, Vinamilk đã rà soát, tiếp tục cải thiện Chính sách, Quy định, Quy trình về nghiệp vụ nhân sự, nhằm hướng tới và đáp ứng các mục tiêu chung của Công ty.
- 2** Tiếp tục tổ chức chương trình Quản trị viên tập sự 2020, thu hút hơn 1.500 hồ sơ ứng tuyển.
- 3** Được bình chọn vị trí số 1 trong top 100 nơi làm việc tốt nhất trong 3 năm liền trong 2020 (theo Anphabe). Ngoài ra, Vinamilk cũng lập "hat-trick" khi dẫn đầu tại 2 bảng xếp hạng khác là "Top 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn" và "Nơi làm việc tốt nhất trong ngành hàng tiêu dùng nhanh".
- 4** Nhân viên Vinamilk được khích lệ và tạo điều kiện để tham gia vào các chương trình vì cộng đồng của Công ty như: Đi bộ gây quỹ giúp đỡ trẻ em gặp khó khăn trong đại dịch, Tham gia phong trào Sống xanh, góp cây cùng chương trình Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam, Ủng hộ ngày lương để hỗ trợ cộng đồng trong đại dịch và đồng bào miền Trung bị thiên tai bão lũ...

Vinamilk mong muốn các doanh nghiệp tại Việt Nam sẽ cùng áp dụng các phương pháp quản trị tiên tiến của thế giới để xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, giúp doanh nghiệp phát triển bền vững. Từ đó, hình thành môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động để thu hút và giữ chân nhân tài, để họ có thể thực sự đóng góp nhiều nhất cho doanh nghiệp.

Đó cũng chính là phương châm của Vinamilk trong suốt mấy chục năm qua, luôn trân trọng sự đóng góp của tất cả những người lao động trong doanh nghiệp, không phân biệt vị trí công tác, vì con người là yếu tố quyết định đã làm nên một Vinamilk như ngày hôm nay. Rất mong tất cả các doanh nghiệp Việt Nam cùng nhau phát triển bền vững, để xây dựng một đất nước Việt Nam hùng cường, vươn cao vươn xa hơn.

BÀ BÙI THỊ HƯƠNG

Giám đốc Điều hành
Khối Nhân sự, Hành chính & Đối ngoại

(1) Theo "Danh sách 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2020" do Tổ chức cộng đồng mạng nghề nghiệp Anphabe và Công ty nghiên cứu thị trường Intage công bố.

(2) Theo khảo sát nội bộ của Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



KHỐI KINH DOANH QUỐC TẾ

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON NƯỚC NGOÀI

Angkormilk: Năm 2016, Vinamilk chính thức khánh thành nhà máy Angkormilk, nhà máy sữa đầu tiên và duy nhất tại Campuchia. Angkormilk được Vinamilk đầu tư nhằm mục tiêu cung cấp cho người dân Campuchia những sản phẩm sữa được sản xuất tại chính quốc gia này với chất lượng quốc tế, giá thành hợp lý. Trong năm 2020, dù kinh tế Campuchia (nói chung) và ngành sữa (nói riêng) gặp nhiều thách thức do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19; Angkormilk vẫn tiếp tục tăng trưởng doanh thu bán hàng nội địa 19% so với cùng kỳ. Thành quả này đến từ nỗ lực của Công ty trong việc đẩy mạnh các hoạt động Marketing, tăng cường mở rộng hệ thống phân phối và tích cực giới thiệu các sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng Campuchia.

Driftwood: Driftwood – công ty con của Vinamilk tại Mỹ là nhà sản xuất sữa có truyền thống lâu đời ở khu vực Nam California, đặc biệt trong lĩnh vực sữa học đường. Thương hiệu uy tín, hệ thống bán hàng rộng cùng với sản phẩm chất lượng cao đã tạo nên lợi thế cạnh tranh cho Driftwood trong nhiều năm. Trong năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Driftwood gặp rất nhiều

khó khăn do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid 19. Tuy nhiên, Công ty vẫn tích cực duy trì các hoạt động bán hàng, phân phối sản phẩm; đồng thời đảm bảo quyền lợi và môi trường làm việc an toàn cho người lao động



HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU

Tiếp tục mở rộng hoạt động xuất khẩu trong bối cảnh giao thương thế giới gặp nhiều khó khăn

NĂM 2020, VƯỢT QUA CÁC THÁCH THỨC LỚN DO ĐẠI DỊCH COVID-19, VINAMILK ĐÃ CHO THẤY NHỮNG NỖ LỰC LỚN TRONG MẢNG KINH DOANH QUỐC TẾ. VIỆC GHI NHẬN HÀNG LOẠT CÁC SỰ KIỆN XUẤT KHẨU LỚN DIỄN RA ĐÃ ĐÁNH DẤU MỘT NĂM THÀNH CÔNG VƯỢT BẬC VỚI DOANH THU ĐẠT 5.561 TỶ ĐỒNG TRONG NĂM 2020, TĂNG TRƯỞNG GẦN 8% SO VỚI NĂM 2019 CAO HƠN SO MỨC TĂNG TRƯỞNG 5,5% CỦA XUẤT KHẨU CỦA CẢ NƯỚC. TÍNH ĐẾN HẾT NĂM 2020, CÁC THƯƠNG HIỆU CỦA VINAMILK ĐÃ ĐƯỢC XUẤT KHẨU ĐẾN 55 QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ VỚI TỔNG GIÁ TRỊ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU HƠN 2,4 TỶ USD.

Tiếp tục tập trung và chú trọng khai thác các nhóm thị trường trọng điểm và truyền thống, vốn đóng góp hơn 75% doanh thu của hoạt động xuất khẩu tại Công ty. Với việc thực hiện hơn **39 chương trình hỗ trợ thương mại** nhằm đồng hành cùng các khách hàng/nhà phân phối vượt qua những khó khăn tại thị trường do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, một lần nữa, Vinamilk lại tiếp tục gặt hái được thành công và tăng trưởng tại nhóm thị trường mục tiêu này.

Tiếp nối sự kiện ra mắt thương hiệu Vinamilk tại thị trường Trung Quốc trong tháng 09/2019, Vinamilk tiếp tục gặt hái được nhiều thông tin tích cực tại thị trường gần 1,4 tỷ dân này. Bắt đầu bằng việc xuất khẩu đơn hàng Sữa đặc Ông Thọ trong tháng 04/2020 sau hơn hai tháng được cấp mã xuất khẩu, sau đó là việc liên tiếp ghi nhận được cấp mã xuất khẩu cho nhóm sản phẩm sữa chua, sữa nước và tiêu chuẩn Organic Trung Quốc cho Nhà máy Trường Thọ tiếp tục mở cơ hội rất lớn cho **Vinamilk chinh phục thị trường tiềm năng và khổng lồ này**.

Bên cạnh đó, Vinamilk nhận định việc xây dựng các nhóm sản phẩm theo chiến lược “**may đo**” ở các nhóm thị trường riêng biệt, từ các nhóm thị trường phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc... đến các nhóm thị trường tiềm năng và đang phát triển ở Đông Nam Á và Châu Phi. Việc đáp ứng được hầu hết các phân khúc khách hàng ở các nhóm thị trường chuyên biệt, xây dựng thương hiệu, tiếp cận thị trường ngách... đã giúp Vinamilk khai thác tối đa các nhóm thị trường mới đang sở hữu, giúp thương hiệu Vinamilk tiếp cận và phát triển thêm 2 thị trường mới trong năm 2020 tại Châu Phi & Châu Úc trong bối cảnh hầu hết các hoạt động xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường mới theo cách truyền thống đã hoàn toàn thay đổi.





KHỐI NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)

THẨU HIỂU NHU CẦU ĐA DẠNG TỪ THỊ TRƯỜNG LÀ NỀN TẢNG DẪN LỐI R&D.

Nhu cầu sử dụng các sản phẩm sữa ở Việt Nam gắn liền với sức khỏe và dinh dưỡng trong tâm trí người tiêu dùng và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong chế độ ăn uống dinh dưỡng hỗ trợ sự phát triển của trẻ em. Với trọng tâm "không ngừng nghiên cứu và không ngừng cải tiến", Hoạt động R&D trong 2020 tiếp tục tung mới và tái tung gần 20 sản phẩm, góp

phần đa dạng hóa danh mục sản phẩm của Vinamilk, mang đến cho người tiêu dùng nhiều trải nghiệm phong phú và tiện lợi. Các sản phẩm tiêu biểu nhận được nhiều quan tâm từ người tiêu dùng bao gồm: Sữa tươi tiệt trùng chứa tổ yến, Sản phẩm dinh dưỡng Dielac Grow Plus (có tổ yến), Sữa chua hữu cơ ít đường, Sữa chua cốt, Sữa chua uống men sống Probi Gold Gừng và Mật ong,...

Triết lý kinh doanh gắn liền với trách nhiệm xã hội đã và đang thúc đẩy các hoạt động R&D đặc biệt chú trọng hướng tới cho cộng đồng các giá trị dinh dưỡng với chất lượng tốt nhất. Vinamilk tiếp tục tổ chức thực hiện hơn 1.500

buổi khám và tư vấn sức khỏe tại 5 thành phố; đẩy mạnh tập huấn sữa học đường tại các tỉnh thành. Không dừng ở đó, Công ty đã có trên 65 bài viết về sức khỏe với các chủ đề về dinh dưỡng cho trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ, người bệnh và phòng chống dịch bệnh do Covid-19 được đăng trên các báo.

Áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn làm kim chỉ nam trong công tác phát triển sản phẩm, trong đó chú trọng việc ứng dụng các nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, tăng cường khả năng tái chế, tái sử dụng nguyên vật liệu... nhờ đó, thúc đẩy hành trình đưa Vinamilk tiến gần các mục tiêu phát triển bền vững.



KHỐI SẢN XUẤT



TIẾP TỤC KIỆN TOÀN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VỚI HỆ THỐNG NHÀ MÁY ĐƯỢC TRANG BỊ DÂY CHUYỀN MÁY MÓC THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI, ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG UY TÍN NHẤT.

Vinamilk đã và đang thực hiện duy trì và tuân thủ theo các quy trình nội bộ nhằm đảm bảo chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO 9001, FSSC 22000, PAS 99 (gồm ISO 14001 và ISO 45001), ISO 17025, Halal, ISO 50001, Organic EU, Organic China, BRC tại các nhà máy trực thuộc.

Công ty đã hoàn thành kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị trong giai đoạn 2017-2021. Về cơ bản, nội lực sản xuất các dòng sản phẩm chủ lực đã tăng 60-80% so với năng lực tại thời điểm năm 2016, đủ đáp ứng triết vọng phát triển tiến



tới 2025-2027. Một điểm riêng biệt của Vinamilk trong việc quản lý hệ thống 13 nhà máy hoạt động hiệu quả không chỉ về mặt công suất mà còn đảm bảo tuân thủ quy trình sản xuất sản phẩm đạt chất lượng theo yêu cầu và việc quy hoạch tối ưu sản xuất các nhà máy ở mỗi vùng miền, chuyên môn hóa cao, đảm bảo cung ứng kịp thời cho tiêu thụ vốn có thể biến động.

Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, các nhà máy vẫn ứng phó tốt và không để xảy ra ca bệnh và gián đoạn trong sản xuất. Dịch bệnh và thiên tai ảnh hưởng biến động tới sản lượng sản xuất giữa các tháng, số lượng lô sản xuất nhỏ lẻ. Tuy nhiên, các dây chuyền sản xuất tại Vinamilk vẫn đáp ứng 100% theo kế hoạch đề ra, đảm bảo chất lượng sản phẩm và tối ưu chi phí.

Bên cạnh đó, Vinamilk tiếp tục kiện toàn và chuẩn hóa tiêu chuẩn công nghệ của từng sản phẩm và dây chuyền máy móc tại từng nhà máy phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Công ty. Việc đảm bảo ổn định chất lượng – an toàn – sức khỏe – môi trường và sử dụng tiết kiệm các định mức sản xuất, nguyên vật liệu, năng lượng được Vinamilk chú trọng tương đối tốt.

Các dự án đầu tư luôn được Vinamilk thực hiện đánh giá sau đầu tư định kì để kịp thời có kế hoạch sản xuất phù hợp nhất với thực tế thị trường. Ngoài ra, Vinamilk thực hiện đánh giá EOHS và chương trình kiểm toán định kỳ theo quy định pháp luật tại các nhà máy trực thuộc.

Các quy trình, tiêu chuẩn thể hiện sự gắn kết tuyệt đối với GIÁ TRỊ BỀN VỮNG, mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng và chất lượng cao cấp hàng đầu là điều Vinamilk luôn chú trọng và hướng tới. Với nội lực sản xuất hiện có, Vinamilk sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ tới 2025-2027. Song song, Công ty tiếp tục hướng tới thực hiện việc chuẩn hóa toàn bộ các nhà máy, tiết kiệm nguyên vật liệu, ổn định hóa chất lượng và khai thác tối đa công năng của thiết bị.



KHỐI CHUỖI CUNG ỨNG

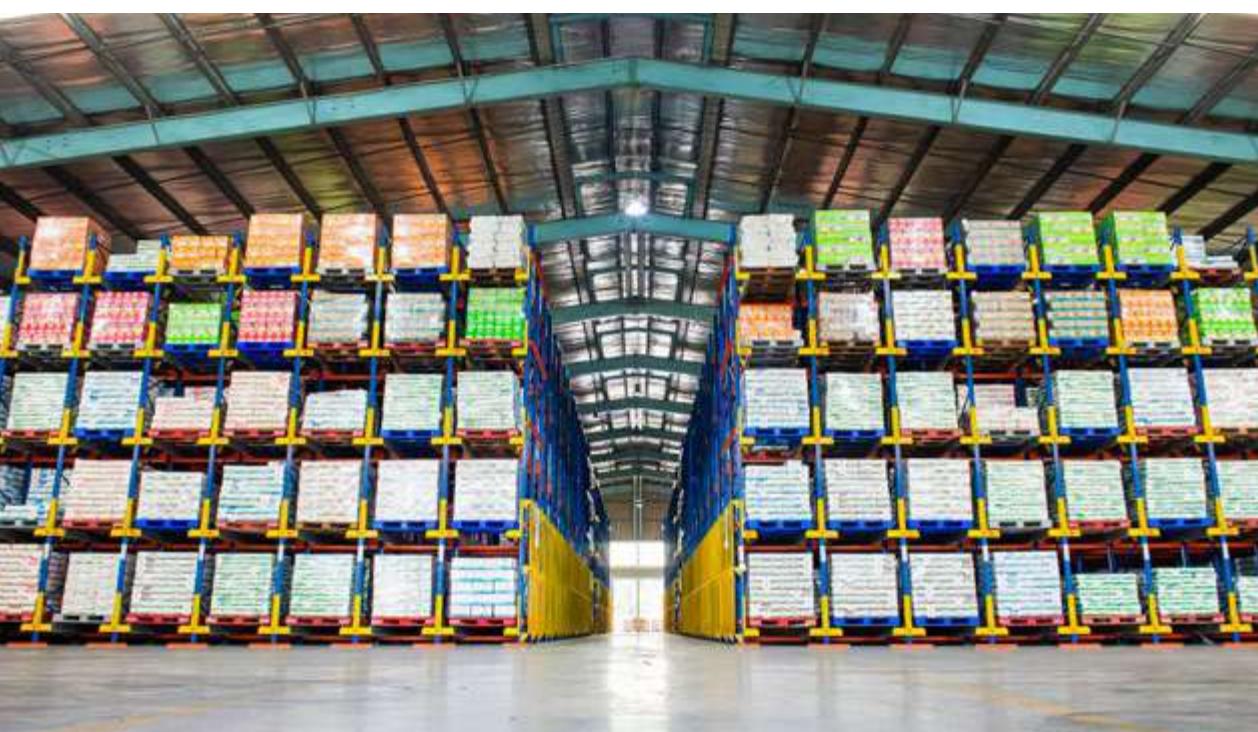
HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG XUYÊN SUỐT ĐƯA SẢN PHẨM KỊP THỜI ĐẾN TAY NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG BỐI CẢNH CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU GIÁN ĐOẠN DO DỊCH BỆNH LÂY LAN NHANH VÀ THIÊN TAI.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và phải hứng chịu 13 cơn bão liên tiếp gây ra tình trạng lũ lụt và sạt lở đất tồi tệ nhất trong 100 năm trở lại đây tại Miền Trung, hoạt động cung ứng đã nỗ lực, quyết liệt để đảm bảo sự thông suốt từ xuất – nhập – giao nhận hơn 150.000 tấn hàng hóa đáp ứng nhu cầu kinh doanh nội địa và xuất khẩu, cũng như cung cấp nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất. Hoạt động Cung ứng của Vinamilk đã đóng góp một phần quan trọng trong kết quả hoạt động kinh doanh trong bối cảnh đầy biến động, khó khăn và thách thức.

Vinamilk đã hoàn thiện hệ thống đánh giá rủi ro nguyên vật liệu cho các sản phẩm mới trước khi thực hiện nghiệm vụ mua hàng. Ngoài ra, việc truy xuất và đánh giá chất lượng từng nguyên vật liệu được cải tiến thông qua việc kiểm soát ngày sản xuất tại từng nhà cung cấp. Trong quan hệ với nhà cung cấp, Vinamilk đã thỏa thuận thành công với hầu hết các nhà cung cấp trong việc cải thiện và rút ngắn quy trình thủ tục, thời hạn thanh toán hợp lý. Trong

hoạch định sản xuất, Vinamilk hoàn thiện hệ thống tự tính toán tối ưu mức sản xuất trong sự liên kết lựa chọn nhà máy sản xuất. Ngoài ra, hệ thống báo cáo cảnh báo lượng hàng tồn kho khi thấp điểm – cao điểm cùng hạn sử dụng giúp điều chỉnh nhu cầu sản xuất tại nhà máy và tồn trữ tại nhà phân phối. Vinamilk đã áp dụng các ứng dụng: quản lý giao hàng có khả năng ghi nhận thời điểm giao hàng thực tế (realtime), tổng hợp tình hình hoạt động theo xe, lái xe, thời gian giao nhận tại kho; truy vết nhân sự kho liên quan tới việc xuất-nhập hàng.

Trong thời gian tới, Khối chuỗi Cung ứng sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống đơn hàng tự động, hệ thống quản lý mã số vật tư trong mảng mua hàng, phát triển mô hình kho vệ tinh kết hợp với việc áp dụng phần mềm trong việc tối ưu hóa nhu cầu giao hàng nhỏ lẻ. Ngoài ra, nâng cấp trang thiết bị hiện đại cho hệ thống kho và áp dụng các tiêu chuẩn an toàn trong hoạt động kho vận.



KHỐI KINH DOANH NỘI ĐỊA

I HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮ VỮNG ĐỘ PHỦ RỘNG RÃI

Hệ thống phân phối nội địa rộng lớn và vững mạnh



1 Phủ rộng thông qua gần **200** nhà phân phối với tổng số điểm lẻ toàn quốc đạt hơn **240.000 (kênh truyền thống) và 7.800 (kênh hiện đại)** và tiếp tục tăng lên;

2 Nhóm khách hàng đặc biệt như bệnh viện, nhà hàng, khách sạn, doanh nghiệp, v.v. cũng được liên tục mở rộng; đặc biệt nhóm trường học được chú trọng và tăng trưởng rất mạnh nhờ việc tích cực tham gia vào chương trình Sữa học đường Quốc gia;

3 Chuỗi cửa hàng "Giấc mơ sữa Việt" tăng lên **465** điểm. Kênh thương mại điện tử cũng được tập trung hoàn thiện nhằm đa dạng hóa kênh mua sắm và đem lại sự tiện lợi cho người tiêu dùng.

HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG PHỦ SÓNG RỘNG KHẮP 63 TỈNH THÀNH, SỰ ĐA DẠNG TRONG CÁC KÊNH PHÂN PHỐI SẢN PHẨM, CŨNG NHƯ KHẲNG ĐỊNH DẤU ẤN THƯƠNG HIỆU TRÊN BẢN ĐỒ QUỐC TẾ ĐÃ THÚC ĐẨY VỊ THẾ DẪN ĐẦU CỦA VINAMILK. ĐIỀU NÀY CŨNG THỂ HIỆN SỰ ĐÓN NHẬN VÀ TIN TƯỞNG CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG ĐỐI VỚI CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM. KHÔNG CHỈ LÀ TRONG NƯỚC MÀ CẢ Ở THỊ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI, CÁC SẢN PHẨM CỦA VINAMILK TIẾP TỤC ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ CAO.

GẦN 200
NHÀ PHÂN PHỐI VỚI
SỐ ĐIỂM BÁN LẺ

240.000
ĐIỂM

PHỦ RỘNG HẦU HẾT
TẠI SIÊU THỊ VÀ
CỬA HÀNG TIỆN LỢI
TRÊN KHẮP
63 TỈNH THÀNH

NHÓM KHÁCH HÀNG
ĐẶC BIỆT ĐƯỢC LIÊN
TỤC MỞ RỘNG

CHUỖI CỬA HÀNG
"GIẤC MƠ VIỆT"
TĂNG LÊN

465
ĐIỂM



BÁO CÁO CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



KHỐI TÀI CHÍNH

DUY TRÌ TĂNG TRƯỞNG, ĐẢM BẢO MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA VINAMILK ĐƯỢC THỰC HIỆN NHANH CHÓNG, KỊP THỜI ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỘNG TRƯỚC THIÊN TAI VÀ DỊCH BỆNH.

TỔNG DOANH THU
HỢP NHẤT NĂM 2020

59.723

TỶ ĐỒNG

TĂNG TRƯỞNG 6%
SO VỚI NĂM 2019



BIÊN LỢI NHUẬN GỘP
NĂM 2020

46,4%

BIÊN CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
HỢP NHẤT NĂM 2020

25,8%

Phân tích biên lợi nhuận và cơ cấu chi phí

Biên lợi nhuận gộp ("LNG") hợp nhất trong năm 2020 đạt 46,4%, giảm 79 điểm cơ bản so với năm trước do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 khiến sản lượng sản xuất không ổn định, lô nhỏ, lẻ tăng cao. Giá sữa tươi nguyên liệu được giữ ổn định và sản lượng ngày càng tăng là các yếu tố quan trọng giúp ổn định biên LNG của Công ty.

Biên chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp hợp nhất trong năm 2020 đạt 25,8% trên doanh thu thuần, duy trì ổn định so với mức 25,5% của năm 2019.

Biên lợi nhuận trước thuế, khấu hao và lãi vay trong năm 2020 đạt 26,6%, tăng 20 điểm cơ bản so với năm trước nhờ cân đối đi ều tiết các chi phí phát sinh.

Lợi nhuận ròng đạt 11.235 tỷ đồng trong cả năm, tăng 6,5% so với năm trước và hoàn thành 105% kế hoạch cả năm. Biên lợi nhuận ròng hợp nhất năm 2020 đạt 18,8%, tăng 10 điểm cơ bản so với năm trước do tối ưu hóa sử dụng dòng tiền, chi phí và các mức ưu đãi thuế. Mức thuế TNDN hiệu lực trong năm 2020 là 16,9%, giảm 63 điểm cơ bản so với năm trước. Đối với GTN và MCM, lợi nhuận ròng đạt lần lượt 251 tỷ đồng và 281 tỷ đồng, hoàn thành 254% và 179% kế hoạch năm. Với mức lợi nhuận này, GTN đã ghi nhận mức tăng trưởng 37 lần so với năm 2019 trong khi MCM cũng tăng trưởng ấn tượng 68%.

Các chỉ tiêu tài chính quan trọng: không có biến động trọng yếu và được giữ ở mức an toàn

Về quản lý vốn lưu động

Từ kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh khả quan liên tục trong nhiều năm, Công ty đã duy trì được giá trị vốn bằng tiền ở mức cao, đồng thời quản lý dòng tiền có hiệu quả, linh hoạt và an toàn, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh cũng như các dự án đầu tư theo kế hoạch.

Nợ phải thu khách hàng

Chiếm 14% tổng tài sản ngắn hạn. Trong năm, không phát sinh thêm các khoản nợ khó đòi trọng yếu, tiếp tục duy trì chính sách quản lý nợ phải thu, chính sách tín dụng khách hàng theo hướng tạo điều kiện để khách hàng mở rộng quy mô kinh doanh và an toàn

Hàng tồn kho

Chiếm 17% tài sản ngắn hạn. Chỉ số vòng quay hàng tồn kho được điều tiết ở mức ổn định 6,4 lần (2019: 5,6 lần). Năm 2020, không phát sinh mới hàng tồn kho chậm lưu. Chính sách quản lý hàng tồn kho được duy trì.

Nợ phải trả người bán ngắn hạn

Chiếm 10% tổng nguồn vốn. Vòng quay nợ phải trả ở mức 9,3 lần (2019: 7,6 lần). Công ty duy trì chính sách thanh toán với nhà cung cấp hợp lý và chặt chẽ, phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

KHỐI TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Về quản lý tài sản dài hạn

Tài sản cố định hữu hình giảm 7,5%, từ 13.743 tỉ đồng xuống 12.717 tỉ đồng. Công ty đang duy trì chính sách quản lý tài sản dài hạn và đầu tư mới được thiết lập để đảm bảo việc quản lý tài sản đạt hiệu quả cao, phù hợp với sự tăng trưởng trong tương lai, không để xảy ra lỗ hổng và thất thoát tài sản.

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,09	1,71	(lần)
- Hệ số thanh toán nhanh	1,73	1,36	(lần)
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	31%	33%	
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	44%	50%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	6,4	5,6	(lần)
- Vòng quay các khoản phải thu	15,6	16,4	(lần)
- Vòng quay các khoản phải trả	9,33	7,60	(lần)
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,28	1,37	(lần)
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	19%	19%	
- Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	35%	38%	
- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	24%	26%	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	23%	23%	





BÁO CÁO CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

GIẢI THƯỞNG DANH HIỆU



VINAMILK - DOANH NGHIỆP CÓ HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG XUẤT SẮC NHẤT TẠI VIỆT NAM

LÀ DOANH NGHIỆP LỚN VỚI TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CAO, VINAMILK ĐÃ MANG ĐẾN NHIỀU GIÁ TRỊ NỔI BẬT CHO CỘNG ĐỒNG VÀ ĐẤT NƯỚC TRONG MỘT NĂM NHIỀU BIẾN ĐỘNG, VÀ ĐÃ ĐƯỢC GIẢI THƯỞNG CSR TOÀN CẦU 2020 VINH DANH LÀ DOANH NGHIỆP CÓ HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG XUẤT SẮC NHẤT TẠI VIỆT NAM.

**GẦN 40
TỶ ĐỒNG**

ỦNG HỘ CHO CUỘC CHIẾN
CHỐNG COVID-19 CỦA CHÍNH PHỦ

Cuộc chiến chống đại dịch Covid-19 của Việt Nam đã được thế giới ghi nhận. Trong năm 2020, Vinamilk và các công ty con, đơn vị thành viên cũng như người lao động đã tích cực và kịp thời ủng hộ cho cuộc chiến chống Covid-19 của Chính phủ, tiếp sức cho lực lượng tuyến đầu chống dịch cũng như hỗ trợ cộng đồng vượt qua khó khăn do đại dịch với tổng ngân sách gần 40 tỷ đồng.



Bên cạnh đó, những khó khăn do đại dịch vẫn không làm giảm quyết tâm của Vinamilk trong việc thực hiện các chương trình CSR lớn của Công ty như Quỹ sữa Vươn cao Việt Nam và Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam.

» 1,7 triệu ly sữa đã được Vinamilk và Quỹ sữa Vươn cao Việt Nam mang đến với 19.000 trẻ em khó khăn trên cả nước ngay trong thời điểm giãn cách xã hội.



1,7 TRIỆU LY SỮA

MANG ĐẾN VỚI 19.000 TRẺ EM KHÓ KHĂN TRÊN CẢ NƯỚC



» Hoàn thành mục tiêu đề ra với 1.121.000 cây xanh được trồng trong năm 2020, Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam đã được vinh danh trong Top 10 hoạt động vì môi trường xuất sắc nhất năm 2020 trong khuôn khổ Giải thưởng CSR toàn cầu 2020.



**HOẠT ĐỘNG VÌ
MÔI TRƯỜNG XUẤT SẮC
NHẤT NĂM 2020
TRONG KHÔN KHỔ
GIẢI THƯỞNG CSR
TOÀN CẦU 2020**



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

GIẢI THƯỞNG DANH HIỆU (tiếp theo)



KINH DOANH HIỆU QUẢ, QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GIỮA BỐI CẢNH NỀN KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ THẾ GIỚI ĐANG CHỊU CÁC TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19, VINAMILK VẪN DUY TRÌ SỰ ỔN ĐỊNH TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG, ĐẢM BẢO CÁC GIÁ TRỊ MANG ĐẾN CHO CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ VÀ ĐÓNG GÓP CHO KINH TẾ NÓI CHUNG.

Những giá trị đó đã được các tổ chức uy tín công nhận:

Vinamilk là doanh nghiệp duy nhất của Việt Nam được xét chọn là Tài sản Đầu tư có giá trị của ASEAN (ASEAN Asset Class), do Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố.

TÀI SẢN ĐẦU TƯ CÓ GIÁ TRỊ CỦA ASEAN (ASEAN ASSET CLASS)



Là công ty dinh dưỡng duy nhất được vinh danh trong Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2020 do Forbes Việt Nam công bố và lần thứ 9 liên tiếp thuộc Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do Nhịp cầu Đầu tư bình chọn.

CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2020



CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM



Trong những năm qua, Vinamilk luôn nằm trong Top 5 Doanh nghiệp niêm yết có báo cáo quản trị công ty tốt nhất từ năm 2013 đến nay. Đặc biệt, năm 2020, Vinamilk đã lập "hat-trick" khi dẫn đầu ở cả 3 giải thưởng thuộc Chương trình bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2020 gồm: Báo cáo thường niên tốt nhất 2020 (nhóm vốn hóa lớn), Giải Nhất về Nội dung Quản trị công ty và Giải Nhất Báo cáo Phát triển bền vững.

GIẢI THƯỞNG DOANH NGHIỆP CÓ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT 2020

Năm 2020, Vinamilk vững vàng khẳng định vị trí dẫn đầu trong Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất thuộc khuôn khổ Chương trình đánh giá, công bố Doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam - CSI 100. Đây cũng năm thứ 5 liên tiếp Vinamilk được CSI 100 vinh danh vì sự tiên phong và sáng tạo trong việc thực hiện chiến lược phát triển bền vững.

Top 10 DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VIỆT NAM 2020



BÁO CÁO CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

GIẢI THƯỞNG DANH HIỆU (tiếp theo)



**THƯƠNG HIỆU ĐƯỢC NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM
CHỌN MUA NHIỀU NHẤT^(*)**

VỚI TẦM NHÌN TRỎ THÀNH BIỂU TƯỢNG NIỀM TIN HÀNG ĐẦU VIỆT NAM VỀ SẢN PHẨM DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE, PHỤC VỤ CHO CUỘC SỐNG VÀ CON NGƯỜI, VINAMILK LUÔN NỖ LỰC MANG ĐẾN NHỮNG GIÁ TRỊ TỐT NHẤT CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM.

Trong năm 2020, Vinamilk đã mang đến cho người tiêu dùng các sản phẩm sữa dinh dưỡng có tính đột phá, đặc biệt hỗ trợ tăng cường đề kháng như Sữa tươi tiệt trùng có Tổ yến, Sữa bột trẻ em có Tổ yến, Sữa chua uống men sống Probi, Sữa chua ăn Love Yogurt,...



(*) Theo ngành hàng sữa và sản phẩm từ sữa theo nghiên cứu của Kantar Brand Footprint từ 2013 đến 2020, 4 thành phố chính và nông thôn Việt Nam.

Vinamilk lần thứ 24 được bình chọn là Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao, đồng thời giữ vững danh hiệu Thương hiệu được người tiêu dùng Việt Nam chọn mua nhiều nhất 8 năm liền, theo báo cáo Dấu chân thương hiệu 2020 của Kantar Worldpanel. Công ty cũng tiếp tục góp mặt trong danh sách Top 10 Công ty uy tín ngành Thực phẩm - Đồ uống năm 2020 do Vietnam Report khảo sát và công bố.

Nhờ sự tin tưởng lựa chọn của người tiêu dùng, Vinamilk tiếp tục dẫn đầu thị trường trong nước ở các phân khúc lớn như Sữa nước, Sữa tươi, Sữa bột trẻ em, Sữa đặc có đường,... theo kết quả nghiên cứu thị trường của Nielsen Vietnam.



**GIẢI THƯỞNG DOANH NGHIỆP
HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO LẦN THỨ 24**



**THƯƠNG HIỆU ĐƯỢC NGƯỜI
TIÊU DÙNG VIỆT NAM CHỌN MUA
NHIỀU NHẤT 8 NĂM LIỀN**

**TOP 10
CÔNG TY UY TÍN
NGÀNH THỰC PHẨM - ĐỒ UỐNG
NĂM 2020**





BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

GIẢI THƯỞNG DANH HIỆU (tiếp theo)



MỘT TRONG NHỮNG MỤC TIÊU ĐƯỢC VINAMILK ĐẶT LÊN HÀNG ĐẦU LÀ ĐẢM BẢO VIỆC LÀM TRONG ĐIỀU KIỆN AN TOÀN DỊCH BỆNH, TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG, NHÂN VIÊN HƯỞNG ĐẦY ĐỦ PHÚC LỢI KỂ CẢ TRONG ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC TẠI NHÀ. TRONG NĂM 2020, CÁC GIÁ TRỊ MANG ĐẾN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY ĐƯỢC ĐẢM BẢO NGAY TRONG GIAI ĐOẠN KHÓ KHĂN NHẤT DO COVID-19.

Nhờ những chính sách nhân sự tiên tiến, Vinamilk năm thứ 3 liên tiếp giữ vững vị trí số 1 trong Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam được công bố bởi Tổ chức cộng đồng mạng nghề nghiệp Anphabe và Công ty nghiên cứu thị trường Intage. Điều này đặc biệt ý nghĩa trong bối cảnh Covid-19 tạo ra các tác động mạnh mẽ đến môi trường việc làm và người lao động.



Môi trường làm việc sáng tạo và nhiều cơ hội phát triển sự nghiệp cũng góp phần thu hút các tài năng trẻ với việc được đánh giá thuộc Top 50 Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất đối với sinh viên Việt Nam năm 2020 theo Anphabe và Top 5 Nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam theo Career Builder.

**SỐ 1 TOP 100
NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT
VIỆT NAM NĂM 2020**

**TOP 50
THƯƠNG HIỆU NHÀ TUYỂN DỤNG
HẤP DẪN NHẤT ĐỐI VỚI SINH VIÊN
VIỆT NAM NĂM 2020**

**TOP 5
NHÀ TUYỂN DỤNG
HẤP DẪN NHẤT
VIỆT NAM**



THÁNG 11/2020, VINAMILK TIẾP TỤC ĐƯỢC XÉT CHỌN LÀ THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA LẦN THỨ 6 LIÊN TIẾP (TỪ 2010-2022), ĐÁNH DẤU MỘT THẬP KỶ THÀNH CÔNG CỦA MỘT THƯƠNG HIỆU SỮA VIỆT NAM. TRONG HÀNH TRÌNH 10 NĂM QUA, VINAMILK ĐƯỢC XEM LÀ BIỂU TRUNG CỦA THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VÀ LÀ NIÊM TỰ HÀO ĐỂ GIỚI THIỆU ĐẾN BẠN BÈ QUỐC TẾ.

Các sản phẩm dinh dưỡng của Vinamilk vinh dự được chọn để phục vụ cho Văn phòng Chính phủ, góp mặt trong các sự kiện trọng đại của quốc gia như năm Chủ tịch ASEAN 2020, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 13,...

Giá trị thương hiệu Vinamilk được Forbes Việt Nam công bố là 2,4 tỷ USD, tăng 200 triệu USD so với năm 2019, chiếm hơn 20% tổng giá trị của Top 50 thương hiệu dẫn đầu Việt Nam năm 2020. Đặc biệt, nhờ các giá trị bền vững được cộng đồng và người tiêu dùng ghi nhận và yêu mến, Vinamilk đã vươn lên dẫn đầu Top 10 thương hiệu mạnh nhất Việt Nam và duy trì sự hiện diện trong Top 1000 thương hiệu dẫn đầu châu Á theo Campaign Asia và Nielsen.

Không chỉ chinh phục người tiêu dùng trong nước, với nhiều hoạt động tích cực về kinh doanh quốc tế, Vinamilk đã được đánh giá là Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín theo chương trình của Bộ Công thương.

THƯƠNG HIỆU VINAMILK



THƯƠNG HIỆU
QUỐC GIA

NÂNG TẦM GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

CÁC ĐÁNH GIÁ & NHẬN ĐỊNH

“

“Bộ Tài nguyên và Môi trường xin ghi nhận sự đồng hành và hỗ trợ hiệu quả của Vinamilk trong suốt 9 năm qua để hoàn thành cột mốc một triệu cây xanh cho Việt Nam. Với tinh thần “Trồng thêm 1 cây xanh là thêm một hành động bảo vệ môi trường”, Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam là một điển hình cho sự nỗ lực và hành động vì môi trường, vì cuộc sống và vì tương lai của chúng ta.”

Ông Trần Hồng Hà

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

“

“Chúng tôi rất trân trọng khi được biết rằng các bạn đã nỗ lực để hoàn thành mục tiêu trồng 1 triệu cây xanh đặt ra vào năm 2020. Xin được gửi lời chúc mừng đặc biệt đến Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam cùng những đơn vị đã thực hiện chương trình là Vinamilk và Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam với thành tích Top 10 Hoạt động vì môi trường xuất sắc nhất thuộc Giải thưởng CSR toàn cầu 2020.”

Giáo sư - Tiến sĩ Geoffrey Williams

Chủ tịch Hội đồng Giám khảo của Giải thưởng CSR toàn cầu 2020

“

“Về quản trị doanh nghiệp, Ủy ban Chứng khoán mong muốn các doanh nghiệp tập trung nhiều hơn vào hoạt động này. Mục tiêu tăng cường quản trị doanh nghiệp trong những năm qua đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Đáng chú ý, năm nay, Vinamilk là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên lọt vào Top 100 doanh nghiệp ASEAN có điểm quản trị công ty tốt nhất, rất tự hào, nhưng chỉ mới có một doanh nghiệp.”

Ông Trần Văn Dũng

Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

“

Tinh thần dân tộc và sự đổi mới là hai yếu tố quyết định trong bảng xếp hạng các thương hiệu địa phương mạnh nhất Việt Nam năm nay, khi người tiêu dùng lựa chọn ủng hộ các công ty đã hỗ trợ đắc lực cho xã hội trong đại dịch. Các thương hiệu duy trì phát triển và liên tục được truyền thông nhắc đến vì những đóng góp cho cộng đồng kể cả trong thời gian gặp khó khăn về tài chính. Kết quả năm 2020 đặc biệt có ý nghĩa khi lần đầu tiên các thương hiệu Việt Nam lọt vào bảng xếp hạng 10 thương hiệu trong nước nhiều hơn các thương hiệu quốc tế và chiếm vị trí dẫn đầu.

Theo phân tích kết quả xếp hạng của
Campaign Asia Pacific

“

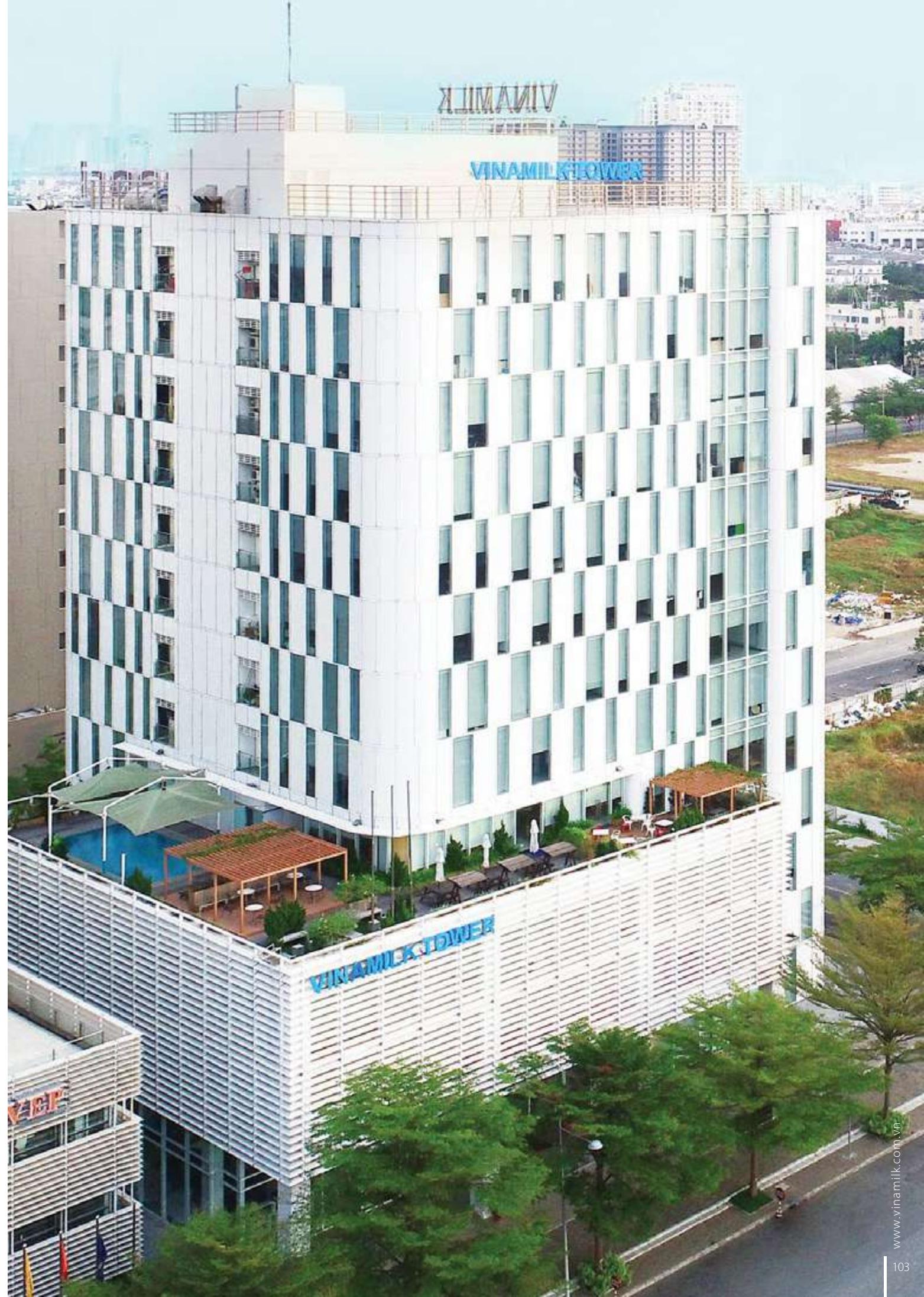
Vinamilk một lần nữa được ghi nhận là nhà sản xuất được chọn mua nhiều nhất tại Thành thị (4 thành phố chính) trong 8 năm liên tiếp. Nhà sản xuất nội địa này đã tiếp cận được hơn 80% hộ gia đình Việt nhờ vào các hoạt động quảng cáo, truyền thông nhấn mạnh giá trị dinh dưỡng mà sản phẩm của họ mang lại cũng như không ngừng đổi mới hình ảnh với nhiều sản phẩm mới được tung ra nhằm đáp ứng nhu cầu mới của người tiêu dùng.

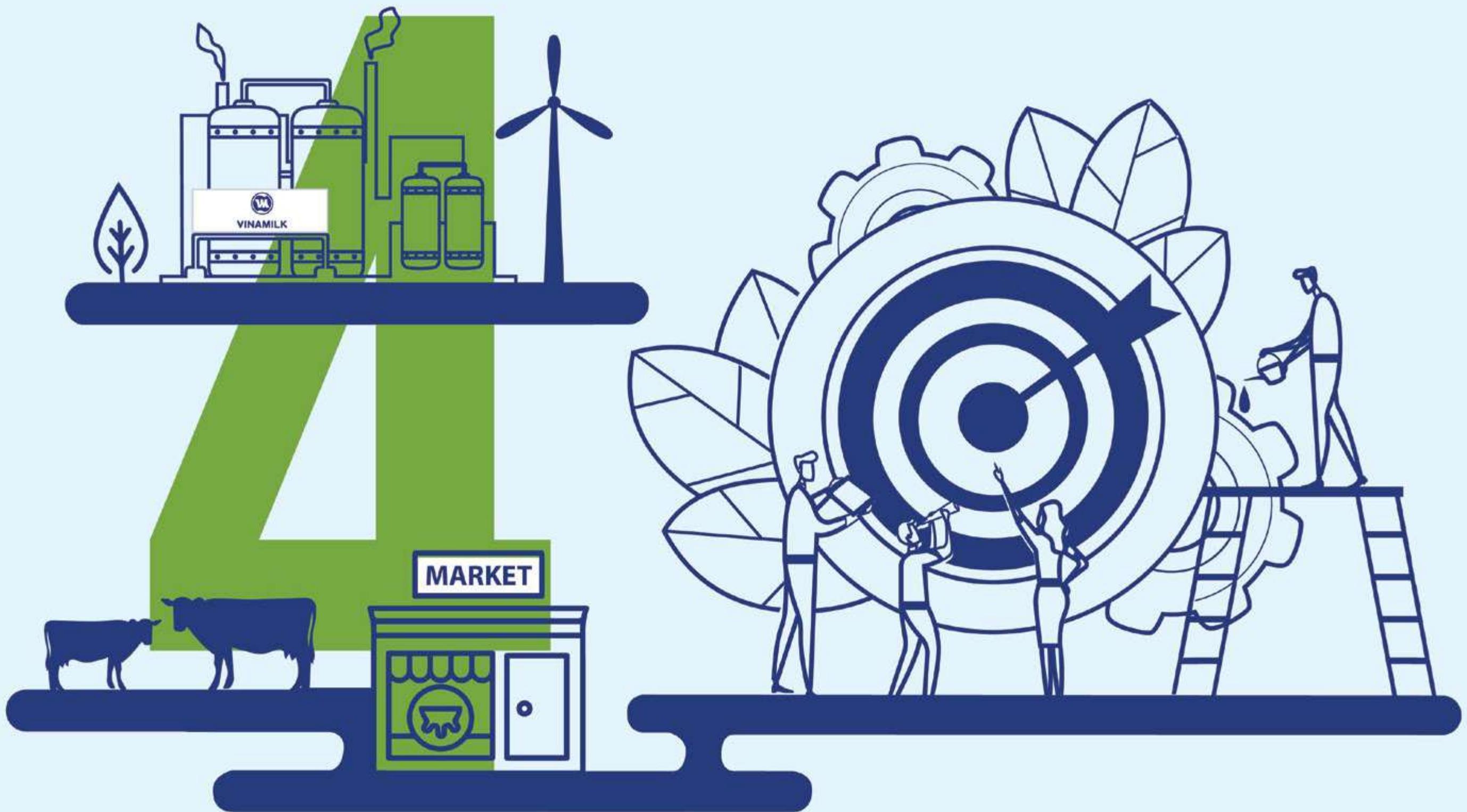
Theo Báo cáo “Dấu chân thương hiệu 2020” của
Kantar Worldpanel

“

Các công ty trong “Danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất năm 2020” đều là những doanh nghiệp có nền tảng vững vàng, được kỳ vọng có sức bật trong bối cảnh kinh tế Việt Nam đối diện với nhiều thử thách nhất trong 10 năm qua do ảnh hưởng từ Covid-19.

Theo Forbes Vietnam





CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂM 2021



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂM 2021



Tiếp tục duy trì vị trí số 1 tại thị trường Việt Nam và tiến tới mục tiêu trở thành 1 trong Top 30 Công ty Sữa lớn nhất thế giới về doanh thu, Vinamilk xác định chiến lược phát triển với 3 trụ cột chính được thực thi, bao gồm:

1 ĐI ĐẦU TRONG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO MANG TÍNH ỨNG DỤNG CAO

Tập trung vào ngành sữa và các sản phẩm liên quan đến sữa, vốn là ngành kinh doanh cốt lõi tạo nên thương hiệu Vinamilk.

Tiếp tục nghiên cứu và phát triển nhiều sản phẩm mới với mục đích cách tân, mở rộng và đa dạng hóa danh mục sản phẩm trên cơ sở phù hợp với thị hiếu và nhu cầu của người tiêu dùng; đồng thời mang đến cho người tiêu dùng nhiều trải nghiệm phong phú và tiện lợi.

CỦNG CỐ VỊ THẾ DẪN ĐẦU NGÀNH SỮA VIỆT NAM

Ưu tiên tập trung khai thác thị trường nội địa với tiềm năng phát triển còn rất lớn.

Đẩy mạnh tập trung vào phân khúc sản phẩm cao cấp với nhiều giá trị gia tăng, đặc biệt ở khu vực thành thị.

Mở rộng thâm nhập và bao phủ khu vực nông thôn với các dòng sản phẩm phổ thông, nơi tiềm năng tăng trưởng còn rất lớn.

Tiếp tục xây dựng hệ thống phân phối nội địa rộng lớn và vững mạnh, gia tăng thị phần và giữ vững vị thế dẫn đầu của Vinamilk trên thị trường.

TRỞ THÀNH CÔNG TY SỮA TẠO RA NHIỀU GIÁ TRỊ NHẤT TẠI ĐÔNG NAM Á

Sẵn sàng cho các hoạt động mua bán sáp nhập (M&A) và mở rộng mối quan hệ hợp tác mạnh mẽ với các đối tác theo cả ba hướng tích hợp ngang, tích hợp dọc và kết hợp.

Ưu tiên tìm kiếm các cơ hội M&A với các công ty sữa tại các quốc gia khác với mục đích mở rộng thị trường và tăng doanh số.

Tiếp tục thâm nhập các thị trường xuất khẩu mới với chiến lược chuyển đổi mô hình xuất khẩu hàng hóa truyền thống sang các hình thức hợp tác sâu với các đối tác phân phối tại các thị trường trọng điểm mới.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Báo cáo Quản trị Công ty
- Báo cáo Quản trị Rủi ro



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

VỚI NỖ LỰC XÂY DỰNG VÀ LIÊN TỤC HOÀN THIỆN QUA CÁC NĂM, VINAMILK LÀ DOANH NGHIỆP ĐẦU TIÊN VÀ DUY NHẤT CỦA VIỆT NAM ĐƯỢC VINH DANH TRONG HẠN MỤC "TÀI SẢN ĐẦU TƯ CÓ GIÁ TRỊ CỦA ASEAN" (ASEAN ASSET CLASS) DỰA THEO THỂ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN 2019 ĐƯỢC CÔNG BỐ VÀO THÁNG 12/2020. NGOÀI RA, VINAMILK CŨNG ĐẠT GIẢI NHẤT VỀ DOANH NGHIỆP CÓ QUẢN TRỊ CÔNG TY TỐT NHẤT NĂM 2020 TẠI VIỆT NAM.

Vinamilk đang sử dụng tài liệu "Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất" do UBCKNN và IFC phát hành tháng 8/2019. HĐQT Vinamilk cam kết sẽ tiếp tục nghiên cứu và từng bước áp dụng các thông lệ quản trị tốt nhất được khuyến nghị trong tài liệu này. Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất đã được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và quý nhà đầu tư có thể tham khảo tài liệu này tại:

https://viiod.vn/wp-content/uploads/2019/08/Vietnam-CG-Code-of-Best-practices_v1.0_EV.pdf

Theo đánh giá của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM ("HOSE") trích từ kết quả đánh giá Phát triển bền vững kỳ tháng 7/2020, kết quả đánh giá nội dung quản trị công ty của Vinamilk như sau:

STT	Mục đánh giá	Kết quả
1	Quyền của cổ đông	88%
2	Đảm bảo vai trò của các bên liên quan	100%
3	Công bố và minh bạch thông tin	100%
4	Trách nhiệm của HĐQT	91%
5	Môi trường kiểm soát	88%
Kết quả chung về Quản trị công ty		93%



Do qui định pháp luật có thay đổi, cụ thể là Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 và Nghị định 155/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 và Thông tư 116/2020 có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2021, Công ty đang soạn lại Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty để trình ĐHĐCĐ phê duyệt và áp dụng từ năm tài chính 2021. Do đó, trong báo cáo này, chúng tôi xin phép chỉ trình bày các nội dung cốt lõi với các thông tin cụ thể mà theo yêu cầu hoặc theo thông lệ cần được công bố cho nhà đầu tư và các bên liên quan trong năm tài chính 2020 như sau:

A. TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

NGUYÊN TẮC 1: THIẾT LẬP RỘ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA HĐQT

Tại Vinamilk, Hội đồng Quản trị luôn hành động trên cơ sở có đầy đủ thông tin vì lợi ích cao nhất và lâu dài của Công ty, một cách có thiện ý, mẫn cán và cẩn trọng, và vì lợi ích của tất cả các cổ đông, đồng thời cũng quan tâm đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan của Công ty.

- Tại Vinamilk, vai trò và trách nhiệm của HĐQT được cụ thể hóa trong Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị của Công ty đã được ban hành và công bố trên website của Công ty tại địa chỉ: <https://www.vinamilk.com.vn/vi/he-thong-quan-tri>

Các thông tin chính của Công ty đã công bố trên website nêu trên như:

- » Sơ đồ Tổ chức;
- » Điều lệ Hoạt động;
- » Quy chế Quản trị Nội bộ;
- » Quy tắc Úng xử.

- HĐQT xem xét và phê duyệt định hướng chiến lược của Công ty, chính sách quản lý rủi ro, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các khoản đầu tư lớn có giá trị từ 100 tỷ trở lên hoặc tất cả các dự án đầu tư ra bên ngoài mà có hình thành công ty liên doanh, liên kết, công ty con của Vinamilk (bao gồm các hoạt động M&A). HĐQT cũng giám sát các hoạt động đầu tư này bằng cách ban hành quy chế đánh giá hiệu quả sau đầu tư, cũng như quyết định việc thoái vốn của tại các khoản đầu tư ra bên ngoài này.



- HĐQT đã và đang thể hiện tốt vai trò giám sát Công ty trong việc theo dõi tính hiệu quả của công tác quản trị, việc tuân thủ pháp luật hiện hành của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng đặc biệt quan tâm đến chính sách phát triển bền vững của Công ty và các hoạt động bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội của Công ty. Tất cả các nội dung này đều được Ban Điều hành báo cáo cho HĐQT. Trong đó, Công ty đã lập báo cáo phát triển bền vững từ năm 2012 và chính thức được kiểm toán bởi đơn vị tư vấn độc lập bên ngoài từ năm 2016 để tăng tính chính xác, độc lập, khách quan và tin cậy của báo cáo đến người đọc. Vui lòng xem các báo cáo phát triển bền vững gần nhất của Công ty tại địa chỉ: <https://www.vinamilk.com.vn/vi/tin-tuc-phat-trien-ben-vung>

- Tất cả các thành viên HĐQT đều chủ động tham gia giám sát hoạt động của Công ty, tham gia thảo luận tại các cuộc họp định kỳ hàng quý hoặc thông qua các lần lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT đều được khuyến khích để xuất, kiến nghị bất kỳ lúc nào thấy cần thiết cho Công ty và không có giới hạn về mặt không gian, thời gian và nội dung thảo luận. Các tài liệu họp phải được Công ty gửi đến các thành viên HĐQT tối thiểu 7 ngày trước ngày họp.

- Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT của Công ty trong năm. Trong trường hợp có thành viên nào không tham dự họp được thì phải có thông báo gửi cho HĐQT và nêu lý do cụ thể. Biên bản họp đều được gửi tới tất cả thành viên HĐQT để ghi nhận lại tất cả nội dung đã họp. Trong năm 2020, HĐQT của Vinamilk có các cuộc họp như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch	26/04/2013	4/4	100%	
2	Bà Mai Kiều Liên	Thành viên	23/03/2012	4/4	100%	
3	Ông Alain Xavier Cany	Thành viên	31/03/2018	4/4	100%	
4	Ông Nguyễn Bá Dương	Thành viên	15/04/2017 17/09/2020	1/2	50%	(*)
5	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên	15/04/2017	4/4	100%	
6	Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên	15/04/2017	4/4	100%	
7	Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên	15/04/2017	4/4	100%	
8	Ông Lê Thành Liêm	Thành viên	15/04/2017	4/4	100%	
9	Ông Lee Meng Tat	Thành viên	01/09/2016	4/4	100%	
10	Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên	26/06/2020	3/3	50%	

(*): Ông Nguyễn Bá Dương thôi là thành viên HĐQT từ tháng 9/2020.

Kế hoạch nhân sự kế thừa:

- Với sự tư vấn của tập đoàn tư vấn nhân sự hàng đầu thế giới đến từ Mỹ, Công ty đã triển khai chương trình Kế hoạch Nhân sự Kế thừa cho Công ty từ nhiều năm nay và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- HĐQT cam kết việc giám sát và thực hiện chính sách của Công ty một cách nghiêm túc, khách quan và minh bạch. Chính sách này bao gồm việc tìm kiếm, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa ở cấp Ban Điều hành và cấp quản lý chủ chốt khác của Công ty.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

A. TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT (tiếp theo)

NGUYÊN TẮC 2: THIẾT LẬP RÕ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA HĐQT

Vinamilk đã và đang duy trì một HĐQT chuyên nghiệp, khách quan, hoạt động rất hiệu quả với vai trò bảo đảm lợi nhuận và sự bền vững của Công ty, vì lợi ích cao nhất của Công ty và toàn bộ cổ đông của Công ty.

Căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ-CTS.ĐHĐCD/2018, ngày 31/3/2018 của ĐHĐCD thường niên năm 2018 thì cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2020 của Vinamilk gồm 11 thành viên và theo mô hình không có Ban Kiểm soát. HĐQT hiện tại của Vinamilk gồm:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch, thành viên độc lập
2	Bà Mai Kiều Liên	Thành viên điều hành
3	Ông Alain Xavier Cany	Thành viên không điều hành
4	Ông Nguyễn Bá Dương	Thành viên độc lập (xin từ nhiệm từ ngày 17/09/2020 vì lý do cá nhân)
5	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên không điều hành
6	Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên độc lập
7	Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên không điều hành
8	Ông Lê Thành Liêm	Thành viên điều hành
9	Ông Lee Meng Tat	Thành viên không điều hành
10.	Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên không điều hành (từ ngày 26/06/2020)

Như vậy, HĐQT đang còn khuyết 02 thành viên do có một thành viên xin từ nhiệm trong năm 2020 và do Công ty chưa tìm được ứng viên phù hợp cho vị trí thành viên độc lập còn lại. HĐQT đang tìm kiếm ứng viên phù hợp để trình ĐHĐCD gần nhất để bù bổ sung các vị trí còn thiếu.

Nguyên tắc 2.1: Tập thể HĐQT của Công ty sở hữu các quan điểm, chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng và phù hợp để đóng vai trò chèo lái và giám sát Công ty hiệu quả. Vui lòng xem thông tin giới thiệu từng thành viên HĐQT trong báo cáo này từ trang 30 đến trang 34.

- Theo đánh giá của Công ty, HĐQT của Vinamilk đã hội đủ các điều kiện về năng lực và chuyên nghiệp như sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm quản trị, điều hành tại doanh nghiệp và phù hợp với yêu cầu của Công ty.
- Việc giới thiệu ứng viên để bù bổ sung, bù mới thành viên HĐQT cũng được Tiểu ban Nhân sự trực thuộc HĐQT xem xét cẩn trọng theo quy trình lựa chọn ứng viên thành viên HĐQT trước khi trình HĐQT xem xét và đưa vào chương trình bầu cử của ĐHĐCD của Công ty theo quy trình đã được ban hành và đang áp dụng tại Công ty.
- HĐQT của Vinamilk hiện nay có 4 thành viên là nữ, chiếm 44,4% tổng số thành viên HĐQT đương nhiệm. Điều này thể hiện sự đa dạng về giới trong HĐQT.



Nguyên tắc 2.2: HĐQT của Vinamilk hiện nay bao gồm 2 thành viên điều hành và 7 thành viên không điều hành. Các thành viên không điều hành có các tiêu chuẩn cần thiết để tham gia một cách hiệu quả và giúp HĐQT luôn có các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của Công ty và bảo đảm có được cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp.

Nguyên tắc 2.3: HĐQT đã bổ nhiệm Ban Thư ký Công ty gồm 03 người. Ban Thư ký là bộ phận chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về tất cả các vấn đề có liên quan đến chức năng và hoạt động của HĐQT. Ngoài ra, Ban Thư ký được HĐQT giao nhiệm vụ phụ trách nội dung quản trị cho Công ty.

Ban Thư ký gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Vinamilk
1	Ông Trần Chí Sơn	Trưởng Bộ phận Tài chính
2	Bà Lê Quang Thanh Trúc	Giám đốc Phòng Quản lý các chi nhánh nước ngoài
3	Ông Nguyễn Trung	Giám đốc Cung ứng điều vận

Tất cả các thành viên Ban Thư ký đều đã được đào tạo và cấp chứng chỉ Quản trị Công ty.

Vui lòng xem thông tin giới thiệu của Ban Thư ký trong báo cáo này ở trang 40 và trang 41.

Nguyên tắc 2.4: Tất cả các thành viên HĐQT đã tham gia khóa đào tạo Quản trị Công ty trong nước và trong khu vực.

NGUYÊN TẮC 3: BẢO ĐẢM VAI TRÒ LÃNH ĐẠO HIỆU QUẢ VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HĐQT

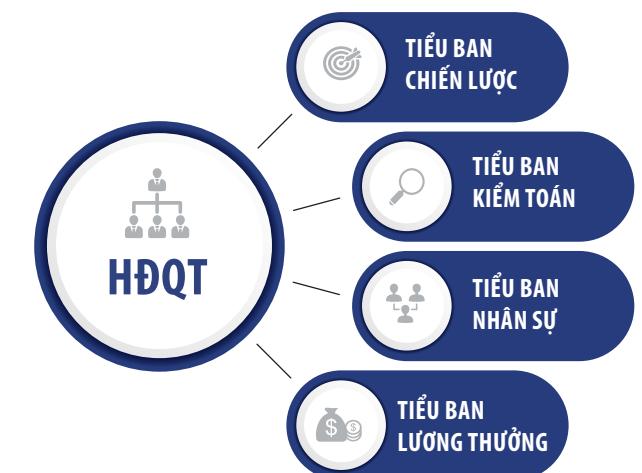
Nguyên tắc 3.1: HĐQT của Vinamilk có 03 thành viên độc lập, chiếm tỷ lệ 1/3 tổng số thành viên HĐQT. Các thành viên độc lập gồm có: Bà Lê Thị Băng Tâm, Ông Nguyễn Bá Dương và Ông Đỗ Lê Hùng. Thành viên độc lập HĐQT tại Vinamilk có năng lực để thúc đẩy nhận định độc lập của tất cả thành viên HĐQT và sự liêm chính của hệ thống quản trị tại Vinamilk. Tuy nhiên, đến tháng 9/2020, Ông Dương có đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT vì lý do cá nhân. Do đó, Công ty hiện nay đang có 02 thành viên độc lập HĐQT và Công ty đang tìm kiếm và bổ sung thành viên độc lập thứ 3 trong thời gian sớm nhất.

Nguyên tắc 3.2: Ông Hùng là thành viên độc lập HĐQT tại Vinamilk với thời gian không quá 5 năm. Riêng Bà Tâm là thành viên độc lập HĐQT từ năm 2013 và đang ở nhiệm kỳ thứ 2 nên vẫn đảm bảo tính độc lập HĐQT của Bà Tâm tại Vinamilk. 2 thành viên HĐQT độc lập này đều đứng đầu các Tiểu ban trực thuộc HĐQT như được trình bày tại Nguyên tắc 4 dưới đây.

Nguyên tắc 3.3: Chủ tịch HĐQT (Bà Lê Thị Băng Tâm) là thành viên HĐQT độc lập.

NGUYÊN TẮC 4: THÀNH LẬP CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Tại Vinamilk, HĐQT đã thành lập 04 ủy ban chuyên trách thuộc HĐQT như sau:



Việc thành lập các tiểu ban này để hỗ trợ HĐQT trong việc thực hiện các trách nhiệm cụ thể và thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát của mình. HĐQT cũng đã xác lập các giới hạn cho phép và phê duyệt tài chính cho chỉ tiêu hoạt động và chi tiêu đầu tư, mua sắm hàng hoá và dịch vụ, và nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, đã phân cấp rõ ràng cho các Tiểu ban HĐQT liên quan xem xét và phê duyệt các giao dịch nằm trong những giới hạn nói trên. Ngoài những vấn đề đặc biệt đòi hỏi sự chấp thuận của HĐQT, HĐQT cũng chịu trách nhiệm về việc xem xét và phê duyệt ngân sách hàng năm, các kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, chiến lược kinh doanh và các giao dịch quan trọng, như các hoạt động mua bán sáp nhập, thoái vốn, các đề xuất tài trợ và đầu tư, và cũng có trách nhiệm xem xét và phê duyệt các giao dịch vượt quá ngưỡng giới hạn định.

Để giải quyết và quản lý các xung đột lợi ích có thể xảy ra liên quan đến lợi ích của các thành viên HĐQT và Công ty, các thành viên HĐQT không phải bỏ phiếu cho bất kỳ vấn đề nào mà họ có lợi ích hoặc xung đột trong đó.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

A. TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT (tiếp theo)

NGUYÊN TẮC 4: THÀNH LẬP CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT (tiếp theo)

Tiểu ban Chiến lược

- HĐQT thành lập Tiểu ban Chiến lược ("TBCL"). Theo Nghị quyết của HĐQT số 08/NQ-CTS.HĐQT/2020, ngày 24/07/2020, TBCL bao gồm 04 thành viên và có sự thay đổi trong năm như sau:

STT	Chức vụ	Từ 01/01/2020	Từ ngày 24/07/2020
1	Trưởng Tiểu ban Thành viên điều hành	Bà Mai Kiều Liên	Bà Mai Kiều Liên
2	Thành viên không điều hành	Ông Lee Meng Tat	Ông Lee Meng Tat
3	Thành viên độc lập	Ông Nguyễn Bá Dương (đến ngày 17/09/2020)	
4	Thành viên không điều hành		Ông Alain Xavier Cany
5	Thành viên không điều hành		Bà Đặng Thị Thu Hà

- TBCL chịu trách nhiệm chính trong việc soạn thảo và đề xuất chiến lược kinh doanh của Công ty lên HĐQT: bao gồm (1) phê chuẩn tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược dài hạn; (2) giám sát việc lập, triển khai và thực thi chiến lược; (3) phụ trách định hướng về phát triển bền vững và có trách nhiệm; (4) phụ trách lĩnh vực báo cáo tích hợp; và (5) phụ trách lĩnh vực quan hệ với các bên liên quan.

Tiểu ban Kiểm toán

- HĐQT thành lập Tiểu ban Kiểm toán ("TBKT") và xác định năng lực của các thành viên, thẩm quyền và trách nhiệm của Tiểu ban trong Điều lệ Tiểu ban Kiểm toán. TBKT bao gồm bốn thành viên HĐQT và có sự thay đổi trong năm theo Nghị quyết của HĐQT số 08/NQ-CTS.HĐQT/2020, ngày 24/07/2020 như sau:

STT	Chức vụ	Từ 01/01/2020	Từ ngày 24/07/2020
1	Trưởng Tiểu ban Thành viên độc lập	Ông Đỗ Lê Hùng	Ông Đỗ Lê Hùng
2	Thành viên không điều hành	Ông Michael Chye Hin Fah	Ông Michael Chye Hin Fah
3	Thành viên điều hành	Ông Lê Thành Liêm	Ông Lê Thành Liêm
4	Thành viên không điều hành	Bà Đặng Thị Thu Hà	Bà Nguyễn Thị Thắm
5	Thành viên không điều hành		Ông Alain Xavier Cany

- Tiểu ban Kiểm toán chịu trách nhiệm chính trong việc rà soát các vấn đề và các xét đoán trọng yếu của báo cáo tài chính để đảm bảo tính trung thực của báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, các giao dịch liên kết, các giao dịch của bên có quyền lợi liên quan hoặc giao dịch của người có thể gây xung đột lợi ích, phạm vi và kết quả của kiểm toán độc lập, cũng như xem xét lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho Công ty.

- Tiểu ban Kiểm toán thực hiện chức năng quản lý rủi ro và giám sát tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ cho toàn Công ty và báo cáo cho HĐQT theo định kỳ hàng quý.

Vui lòng xem báo cáo của Tiểu ban Kiểm toán về việc thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của TBKT cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 tại trang 56 của báo cáo này.

Tiểu ban Nhân sự

- HĐQT thành lập Tiểu ban Nhân sự ("TBNS"). TBNS gồm có bà Lê Thị Băng Tâm, bà Mai Kiều Liên, ông Lee Meng Tat. Bà Đặng Thị Thu Hà là thành viên mới tham gia vào tiểu ban từ ngày 24/07/2020. Bà Lê Thị Băng Tâm, thành viên HĐQT độc lập, làm Trưởng TBNS.

- TBNS chịu trách nhiệm chính trong việc xác định tiêu chuẩn và lựa chọn những người phù hợp để được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT và cán bộ quản lý chủ chốt, xây dựng các quy trình và hướng dẫn cho công tác lựa chọn đó nhằm duy trì sự minh bạch, thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế niêm yết cũng như bất kỳ sửa đổi nào được thực hiện theo đó và các mệnh lệnh của các cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi quyển hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của TBNS, xem xét việc đề cử tái bổ nhiệm của thành viên HĐQT và giúp HĐQT trong việc quyết định và xem xét lại tính độc lập của các thành viên HĐQT độc lập ít nhất mỗi năm 1 lần.

- TBNS chịu trách nhiệm giám sát việc triển khai chương trình nhân sự kế thừa theo Nguyên tắc số 1.4 về Quản trị Công ty như đã trình bày.

- Trong năm 2020, TBNS đã họp và báo cáo cho HĐQT phê duyệt hồ sơ ứng viên thành viên HĐQT của Công ty dự kiến sẽ được trình ĐHĐCĐ thường niên 2021 để bầu bổ sung vị trí đang khuyết.



Tiểu ban Lương thưởng

- HĐQT thành lập Tiểu ban Lương thưởng ("TBLT"). TBLT hiện nay gồm 4 thành viên và có sự thay đổi trong năm theo Nghị quyết của HĐQT số 08/NQ-CTS.HĐQT/2020, ngày 24/07/2020 như sau:

STT	Chức vụ	Từ 01/01/2020	Từ ngày 24/07/2020
1	Trưởng Tiểu ban Thành viên độc lập	Ông Nguyễn Bá Dương (đến 17/09/2020) (*)	Ông Nguyễn Bá Dương (đến 17/09/2020) (*)
2	Thành viên không điều hành	Ông Michael Chye Hin Fah	Ông Michael Chye Hin Fah
3	Thành viên độc lập	Bà Lê Thị Băng Tâm	Bà Lê Thị Băng Tâm
4	Thành viên không điều hành	Bà Đặng Thị Thu Hà	Bà Nguyễn Thị Thắm

(*) Do Ông Nguyễn Bá Dương xin từ nhiệm từ ngày 17/09/2020 nên HĐQT phân công Bà Lê Thị Băng Tâm tạm thời làm Trưởng tiểu ban mới được bầu.

- TBLT chủ yếu chịu trách nhiệm về:

- Xây dựng các chính sách và hướng dẫn trong việc xác định lương, thưởng và thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban Điều hành cũng như rà soát, sửa đổi, tu chỉnh hoặc thu hồi các quy trình và quy định về thù lao của các thành viên HĐQT để được ĐHĐCĐ thường niên thông qua;
- Xem xét và đánh giá mức lương, thưởng và thù lao của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành và đề xuất với HĐQT;
- Đề xuất với HĐQT một khuôn khổ và các tiêu chuẩn lương, thưởng và thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban Điều hành;
- Đề xuất lương, thưởng và thù lao cụ thể cho từng thành viên HĐQT và Giám đốc Điều hành.

- Trong năm 2020, TBLT đã họp và trình HĐQT quyết định các nội dung chính trong năm gồm:

- Thù lao còn lại năm 2019 của HĐQT (thông qua Nghị quyết số 02/NQ-CTS.HĐQT/2020, ngày 11/02/2020);
- Khung thưởng Ban Điều hành năm 2020 (thông qua Nghị quyết số 15/NQ-CTS.HĐQT/2020, ngày 10/12/2020).



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

A. TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT (tiếp theo)

NGUYÊN TẮC 5: BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ CỦA HĐQT

Vinamilk thực hiện thước đo tốt nhất về hiệu quả của HĐQT là thông qua quy trình đánh giá HĐQT. Tất cả các thành viên HĐQT đều được đánh giá ít nhất một lần trong năm để thẩm định kết quả công việc của mình với vai trò một chủ thể quản trị cũng như hiệu quả hoạt động của HĐQT nói chung để có những điều chỉnh phù hợp.

Nguyên tắc 5.1: Hằng năm, HĐQT đều có thực hiện việc đánh giá kết quả hoạt động của từng tiểu ban bằng cách mỗi tiểu ban tự đánh giá. Sau đó, HĐQT sẽ họp chính thức để đánh giá chung hoạt động của từng tiểu ban và cả HĐQT trong năm. Việc đánh giá hoạt động của từng thành viên sẽ được HĐQT cân nhắc và xem xét áp dụng trong thời gian thích hợp sau này.

Nguyên tắc 5.2: Việc đánh giá thành viên HĐQT đều được thực hiện thông qua quy trình được ban hành với các tiêu chí đánh giá được quy định rõ ràng và soát cẩn trọng nhằm xác định hiệu quả công việc, đóng góp công sức của từng thành viên và các tiểu ban trực thuộc HĐQT một cách chính xác, đầy đủ và khách quan.

Nguyên tắc 5.3: Thủ lao cho HĐQT năm 2020 đã được ĐHĐCD thường niên của Công ty phê duyệt. Mức thù lao thực chi trả cho từng thành viên sẽ do Tiểu ban Lương thưởng đề xuất cho HĐQT xét duyệt dựa trên vai trò, nhiệm vụ, kết quả hoạt động của từng cá nhân và của Công ty trong năm, và tạo động lực để HĐQT lãnh đạo Công ty đạt được cả mục tiêu ngắn hạn và dài hạn.

- Chi tiết thù lao của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành (bao gồm những người nắm giữ vị trí điều hành) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được phân chia theo tỷ lệ phần trăm vào các loại sau: (1) Lương; (2) Tiền thưởng dựa trên kết quả hoạt động của Công ty; (3) Thủ lao HĐQT. Công ty đã công bố mức thù lao của họ như mô tả dưới đây.

Thành viên HĐQT (thành viên điều hành)	Lương	Tiền thưởng dựa trên kết quả hoạt động của Công ty	Thù lao HĐQT
Bà Mai Kiều Liên	29%	65%	6%
Ông Lê Thành Liêm	51%	39%	10%

Thành viên HĐQT (thành viên không điều hành)	Lương	Tiền thưởng dựa trên kết quả hoạt động của Công ty	Thù lao HĐQT
Bà Lê Thị Băng Tâm	-	-	100%
Ông Alain Xavier Cany	-	-	100%
Ông Nguyễn Bá Dương (1)	-	-	100%
Ông Michael Chye Hin Fah	-	-	100%
Bà Đặng Thị Thu Hà	-	-	100%
Ông Đỗ Lê Hùng	-	-	100%
Ông Lee Meng Tat	-	-	100%

Ghi chú: (1) Thành viên này từ nhiệm chính thức từ tháng 9/2020.

Thành viên HĐQT	Lương	Tiền thưởng dựa trên kết quả hoạt động của Công ty
Ông Mai Hoài Anh	54%	46%
Ông Trịnh Quốc Dũng	55%	45%
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	51%	49%
Bà Bùi Thị Hương	53%	47%
Ông Nguyễn Quốc Khanh	55%	45%
Ông Phan Minh Tiên	59%	41%
Ông Trần Minh Văn	55%	45%

NGUYÊN TẮC 6: THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ VĂN HÓA ĐÚC CÔNG TY



Vinamilk đã ban hành **Bộ Quy Tắc Ứng Xử** vào tháng 01/2010 và áp dụng cho tất cả thành viên HĐQT, Ban Điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty. Đã qua hơn 10 năm thực hiện Bộ Quy Tắc Ứng Xử này nên các nội dung có thể có những chỉnh sửa nhất định cho phù hợp với sự thay đổi trong môi trường kinh doanh và thực tiễn hoạt động nên Công ty đã thành lập tổ tư vấn cho HĐQT trong việc rà soát và cập nhật tài liệu này để ban hành trong năm 2021. Trong báo cáo này, Công ty xin trình bày các nội dung theo Bộ Quy Tắc Ứng Xử hiện hành.

Nguyên tắc 6.1: Tiểu ban Nhân sự giám sát để bảo đảm việc áp dụng Bộ Quy Tắc Ứng Xử nhằm thiết lập một văn hóa kinh doanh với chuẩn mực cao trong toàn Công ty. Bộ Quy Tắc Ứng Xử này cung cấp chuẩn mực cho hành vi chuyên môn và đạo đức, cũng như làm rõ những hành vi và hoạt động được và không được chấp nhận trong quan hệ nội bộ và bên ngoài. Bộ Quy Tắc Ứng Xử đã được phổ biến phù hợp cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và nhân viên (bao gồm cả các công ty con của Vinamilk) và được công bố công khai trên website của Công ty tại: <https://www.vinamilk.com.vn/vi/he-thong-quan-tri>

Nguyên tắc 6.2: HĐQT bảo đảm triển khai phù hợp và hiệu quả và theo dõi việc tuân thủ Bộ Quy Tắc Ứng Xử này xuyên suốt trong quá trình hoạt động của Công ty. Khuyến khích việc áp dụng Bộ Quy Tắc Ứng Xử này xuống tất cả các công ty con, liên kết của Vinamilk.

Nguyên tắc 6.3: HĐQT là đầu mối và chịu trách nhiệm tập thể về quản trị, thành công trong dài hạn của công ty, và việc mang lại giá trị bền vững cho các bên có quyền lợi liên quan của công ty. HĐQT luôn là tấm gương cho Ban Điều hành và nhân viên trong Công ty.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

B. MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

NGUYÊN TẮC 7: THIẾT LẬP CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO VÀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VỮNG MẠNH

HĐQT đã thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ và chính sách quản lý rủi ro một cách hiệu quả. HĐQT chịu trách nhiệm tối hậu đối với chính sách quản lý rủi ro của Công ty và giám sát hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. HĐQT thành lập Tiểu ban Kiểm toán, Phòng Kiểm toán Nội bộ và Phòng Kiểm soát Nội bộ và Quản lý Rủi ro để kiểm soát và giám sát hoạt động của các bộ phận này.



Nguyên tắc 7.1: HĐQT đảm bảo sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, kiểm soát và giám sát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều phải được Ban Điều hành và HĐQT xem xét tới yếu tố rủi ro có liên quan.

Vui lòng xem Báo cáo Quản trị Rủi ro được trình bày tại trang 124 của báo cáo này.

Nguyên tắc 7.2: HĐQT đã thành lập chức năng kiểm toán nội bộ để có đảm bảo khách quan và tư vấn độc lập nhằm gia tăng giá trị và cải tiến hoạt động của Công ty thông qua Phòng Kiểm toán nội bộ.

• Trong đó, Ủy ban Kiểm toán giám sát chức năng Kiểm toán Nội bộ về chuyên môn, đảm bảo rằng Kiểm toán Nội bộ có đủ vị thế, quyền hạn, nguồn lực, đảm bảo tính độc lập, khách quan và chuyên nghiệp của Kiểm toán Nội bộ.



- Công ty thành lập Phòng Kiểm toán Nội bộ ("KTNB") làm đơn vị độc lập để hỗ trợ HĐQT thông qua TBKT bằng cách đánh giá và nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và quy trình quản trị.

- Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020, KTNB đã tiến hành kiểm toán như đã trình bày chi tiết trong kế hoạch kiểm toán nội bộ đã đệ trình và phê duyệt bởi TBKT. Vui lòng xem Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán để biết thêm chi tiết.

Nguyên tắc 7.3: HĐQT cũng đã thành lập một chức năng tuân thủ, Phòng Kiểm soát Nội bộ và Quản lý Rủi ro, như là tuyến phòng vệ thứ 2 với vị trí và quyền hạn cần thiết.

- HĐQT công nhận trách nhiệm đảm bảo một hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ khoản đầu tư của các cổ đông và tài sản của Công ty. Về mặt này, Tiểu ban Kiểm toán, trong đó mỗi thành viên của Tiểu ban giám sát các khu vực khác nhau để đảm bảo tính đầy đủ và hiệu quả của các kiểm soát tài chính, vận hành, tuân thủ và công nghệ thông tin, bao gồm quản lý rủi ro có hệ thống thông qua việc xác định chủ thể cấu trúc, chiến lược và rủi ro, theo dõi kết quả quản lý rủi ro.

- Để hỗ trợ việc tuân thủ luật pháp và các quy định hiện hành, HĐQT cũng đã xây dựng các hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả để giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nguyên tắc 7.4: Nhận định được tầm quan trọng của công nghệ thông tin đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, HĐQT đã thiết lập phù hợp và giám sát sự vận hành hiệu quả của chính sách quản lý an ninh mạng trong nhiều năm qua. Chính sách an ninh mạng mà Vinamilk thiết lập và đang áp dụng là một phần không thể tách rời trong hệ thống quản lý rủi ro tổng thể của Công ty.

Nguyên tắc 7.5: HĐQT đã thiết lập các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, đánh giá chất lượng công việc của kiểm toán độc lập cũng như qui trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà kiểm toán độc lập đưa ra.

- Khi thực hiện nhiệm vụ lựa chọn kiểm toán độc lập của Công ty, TBKT xem xét năng lực, trình độ chuyên môn của ứng viên kiểm toán độc lập, thành tích được công nhận trong quá khứ và tính độc lập trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán mà không có quan hệ hay lợi ích với Công ty, bao gồm các dịch vụ phi kiểm toán sẽ ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên. Quy trình đấu thầu lựa chọn công ty kiểm toán đã được triển khai tại Công ty với tính chuyên nghiệp, công khai và minh bạch cao.

- Theo ủy quyền của ĐHĐCD, HĐQT chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG) là đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2020.

- TBKT họp định kỳ với đơn vị kiểm toán độc lập hàng quý trước khi công bố báo cáo tài chính quý. Trong các cuộc họp này, TBKT sẽ xem xét tất cả các nội dung liên quan đến báo cáo tài chính, các khuyến nghị của đơn vị kiểm toán độc lập (nếu có).

- Tổng các chi phí dịch vụ phi kiểm toán phát sinh trong 2020 chiếm 53% mức phí trả cho dịch vụ kiểm toán trong năm. Dịch vụ tư vấn phi kiểm toán bao gồm cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và dịch vụ hỗ trợ tuân thủ xác định giá trị giao dịch liên kết.





BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

C. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

NGUYÊN TẮC 8: TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

HĐQT cam kết và bảo đảm truyền thông đầy đủ với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý và công chúng bằng việc thực hiện chính sách công bố thông tin minh bạch và hiệu quả.

Nguyên tắc 8.1: Vinamilk đã ban hành Quy chế Công bố thông tin và áp dụng từ năm 2018. Theo đó, Công ty cam kết luôn tuân thủ việc minh bạch và công bằng trong việc công bố thông tin đến tất cả các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác.

- Tổng Giám đốc là người công bố thông tin của Công ty và trong năm Công ty không có vi phạm pháp luật về công bố thông tin;
- Tất cả nội dung công bố thông tin khi gửi ra bên ngoài công ty thì cũng được gửi đồng thời đến tất cả thành viên HĐQT, bộ phận phụ trách quản trị công ty và các phòng chức năng có liên quan để giám sát việc công bố thông tin này.

Nguyên tắc 8.2: Để thúc đẩy tiếp cận hiệu quả và tối ưu về chi phí đối với các thông tin liên quan, Vinamilk luôn bảo đảm có được sự tiếp cận dễ dàng và không phân biệt đối xử với những thông tin đã được công bố bằng các công cụ truyền thông đa dạng. Ngoài ra, Vinamilk có bộ phận chuyên trách về công tác quan hệ nhà đầu tư luôn sẵn sàng tiếp đón cổ đông và nhà đầu tư như dưới đây.

Vinamilk cam kết luôn công bố thông tin song ngữ (Tiếng Việt và Tiếng Anh) để cổ đông và nhà đầu tư nước ngoài có thể cập nhật được thông tin nhanh nhất thuận tiện nhất.

Vinamilk duy trì kênh công bố thông tin bằng nhiều hình thức như:

» Trên website của Công ty tại: <https://www.vinamilk.com.vn/vi/thong-bao-co-dong>

» Trên website của HOSE tại: <https://www.hsx.vn/Modules>Listed/Web/SymbolView/128>

» Trên các phương tiện truyền thông đại chúng

» Thông qua Ban quan hệ nhà đầu tư (IR) của Công ty như sau:

- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
- 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Trang quan hệ cổ đông: <https://www.vinamilk.com.vn/vi/lien-he-thong-tin-co-dong>
- Hoặc Ông Đồng Quang Trung – Trưởng ban IR
- Email: dqtrung@vinamilk.com.vn
- Tel: (+84 - 28) 541 55555, Số nội bộ: 108247



Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn còn phức tạp nên Công ty không thể tiếp đón nhà đầu tư và cổ đông nhiều tại Công ty. Thay vào đó, Vinamilk chủ động tham gia các hội nghị, các cuộc gặp gỡ nhà đầu tư trong và ngoài nước bằng hình thức trực tuyến để thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nguyên tắc 8.3: HĐQT cam kết bảo đảm việc công bố các thông tin phi tài chính một cách tốt nhất có thể, bao gồm báo cáo về môi trường và xã hội. Vui lòng xem nội dung đã trình bày tại Nguyên tắc 1 của báo cáo này.

D. CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

NGUYÊN TẮC 9: THIẾT LẬP KHUÔN KHỔ ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

HĐQT cần phải bảo vệ các quyền của cổ đông và bảo đảm đối xử công bằng với mọi cổ đông, kể cả cổ đông thiểu số và nước ngoài.

Nguyên tắc 9.1: Quyền của cổ đông:

- Công ty công nhận và coi trọng quyền của các cổ đông, chủ sở hữu của Công ty, bao gồm cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài.
- Công ty đã đảm bảo đối xử công bằng và phù hợp đối với từng cổ đông thông qua việc công bố thông tin chính xác, minh bạch và kịp thời. Công ty chú trọng đến tính đầy đủ của việc công bố thông tin để các cổ đông có thể đưa ra những quyết định có căn cứ tại cuộc họp cổ đông, bao gồm việc bỏ phiếu và bày tỏ ý kiến về những thay đổi đáng kể và bầu cử các thành viên HĐQT dựa trên những thông tin chính xác, đầy đủ, minh bạch, và được chia sẻ một cách công bằng.
- Quyền của cổ đông cũng được Điều lệ của Công ty quy định rõ ràng và được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Ngoài ra, HĐQT cũng giám sát chặt chẽ các nội dung này. Chi tiết về quyền của cổ đông trong Điều lệ Công ty được công bố trên website của Công ty tại: <https://www.vinamilk.com.vn/vi/he-thong-quan-tri>

Nguyên tắc 9.2: HĐQT hàng năm đều có tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hiệu quả.

Các cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức phù hợp với chương trình nghị sự đã đề cập trong thư mời dự họp có liên quan. Công ty gửi đến các cổ đông đầy đủ thông tin mời họp cổ đông, bao gồm các tài liệu đính kèm, có đầy đủ thông tin liên quan đến cuộc họp. Công ty cũng niêm yết các thông tin liên quan đến cuộc họp trên website của HOSE và Vinamilk để các cổ đông có thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng các thông tin này. Ngoài ra, ít nhất mười ngày trước ngày họp, thông báo về cuộc họp của cổ đông và tập hợp đầy đủ các tài liệu họp sẽ được công khai trên website của Vinamilk nhằm cung cấp cho các cổ đông đủ thời gian để chuẩn bị dự họp theo yêu cầu của luật pháp và quy định có liên quan.

Chủ tịch HĐQT, các Trưởng TBKT, TBLT, TBCL và TBNS, và các thành viên HĐQT đều hành thường có mặt và sẵn sàng để giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại các cuộc họp này. Kiểm toán độc lập của chúng tôi là Công ty TNHH KPMG Việt Nam cũng có mặt để giải quyết các yêu cầu của cổ đông về việc tiến hành kiểm toán và việc soạn thảo và nội dung báo cáo kiểm toán độc lập. Trong cuộc họp, Chủ tịch HĐQT cho phép các cổ đông đặt câu hỏi, bày tỏ ý kiến cũng như đưa ra khuyến nghị một cách bình đẳng.





BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

D. CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

NGUYÊN TẮC 9: THIẾT LẬP KHUÔN KHỔ ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

Nguyên tắc 9.3: Thực hiện chính sách cổ tức công bằng và nhất quán.

- Chính sách cổ tức của Vinamilk đều được ĐHĐCD thường niên hàng năm phê duyệt căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Và thông thường, Vinamilk sẽ thanh toán cổ tức cho cổ đông thành 03 (ba) đợt.
- ĐHĐCD thường niên phê chuẩn chính sách cổ tức bằng tiền của năm tài chính 2020 tối thiểu là 50% lợi nhuận sau thuế hợp nhất. Trong đó:
 - » Tạm ứng đợt 1/2020: 2.000 đồng/cổ phần. Thanh toán trong tháng 9/2020.
 - » Tạm ứng đợt 2/2020: 1.000 đồng/cổ phần. Thanh toán trong tháng 2/2021.
 - » Thanh toán cổ tức còn lại của năm 2020: Do ĐHĐCD thường niên năm 2021 quyết định.
- Cổ tức của năm tài chính 2019: Tổng cổ tức của năm tài chính 2019 đã được ĐHĐCD thường niên 2020 phê duyệt là 7.836 tỷ đồng, tương đương 74% lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty.
- Cổ tức của năm tài chính 2020: Công ty đã thanh toán cổ tức cho cổ đông đúng theo nội dung nghị quyết đã nêu trên với tổng số tiền là 5.572 tỷ đồng, tương đương 50% lợi nhuận sau thuế hợp nhất. Riêng cổ tức còn lại của năm 2020 sẽ được trình ĐHĐCD thường niên năm 2021 quyết định.

Nguyên tắc 9.4: Giao dịch với bên liên quan cần phải được thông qua và tiến hành theo cách thức đảm bảo các xung đột lợi ích được quản lý hợp lý và bảo vệ lợi ích của công ty và cổ đông.

- Công ty đã xây dựng chính sách quản lý rủi ro và trách xung đột lợi ích. Theo đó, tất cả các cấp quản lý đều phải kê khai thông tin cho mục đích kiểm soát giao dịch, tránh xung đột lợi ích của người nội bộ và của các bên liên quan.
- Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020, các giao dịch kinh doanh giữa Vinamilk với người trong nội bộ và các bên liên quan được trình bày tại trang 187 của báo cáo tài chính đính kèm.
- Các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ của Công ty được công bố như bên dưới:

» Giao dịch cổ phiếu của người trong nội bộ:

Người trong nội bộ	Chức vụ tại Vinamilk	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm		Số cổ phiếu sở hữu cuối năm		Diễn giải	
		Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%	Mua	Cổ phiếu thưởng
1 Mai Kiều Liên	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	4.933.704	0,28%	6.400.444	0,31%	400.000	1.066.740
2 Nguyễn Thị Thanh Hòa	Giám đốc Điều hành	903.487	0,05%	1.108.184	0,05%	20.000	184.697
3 Trần Minh Văn	Giám đốc Điều hành	739.364	0,04%	887.236	0,04%	-	147.872
4 Mai Hoài Anh	Giám đốc Điều hành	427.093	0,02%	512.511	0,02%	-	85.418
5 Lê Thành Liêm	Thành viên HĐQT kiêm GĐDH Tài chính	358.461	0,02%	493.381	0,02%	52.690	82.230
6 Trịnh Quốc Dũng	Giám đốc Điều hành	201.625	0,01%	241.950	0,01%	-	40.325
7 Bùi Thị Hương	Giám đốc Điều hành	71.814	0,00%	134.176	0,01%	40.000	22.362
8 Phan Minh Tiên	Giám đốc Điều hành	96.430	0,01%	115.716	0,01%	-	19.286
9 Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Điều hành	24.796	0,00%	29.755	0,00%	-	4.959

» Giao dịch cổ phiếu của các bên liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ với người trong nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm		Số cổ phiếu sở hữu cuối năm		Mua	Cổ phiếu thường
		Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%		
1 Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Nguyễn Chí Thành, Đặng Thị Thu Hà, Lê Thành Liêm	627.063.835	36,00%	752.476.602	36,00%	-	125.412.767
2 F&N Dairy Investments Pte Ltd	Michael Chye Hin Fah và Lee Meng Tat	301.496.383	17,31%	369.752.859	17,69%	6.631.000	61.625.476
3 F&Nbev Manufacturing Pte. Ltd.	Michael Chye Hin Fah và Lee Meng Tat	47.026.980	2,70%	56.432.376	2,70%	-	9.405.396
4 Platinum Victory Pte.Ltd.	Alain Xavier Cany	184.880.461	10,62%	221.856.553	10,62%	-	36.976.092
5 Mai Quang Liêm	Em trai của bà Mai Kiều Liên	30.079	0,00%	36.094	0,00%	-	6.015
6 Nguyễn Minh Ánh	Em trai của bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	209.768	0,01%	251.721	0,01%	-	41.953
7 Dương Thị Ngọc Trinh	Mẹ của ông Mai Hoài Anh	229.980	0,01%	275.976	0,01%	-	45.996

E. QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

NGUYÊN TẮC 10: TĂNG CƯỜNG THAM GIA HIỆU QUẢ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

HĐQT cam kết xem xét và tôn trọng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan, các bên chịu ảnh hưởng từ các hoạt động của Công ty.

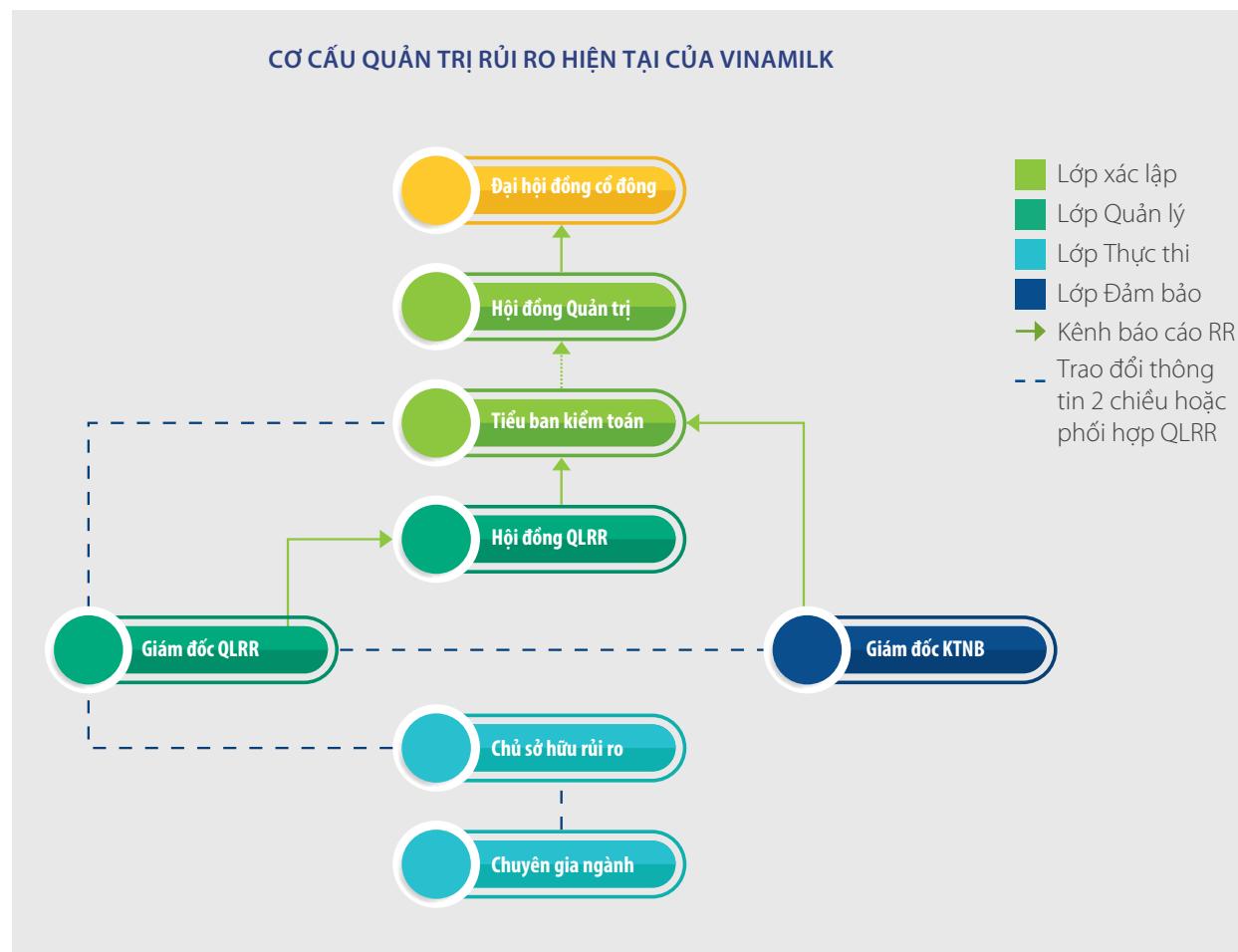
- Vinamilk đã và đang áp dụng tốt Bộ Quy Tắc Ứng Xử của Công ty đối với các bên có quyền lợi liên quan. Bộ Quy Tắc này được công bố trên website của Công ty tại: <https://www.vinamilk.com.vn/vi/he-thong-quan-tri>
- Ngoài ra, Công ty cũng ban hành các chính sách quản lý giao dịch với các bên liên quan. Và trong năm Công ty không phát hiện bất kỳ giao dịch nào có xung đột lợi ích với Công ty. Chính sách chống tham nhũng và chống hối lộ cũng được Công ty thực thi nghiêm ngặt.





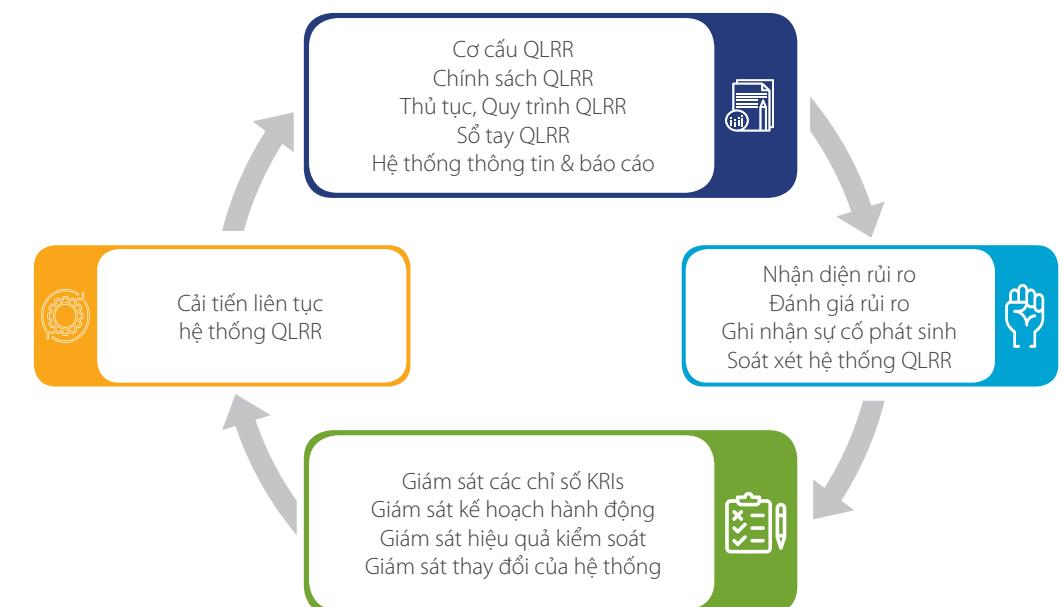
Năm 2020 khép lại với những mối lo ngại về những biến động cả về chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường; mối đe dọa từ đại dịch Covid-19 vẫn ngày càng leo thang, lan rộng đến từng ngóc ngách trên toàn thế giới. Trong bối cảnh đó, nền tảng quản trị doanh nghiệp tốt tại Vinamilk đã chứng minh được vai trò then chốt trong việc dẫn dắt doanh nghiệp đón đầu thay đổi và đảm bảo hoàn thành các mục tiêu hoạt động của Công ty.

Bước qua năm 2021 với trạng thái “bình thường mới” cùng với nhiều biến số bất ngờ khó lường của Covid, hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro vững chắc sẽ giúp doanh nghiệp dự phòng trước được những thay đổi, giúp biến “nguy” thành “cơ”, tận dụng và củng cố các lợi thế cạnh tranh, biến chúng thành chìa khóa để mở rộng cánh cửa đến những chân trời mới và vươn tới những tầm cao mới.



Khung Quản lý rủi ro của Vinamilk đang áp dụng theo khung quản lý rủi ro doanh nghiệp của ISO 31000, được thiết kế để đảm bảo việc thiết lập, vận hành và cải tiến liên tục của hệ thống:

CHIẾN LƯỢC VÀ MỤC TIÊU QLRR



Hệ thống quản lý rủi ro của Vinamilk đang kiểm soát theo 3 tầng phòng vệ: Phòng ngừa – Phát hiện – Khắc phục. Các nguyên tắc này được duy trì ổn định qua các năm, nhằm đảm bảo kiểm soát, quản lý và giám sát hiệu quả danh mục rủi ro của Công ty, đồng thời đạt được mục tiêu do Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

PHÒNG NGỪA

Giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro thông qua việc đánh giá rủi ro một cách cẩn trọng và thiết lập các phương pháp kiểm soát phòng ngừa

PHÁT HIỆN

Giảm xác suất xảy ra rủi ro thông qua việc phát hiện sớm bằng các chỉ số cảnh báo; giảm thiểu mức độ tác động hoặc thiệt hại

KHẮC PHỤC/ĐỐI PHÓ

Giảm thiểu tác động/thiệt hại khi rủi ro thực tế xảy ra bằng các kế hoạch hành động cụ thể



BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

Các hoạt động thực hiện thường xuyên được duy trì để quản lý các rủi ro của Vinamilk theo quy trình nhận diện rủi ro – đánh giá rủi ro – giám sát rủi ro và báo cáo với những nét nổi bật sau:

- Danh mục rủi ro của Công ty toàn diện trên các khía cạnh Chiến lược – Hoạt động – Tài chính – Tuân thủ luôn được duy trì, rà soát và kiểm soát chặt chẽ, đặc biệt chú trọng vào việc quản lý các rủi ro quan trọng với các biện pháp kiểm soát khắc phục, phòng ngừa phù hợp. Đặc biệt, năm 2020 đối mặt với rủi ro mới nổi bật nhất là Rủi ro dịch bệnh Covid-19, Vinamilk đã tiến hành nhận diện và đánh giá ảnh hưởng của dịch bệnh Covid đến các rủi ro quan trọng của Công ty, cũng như đề ra các biện pháp kiểm soát, kế hoạch hành động cụ thể để ứng phó. Hiện rủi ro dịch bệnh vẫn đang được theo dõi chặt chẽ để nhanh chóng có những ứng phó kịp thời.
- Tổ chức đánh giá và báo cáo rủi ro định kỳ hàng quý cho toàn bộ các Khối, Phòng của Công ty.
- Theo dõi chỉ số cảnh báo rủi ro KRIs nhằm giám sát rủi ro và thực hiện các hành động ứng phó kịp thời với biến động bên ngoài và bên trong.
- Triển khai đánh giá tự kiểm soát CSA định kỳ cho các rủi ro quan trọng, nhằm đảm bảo tính hiệu quả của các kiểm soát chính với các rủi ro quan trọng của Công ty.
- Truyền thông và tham vấn các chủ đề rủi ro thông qua cơ chế các bản tin rủi ro định kỳ, đột xuất và bản tin rủi ro chuyên đề, với mục đích nâng cao nhận thức về rủi ro, ghi nhận các rủi ro mới nổi, hỗ trợ nhân sự Quản lý rủi ro trong việc nhận diện và đánh giá các rủi ro tiềm ẩn trong các hoạt động thường ngày của Công ty.
- Triển khai dự án “Nâng cấp hệ thống Quản lý rủi ro Vinamilk” với công ty tư vấn độc lập, nhằm rà soát toàn diện hệ thống Quản lý rủi ro hiện tại, cải tiến liên tục hệ thống, quy trình Quản lý rủi ro theo các thực hành tiên tiến của thế giới, cũng như nâng cao kiến thức và năng lực về Quản lý rủi ro cho đội ngũ nhân sự của Vinamilk.

QUẢN LÝ RỦI RO 2021

Trong năm 2021, hoạt động Quản lý rủi ro tiếp tục tập trung chủ yếu vào việc tích hợp để gia tăng hiệu quả của hệ thống Quản lý rủi ro thông qua các hoạt động chính:





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Các lĩnh vực trọng yếu
- Hoạt động phát triển bền vững trong năm 2020
với 17 Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Thực tiễn năm 2020 cho thấy rõ vai trò chủ đạo của Phát triển bền vững đối với xã hội, đặc biệt là doanh nghiệp. Đối mặt với bối cảnh dịch bệnh, chiến tranh thương mại, đình trệ chuỗi cung ứng toàn cầu ..., Vinamilk đã linh hoạt chiến lược kinh doanh, vững vàng trong thử thách và đạt tăng trưởng dương. Vinamilk xác định Phát triển bền vững và chuyển đổi số không còn là lựa chọn mà là con đường bắt buộc.

Không dừng lại ở đó, trạng thái “bình thường mới” đòi hỏi cân bằng trên những mặt cần đổi, thách thức

mới cho Phát triển bền vững, mà trong đó cùng với hồi phục và tăng trưởng kinh tế thì vấn đề xã hội lớn nhất, chính yếu nhất trong Phát triển bền vững là con người. Bởi vì con người là trung tâm trong Phát triển bền vững,

và cũng chịu tác động trực tiếp và toàn diện từ đại dịch Covid-19. Vinamilk theo đó tập trung mạnh mẽ hơn đến các định hướng và sáng kiến ở các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường: Xây dựng chỉ tiêu cụ thể cho các mục tiêu phát triển bền vững. Đánh giá toàn diện hiện trạng về lĩnh vực phát triển bền vững xuyên suốt toàn công ty, Tham gia các tổ chức chuyên ngành, tiếp tục đào tạo và nâng cao nhận thức về phát triển bền vững, từ đó Tích hợp đa chiều phát triển bền vững vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Vinamilk tin tưởng một tương lai mới, mở ra những cơ hội mới cho những doanh nghiệp có nền tảng quản trị tốt, ứng phó linh hoạt và đặc biệt là tiên phong trên lộ trình Phát triển bền vững.

CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Lĩnh vực	Khía cạnh	Lĩnh vực trọng yếu	Mục tiêu
KINH TẾ	Hiệu quả hoạt động kinh tế	Tăng trưởng bền vững	1 KHÔNG THIẾU KHÔNG THABA 2 HỘI ĐỒNG 8 ĐIỀU HỘ KHÔNG KÌ 9 KHÔNG KHÓ KHĂN 16 PHÁT TRIỂN KHÔNG KHÓ KHĂN 17 KHÔNG KHÓ KHĂN
	Tác động kinh tế gián tiếp	Tạo việc làm bền vững Phát triển kinh tế địa phương	
XÃ HỘI	Lao động và việc làm	Lương thưởng và phúc lợi	
		Quan hệ lao động dựa trên sự tôn trọng, coi trọng chế độ tài đức và luôn ủng hộ bình đẳng, tính toàn diện và đa dạng	
		Không phân biệt đối xử và tôn trọng nhân quyền	
		Xây dựng môi trường làm việc tốt, đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	
		Đào tạo và phát triển	
Trách nhiệm sản phẩm	Đầu tư	Hài hòa lợi ích giữa hiệu quả kinh doanh với sự phát triển bền vững, tuân thủ luật định cũng như các giá trị đạo đức kinh doanh, đảm bảo lợi ích bên liên quan và mang lại giá trị hữu ích cho xã hội	
		Sản phẩm an toàn và chất lượng	3 KHÔNG KHÓ KHĂN 4 KHÔNG KHÓ KHĂN 5 KHÔNG KHÓ KHĂN 8 KHÔNG KHÓ KHĂN 10 KHÔNG KHÓ KHĂN
		Thông tin ghi nhãn minh bạch	
		Truyền thông và tiếp thị có trách nhiệm	
MÔI TRƯỜNG	Nguyên vật liệu	Đầu tư bền vững, đưa tiêu chí liên quan Phát triển bền vững vào đánh giá khi có cơ hội đầu tư	
		Triển khai các giải pháp Giảm thiểu-Reduce, Tái sử dụng-Reuse, Tái chế-Recycle và kinh tế tuần hoàn	
	Năng lượng	Mở rộng hoạt động về Phát triển bền vững đến các nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng	
		Sử dụng năng lượng hiệu quả	
		Ứng dụng công nghệ 4.0 trong sản xuất và chăn nuôi	
	Đất	Sử dụng năng lượng xanh: năng lượng mặt trời, Biomass, CNG	6 KHÔNG KHÓ KHĂN 7 KHÔNG KHÓ KHĂN 8 KHÔNG KHÓ KHĂN 9 KHÔNG KHÓ KHĂN 11 KHÔNG KHÓ KHĂN 12 KHÔNG KHÓ KHĂN
		Quản lý nguồn đất bền vững	
		Nước	
Phát thải	Nước	Sử dụng nguồn nước hiệu quả và khai thác có trách nhiệm	
		Giảm lượng khí thải CO2	13 KHÔNG KHÓ KHĂN 14 KHÔNG KHÓ KHĂN 15 KHÔNG KHÓ KHĂN
	Phát thải	Ứng phó với biến đổi khí hậu	
TIÊU CHUẨN NGÀNH	Phúc lợi động vật	Phúc lợi đàn bò	2 KHÔNG KHÓ KHĂN 3 KHÔNG KHÓ KHĂN 8 KHÔNG KHÓ KHĂN 9 KHÔNG KHÓ KHĂN 12 KHÔNG KHÓ KHĂN 13 KHÔNG KHÓ KHĂN
	Sức khỏe và dinh dưỡng	Sản phẩm xanh, sạch và hữu cơ	
	Đa dạng hóa sản phẩm	Sản phẩm đáp ứng đa dạng nhu cầu	



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NĂM 2020 VỚI 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HIỆP QUỐC



1 XÓA NGHÈO

- Việc làm cho hơn 9.361 lao động
- Phát triển kinh tế địa phương

2 XÓA Đói

- Danh mục sản phẩm trên 200 mặt hàng sữa và các sản phẩm từ sữa của Vinamilk được phủ đều 63/63 tỉnh thành
- Hơn 37 triệu ly sữa cho hơn 460.000 trẻ em khó khăn tính đến năm 2020

3 SỨC KHỎE TỐT VÀ CUỘC SỐNG HẠNH PHÚC

- Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2020 (đứng hạng thứ 1) (Anphabe)
- >50% danh mục sản phẩm là thực phẩm bổ sung
- Cung cấp Sữa học đường tại 23 tỉnh, thành đang thực hiện chương trình Sữa học đường trên toàn quốc
- 1.500 lượt khám và tư vấn dinh dưỡng cho cộng đồng
- 24 đợt truyền thông dinh dưỡng thực địa

4 GIÁO DỤC CHẤT LƯỢNG

- 647 khóa đào tạo với 27.396 lượt học viên
- Đào tạo nghề và hỗ trợ thực hành chăn nuôi bò sữa tại địa phương

5 BÌNH ĐẲNG GIỚI

- Không phân biệt đối xử
- 40% trong đội ngũ điều hành là lãnh đạo nữ

6 NƯỚC SẠCH VÀ ĐIỀU KIỆN VỆ SINH

- 100% nước thải hoạt động sản xuất được xử lý đạt chuẩn
- 100% đơn vị khai thác nước đúng công suất cho phép
- 100% nước sử dụng đạt chuẩn

7 NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ GIÁ HỢP LÝ

- Tỷ lệ năng lượng xanh/nhiên liệu: 89,17% (mảng sản xuất)
- Năng lượng mặt trời tại các Trang trại và Nhà máy

8 VIỆC LÀM BỀN VỮNG VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

- Việc làm thu nhập cao cho 9.361 lao động
- Xuất khẩu sang 55 quốc gia và vùng lãnh thổ
- Hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp theo ISO 45001
- Giải thưởng "Tài sản đầu tư có giá trị của ASEAN".
- Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam (Forbes VN)
- Top 50 thương hiệu dẫn đầu Việt Nam (Forbes VN)
- Top 2 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam (Forbes VN) - 2,4 tỷ USD
- Dẫn đầu Top 10 Thương hiệu mạnh nhất Việt Nam thuộc Top 1000 Thương hiệu hàng đầu Châu Á (Campaign Asia & Nielsen)



9 CÔNG NGHIỆP, ĐỔI MỚI VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG



10 GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG



11 CÁC THÀNH PHỐ VÀ CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG



12 TIÊU DÙNG VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM



13 ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



14 ĐỜI SỐNG DƯỚI NƯỚC



15 ĐỜI SỐNG TRÊN CẠN



16 HÒA BÌNH, CÔNG LÝ VÀ THỂ CHẾ HIỆU QUẢ



17 HỢP TÁC ĐẠT MỤC TIÊU





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tài chính hợp nhất (theo VAS)
- Báo cáo tài chính hợp nhất (theo IFRS)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (THEO VAS)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thông tin về công ty

Báo cáo của Ban Điều hành

Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy Chứng nhận

Hội đồng Quản trị	Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch
	Bà Mai Kiều Liên	Thành viên
	Ông Lee Meng Tat	Thành viên
	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên
	Ông Lê Thành Liêm	Thành viên
	Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
	Ông Nguyễn Bá Dương	Thành viên (đến ngày 17 tháng 9 năm 2020)
	Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên
	Ông Alain Xavier Cany	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên (từ ngày 26 tháng 6 năm 2020)

Ban Điều hành	Bà Mai Kiều Liên	Tổng Giám đốc
	Bà Bùi Thị Hương	Giám đốc Điều hành – Nhân sự – Hành chính và Đối ngoại
	Ông Mai Hoài Anh	Giám đốc Điều hành – Kinh doanh
	Ông Lê Thành Liêm	Giám đốc Điều hành – Tài chính
	Ông Phan Minh Tiên	Giám đốc Điều hành – Tiếp thị
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Giám đốc Điều hành – Chuỗi cung ứng
	Ông Trần Minh Văn	Giám đốc Điều hành – Sản xuất
	Ông Nguyễn Quốc Khanh	Giám đốc Điều hành – Nghiên cứu và Phát triển
	Ông Trịnh Quốc Dũng	Giám đốc Điều hành – Phát triển vùng nguyên liệu

Trụ sở đăng ký: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG,
Việt Nam



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ khi cơ sở này không còn thích hợp.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán đúng đắn đã được duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, được trình bày từ trang 6 đến trang 64, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành



MAI KIỀU LIÊN
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wash Towe
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 2 năm 2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 64.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG Limited Branch in Ho Chi Minh City, A branch of KPMG Limited, a Vietnamese one member limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firm affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam**

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00231-21-20



Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		29.665.725.805.058	24.721.565.376.552
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V1	2.111.242.815.581	2.665.194.638.452
Tiền	111		863.853.260.384	2.378.583.764.655
Các khoản tương đương tiền	112		1.247.389.555.197	286.610.873.797
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.313.679.774.893	12.435.744.328.964
Chứng khoán kinh doanh	121	V.4(a)	1.124.178.861	1.153.041.048
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.4(a)	(936.520.806)	(840.586.787)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.4(b)	17.313.492.116.838	12.435.431.874.703
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.187.253.172.150	4.503.154.728.959
Phải thu khách hàng	131		4.173.563.213.813	3.474.498.518.959
Trả trước cho người bán	132		546.236.562.342	576.013.061.394
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	135		150.000.000	31.170.336.327
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3(a)	483.737.475.103	438.267.517.904
Dự phòng phải thu khó đòi	137	V.2	(16.434.079.108)	(16.794.705.625)
Hàng tồn kho	140	V.5	4.905.068.613.616	4.983.044.403.917
Hàng tồn kho	141	V.5	4.952.848.688.011	4.996.114.799.978
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.5	(47.780.074.395)	(13.070.396.061)
Tài sản ngắn hạn khác	150		148.481.428.818	134.427.276.260
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11(a)	57.414.707.597	68.634.341.838
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.158.670.216	60.875.991.566
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		53.908.051.005	4.916.942.856

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		18.766.754.868.571	19.978.308.009.482
Các khoản phải thu dài hạn	210		19.974.111.715	21.169.968.995
Phải thu từ cho vay dài hạn	215		-	545.312.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.3 (b)	19.974.111.715	20.624.656.995
Tài sản cố định	220		13.853.807.867.036	14.893.540.216.703
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	12.717.306.878.414	13.743.909.618.601
Nguyên giá	222		27.037.635.338.368	26.227.436.154.249
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.320.328.459.954)	(12.483.526.535.648)
Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.136.500.988.622	1.149.630.598.102
Nguyên giá	228		1.338.628.984.267	1.297.664.982.735
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(202.127.995.645)	(148.034.384.633)
Bất động sản đầu tư	230	V.8	59.996.974.041	62.018.116.736
Nguyên giá	231		81.481.271.444	81.481.271.444
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21.484.297.403)	(19.463.154.708)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.062.633.519.957	943.845.551.903
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.9	268.812.038.616	249.633.893.396
Xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	793.821.481.341	694.211.658.507
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		973.440.912.476	986.676.290.429
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	V.4 (c)	686.485.729.063	688.112.587.059
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	V.4 (c)	101.924.299.081	104.537.010.212
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	V.4 (c)	(14.969.115.668)	(5.973.306.842)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.4 (b)	200.000.000.000	200.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.796.901.483.346	3.071.057.864.716
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11 (b)	713.499.307.014	678.630.479.869
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12 (a)	24.854.170.720	26.367.280.852
Lợi thế thương mại	269	V.13	2.058.548.005.612	2.366.060.103.995
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		48.432.480.673.629	44.699.873.386.034

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		14.785.358.443.807	14.968.618.181.670
Nợ ngắn hạn	310		14.212.646.285.475	14.442.851.833.360
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	3.199.186.016.787	3.648.445.576.699
Người mua trả tiền trước	312		111.159.982.412	245.247.666.160
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	V.16	659.550.222.596	619.393.665.850
Phải trả người lao động	314		279.673.306.451	239.520.745.753
Chi phí phải trả	315	V.17	1.910.213.748.076	1.738.321.908.844
Doanh thu chưa thực hiện	318		15.927.234.779	2.111.168.658
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	145.835.054.429	1.956.364.398.828
Vay ngắn hạn	320	V.15 (a)	7.316.497.078.307	5.351.461.260.191
Dự phòng phải trả	321	V.19	15.278.019.908	8.048.885.766
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	V.20	559.325.621.730	633.936.556.611
Nợ dài hạn	330		572.712.158.332	525.766.348.310
Phải trả người bán dài hạn	331		-	427.916.520
Phải trả dài hạn khác	337	V.18	59.731.299.502	27.418.573.520
Vay dài hạn	338	V.15 (b)	167.421.748.884	122.992.982.893
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.12 (b)	345.559.109.946	374.926.875.377
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		33.647.122.229.822	29.731.255.204.364
Vốn chủ sở hữu	410	V.21	33.647.122.229.822	29.731.255.204.364
Vốn cổ phần	411	V.22	20.899.554.450.000	17.416.877.930.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.21	202.658.418.215	-
Cổ phiếu quý	415	V.22	(11.644.956.120)	(11.644.956.120)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	417		10.647.239.612	23.174.494.894
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.286.241.911.090	2.200.188.373.195
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.909.725.668.453	7.875.462.401.924
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.578.060.922.710	4.543.346.786.755
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.331.664.745.743	3.332.115.615.169
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.349.939.498.572	2.227.196.960.471
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		48.432.480.673.629	44.699.873.386.034

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Lê Thành Liêm

Giám đốc Điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:

Mai Kiều Liên

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	59.722.908.393.236	56.400.229.726.717
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	86.622.167.689	82.106.963.973
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	59.636.286.225.547	56.318.122.762.744
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	31.967.662.837.839	29.745.906.112.117
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		27.668.623.387.708	26.572.216.650.627
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.581.092.655.317	807.316.707.483
Chi phí tài chính	22	VI.4	308.569.328.835	186.969.681.828
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		143.818.465.177	108.824.893.987
Lợi nhuận/(lỗ) chia từ công ty liên kết	24	V.4(c)	3.882.188.676	(5.716.591.103)
Chi phí bán hàng	25	VI.5	13.447.492.622.165	12.993.454.552.852
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.958.155.456.285	1.396.302.416.955
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		13.539.380.824.416	12.797.090.115.372
Thu nhập khác	31	VI.7	212.386.195.135	249.446.259.179
Chi phí khác	32	VI.8	233.230.932.527	250.826.735.994
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(20.844.737.392)	(1.380.476.815)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.518.536.087.024	12.795.709.638.557
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2.310.674.009.890	2.238.365.796.113
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(27.870.156.991)	3.011.961.553
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		11.235.732.234.125	10.554.331.880.891
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		11.098.936.856.369	10.581.175.671.989
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		136.795.377.756	(26.843.791.098)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	4.770	4.565

Người lập:

Lê Thành Liêm
Giám đốc Điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		13.518.536.087.024	12.795.709.638.557
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.208.866.621.752	1.948.072.775.534
Phân bổ lợi thế thương mại	02	V.13	608.148.574.973	67.951.918.380
Các khoản dự phòng	03		49.503.861.013	7.332.833.362
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		637.221.447	6.458.209.059
Lãi do đánh giá lại khoản đầu tư vào công ty liên kết	05		(300.636.476.590)	-
Lỗ từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	05		43.139.101.409	43.964.070.239
Thu nhập từ cổ tức, lãi tiền gửi và hoạt động đầu tư khác	05		(1.177.792.557.781)	(728.161.122.145)
(Lợi nhuận)/lỗ chia từ công ty liên kết	05		(3.882.188.676)	5.716.591.103
Chi phí lãi vay	06	VI.4	143.818.465.177	108.824.893.987
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		15.090.338.709.748	14.255.869.808.076
Biến động các khoản phải thu	09		(714.954.818.416)	373.595.051.949
Biến động hàng tồn kho	10		(270.075.299.427)	401.995.429.191
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(212.797.659.741)	(399.803.073.537)
Biến động chi phí trả trước	12		23.640.914.247	16.409.131.564
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		23.488.016	(4.480.040.000)
Tiền lãi vay đã trả	14		(212.768.515.107)	(227.916.555.489)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(2.286.330.907.427)	(2.033.592.165.968)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.236.906.523.665)	(972.149.044.096)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.180.169.388.228	11.409.928.541.690



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (phương pháp giản tiếp) (tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.264.816.995.703)	(2.158.249.206.676)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	22		150.342.752.442	114.089.987.662
Tiền chi tiền gửi có kì hạn	23		(4.881.270.877.530)	(3.215.379.727.631)
Tiền thu hồi cho vay	24		31.565.648.327	2.598.197.548
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.134.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác	26		21.631.584.086	1.513.217.385
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.140.545.861.067	665.791.014.375
Khoản tiền thuần chỉ cho hợp nhất kinh doanh	28		-	(2.158.238.334.831)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.802.010.161.311)	(6.747.874.852.168)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát bởi một công ty con	32		(14.364.328.733)	-
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ bởi công ty mẹ	32		-	(1.159.248.760)
Tiền thu từ góp vốn của cổ đông không kiểm soát	32		-	127.768.725.000
Tiền thu từ đi vay	33		7.769.144.505.494	10.426.775.268.658
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.753.602.224.085)	(6.233.112.646.051)
Tiền chi trả cổ tức	36		(7.927.711.544.061)	(7.836.250.770.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.926.533.591.385)	(3.515.978.671.653)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(548.374.364.468)	1.146.075.017.869
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		2.665.194.638.452	1.522.610.167.671
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(1.530.516.223)	(1.895.678.528)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	62		(4.046.942.180)	(1.594.868.560)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61 + 62)	70	V.1	2.111.242.815.581	2.665.194.638.452

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Lê Thành Liêm

Giám đốc Điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Người duyệt:

Mai Kiều Liên

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành, và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các mốc quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được ghi nhận như sau:

- Ngày 20/8/1976: Công ty được thành lập dựa trên cơ sở tiếp quản 3 nhà máy sữa bao gồm: Nhà máy sữa Thống Nhất, Nhà máy sữa Trường Thọ và Nhà máy sữa Bột Dielac.
- Ngày 29/4/1993: Công ty Sữa Việt Nam (loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước) được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhè.
- Ngày 1/10/2003: Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BNN.
- Ngày 20/11/2003: Công ty đăng ký trở thành một công ty cổ phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 4103001932.
- Ngày 28/12/2005: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPNY.
- Ngày 19/1/2006: Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 12/12/2006: Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Bất Động Sản Quốc Tế thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 4104000260 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 14/12/2006: Công ty TNHH Một Thành Viên Bò sữa Việt Nam được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 150400003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Tuyên Quang cấp.
- Ngày 26/2/2007: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 2603000521 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- Ngày 24/6/2010: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành Viên Sữa Lam Sơn.
- Ngày 30/9/2010: Công ty TNHH Một Thành Viên Sữa Dielac được đăng ký thành lập dựa trên đăng ký lại từ Công ty TNHH Thực phẩm F&N Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 463041000209, do Ban quản lý Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore cấp.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- Ngày 18/9/2012: Công ty đã ra quyết định số 2482/QĐ-CTS.KSNB/2012 về việc giải thể Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac để thành lập chi nhánh trực thuộc Công ty. Vào ngày 25 tháng 9 năm 2012, Ban Quản lý KCN Việt Nam – Singapore cũng ra quyết định số 37/QĐ-BQL về việc chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac. Tháng 7 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac đã hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.
- Ngày 21/10/2013: Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801971744 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- Ngày 6/12/2013: Công ty đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 663/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, đầu tư vào Công ty Driftwood Dairy Holding Corporation tại Bang California, Hoa Kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư 7 triệu USD và nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu tại Driftwood Dairy Holding Corporation.
- Ngày 6/1/2014: Công ty đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 667/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, đầu tư vào Angkor Dairy Products Co., Ltd. tại Phnom Penh, Campuchia với tỷ lệ sở hữu 51%.
- Ngày 24/2/2014: Hội đồng Quản trị Công ty đã ra nghị quyết giải thể Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế. Ngày 14 tháng 1 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 14191/15 giải thể Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế
- Ngày 30/5/2014: Công ty đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 709//BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, để thành lập Vinamilk Europe sp.z.o.o tại Ba Lan do Vinamilk sở hữu 100% vốn.
- Ngày 19/5/2016: Công ty đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 201600140 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, phê duyệt tăng vốn đầu tư thêm 3 triệu USD vào Driftwood Dairy Holding Corporation. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư trị giá 3 triệu USD, nâng tổng số vốn đầu tư lên 10 triệu USD và tăng tỷ lệ sở hữu tại Driftwood Dairy Holding Corporation từ 70% lên 100%.
- Ngày 19/1/2017: Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 25, ngày 18 tháng 1 năm 2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn được sáp nhập vào Công ty (trước khi sáp nhập là Công ty con 100% vốn của Công ty). Công ty đã hoàn tất các thủ tục sáp nhập vào ngày 1 tháng 3 năm 2017.
- Ngày 31/7/2017: Ngày 23 tháng 3 năm 2017, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh lần thứ nhất ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam liên quan đến Angkor Dairy Products Co., Ltd. ("Angkormilk"). Theo đó vốn đầu tư của Công ty tại Angkormilk sẽ tăng từ 10.210.000 USD lên 20.995.390 USD. Lý do tăng vốn là mua lại toàn bộ phần vốn góp của đối tác tại Angkormilk. Tại ngày 31 tháng 7 năm 2017, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư, nâng tổng số vốn đầu tư lên 20,9 triệu USD và tăng tỷ lệ sở hữu tại Angkormilk từ 51% lên 100%.
- Ngày 21/10/2017: Ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng mua lại 3,89% vốn chủ sở hữu tại Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa từ cổ đông không kiểm soát. Ngày 21 tháng 10 năm 2017, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển đổi quyền sở hữu.
- Ngày 1/11/2017: Vào ngày 25 tháng 10 năm 2017, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng mua cổ phần mới phát hành của Công ty Cổ phần Đường Khánh Hòa và nắm giữ 65% vốn chủ sở hữu của Công ty này. Giao dịch hoàn tất vào ngày 1 tháng 11 năm 2017. Ngày 14 tháng 11 năm 2017, Công ty Cổ phần Đường Khánh Hòa đã chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đường Việt Nam.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- Ngày 23/11/2018: Vào tháng 7 năm 2018, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng đầu tư nắm giữ 51% cổ phần của Công ty Lao-Jagro Development Xiengkhouang Co., Ltd để phát triển tổ hợp trại bò sữa và bò thịt công nghệ cao. Giao dịch này hoàn tất vào ngày 23 tháng 11 năm 2018. Ngày 29 tháng 1 năm 2019, Công ty đã đầu tư 51.547 triệu VND theo tỷ lệ sở hữu trong công ty này theo quyết định của các cổ đông. Vào ngày 1 tháng 4 năm 2019 Công ty đã thanh toán 154.391 triệu VND cho chủ sở hữu trước đây theo hợp đồng mua cổ phần.
- Ngày 12/9/2019: Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 201600140, đăng ký điều chỉnh lần thứ 2 về việc tăng vốn đầu tư của Công ty tại công ty con do Công ty sở hữu 100% là Driftwood Dairy Holding Corporation, bang California, Hoa Kỳ, từ 10 triệu USD lên 20 triệu USD. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư.
- Ngày 19/12/2019: Công ty đã hoàn tất việc mua 75% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần GTNFoods thông qua nhiều giao dịch mua cổ phần.
- Ngày 10/8/2020: Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư Nước ngoài điều chỉnh lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2020 từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tăng vốn đầu tư của Công ty tại Lao-Jagro từ 25.411.924 USD lên 66.413.630 USD.
- Ngày 19/11/2020: Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua nghị quyết về việc giải thể công ty con Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczoną Odpowiedzialnością. Tại ngày phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, việc giải thể chưa hoàn tất.

2. Hoạt động chính

Những hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất và nguyên liệu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (theo quy định tại điều 11.3 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014);
- Kinh doanh kho, bến bãi, vận tải;
- Vận tải hàng hóa nội bộ bằng ô tô phục vụ cho hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của công ty;
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống không cồn, nước khoáng, thực phẩm chế biến, chè uống và cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở);
- Sản xuất và mua bán bao bì, sản phẩm nhựa (không hoạt động tại trụ sở);
- Phòng khám đa khoa (không hoạt động tại trụ sở);
- Chăn nuôi, trồng trọt;
- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột và thực phẩm khác; và
- Bán lẻ đồ uống có cồn, đồ uống không chứa cồn (các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga), nước khoáng thiên nhiên, rượu vang và bia cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn;
- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng từ trà và vang; và
- Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi và hỗn hợp bột phục vụ hoạt động chăn nuôi.



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)**

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

4. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 10 công ty con và 9 công ty liên kết (1/1/2020: 10 công ty con và 14 công ty liên kết) và các đơn vị trực thuộc như sau:

(a) Công ty con

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính	Lợi ích kinh tế	
			31/12/2020	1/1/2020
Các công ty con sở hữu trực tiếp				
• Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Chăn nuôi bò sữa	100,00%	100,00%
• Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	Khu phố 1, Thị trấn Thống nhất, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất sữa và chăn nuôi gia súc	100,00%	100,00%
• Driftwood Dairy Holding Corporation	Số 10724, giao lộ Lower Azusa và El Monte Boulevards, California 91731-1390, Hoa Kỳ	Sản xuất sữa	100,00%	100,00%
• Angkor Dairy Products Co, Ltd.	Lô P2-096 và P2-097, Đặc khu kinh tế Phnom Penh (PPSEZ), Quốc lộ 4, Khan Posenchey, Phnom Penh, Vương Quốc Campuchia	Sản xuất sữa	100,00%	100,00%
• Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczoną Odpowiedzialnością	Ul. Gwiazdzista 7a/401-651 Warszawa, Ba Lan	Kinh doanh nguyên liệu sữa và động vật sống	100,00%	100,00%
• Công ty Cổ phần Đường Việt Nam	Thôn Thủy Xương, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và tinh luyện đường	65,00%	65,00%
• Lao-Jagro Development Xiengkhouang Co., Ltd.	Làng Boungvene, quận Paek, tỉnh Xiengkhouang, Lào	Chăn nuôi bò sữa và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp	80,29%	51,00%
• Công ty Cổ phần GTNFoods	Tầng 14, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khán, Quận Ba Đình, Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng từ sữa, trà và vang	75,30%	75,00%

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính	Lợi ích kinh tế	
			31/12/2020	1/1/2020

Các công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần GTNFoods

• Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – Công ty Cổ phần	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi	56,09%	55,87%
• Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu	Km194 Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Phiêng Luông, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	28,61%	28,49%

(b) Công ty liên kết

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính	Lợi ích kinh tế
Các công ty liên kết sở hữu trực tiếp			
• Miraka Holdings Limited	108 Tuwharetoa, Taupo, New Zealand	Sản xuất sữa	22,81% 22,81%
• Công ty Cổ phần APIS	Số 18A, VSIP II-A, đường 27, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh nguyên liệu thực phẩm	20,00% 20,00%
• Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Khu công nghiệp Gia Long, Giai Đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng từ dừa	25,00% 25,00%

Các công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần GTNFoods

Có 6 công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần GTNFoods.

(c) Các đơn vị trực thuộc

Các chi nhánh bán hàng:

- 1/ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Hà Nội – Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khán, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- 2/ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng – Tầng 7 Tòa nhà Bưu Điện, 271 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- 3/ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Cần Thơ – Số 77-77B Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Các nhà máy sản xuất:

- 1/ Nhà máy Sữa Thống Nhất – Số 12 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 2/ Nhà máy Sữa Trường Thọ – Số 32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 3/ Nhà máy Sữa Dielac – Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Tỉnh Đồng Nai.
- 4/ Nhà máy Sữa Cần Thơ – Khu Công nghiệp Trà Nóc, Thành phố Cần Thơ.
- 5/ Nhà máy Sữa Sài Gòn – Khu CN Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 6/ Nhà máy Sữa Nghệ An – Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- 7/ Nhà máy Sữa Bình Định – 87 Hoàng Văn Thụ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- 8/ Nhà máy Nước Giải khát Việt Nam – Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.
- 9/ Nhà máy Sữa Tiên Sơn – Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.
- 10/ Nhà máy Sữa Đà Nẵng – Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng.
- 11/ Nhà máy Sữa bột Việt Nam – 9 Đại lộ Tự Do – Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- 12/ Nhà máy Sữa Việt Nam – Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.
- 13/ Nhà máy Sữa Lam Sơn – Khu Công nghiệp Lễ Môn, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

Các kho vận:

- 1/ Xí nghiệp Kho Vận Hồ Chí Minh – Số 32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 2/ Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Quận Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Phòng khám:

- 1/ Nhà thuốc – Phòng khám đa khoa An Khang – 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trung tâm thu mua sữa tươi:

- 1/ Trung tâm sữa tươi nguyên liệu Củ Chi – Lô B14 – 1, B14 – 2 đường D4, Khu Công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 9.361 nhân viên (1/1/2020: 9.483 nhân viên).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

IV. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của năm gần nhất.

1. Cơ sở hợp nhất

(a) Công ty con

Công ty con là những đơn vị mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Quyền biểu quyết tiềm tàng có thể được thực thi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát đơn vị hay không. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(b) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặt thu từ việc thay đổi vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(c) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như NCI và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(d) Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở đơn vị đó. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư, giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(f) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

2. Ngoại tệ

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch và có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái bình quân trong năm.

Các chênh lệch quy đổi tiền tệ phát sinh do quy đổi cơ sở hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch quy đổi tiền tệ" thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

4. Các khoản đầu tư

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng) được mua để bán lại để tạo lợi nhuận. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Điều hành Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

(c) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

(d) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

7. Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| • nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| • máy móc và thiết bị | 2 – 20 năm |
| • phương tiện vận chuyển | 4 – 10 năm |
| • thiết bị văn phòng | 2 – 12 năm |
| • gia súc | 6 năm |
| • tài sản khác | 3 – 20 năm |

8. Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp;
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; và

quyền thuê đất có được thông qua hợp nhất kinh doanh. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

Quyền thuê đất có được thông qua hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thương hiệu

Thương hiệu có được thông qua hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

(c) Vùng nguyên liệu

Vùng nguyên liệu có được thông qua hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 18 năm.

(d) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 – 8 năm.

(e) Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 – 10 năm.

9. Bất động sản đầu tư

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--|-------------|
| • quyền sử dụng đất có thời hạn xác định | 13 – 50 năm |
| • cơ sở hạ tầng | 8 – 10 năm |
| • nhà cửa | 6 – 50 năm |

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí trả trước

(a) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(b) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 – 5 năm.

(c) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 – 3 năm.

12. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban Điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

13. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

16. Vốn cổ phần

(a) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(b) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, trừ các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Việc mua lại cổ phiếu được phân loại như cổ phiếu quỹ theo vốn chủ sở hữu. Khi các cổ phiếu quỹ này được bán hoặc phát hành lại, số tiền thu được ghi nhận như một khoản tăng thêm của vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thặng dư hay thiếu hụt giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu quỹ, tính theo phương pháp bình quân giá quyền, được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành giao dịch được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(c) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(d) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(e) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(f) Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tập đoàn ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

23. Phân phối cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được trong năm. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

24. Các quỹ

Các quỹ được trích lập dựa theo Điều lệ của Công ty như sau:

- | | |
|-------------------------------|------------------------|
| • Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 10% lợi nhuận sau thuế |
| • Quỹ đầu tư phát triển | 10% lợi nhuận sau thuế |

Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, Ban Điều hành hoặc Tổng Giám đốc, tùy thuộc vào bản chất và quy mô của nghiệp vụ đã được nêu trong Điều lệ của Công ty.

25. Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

26. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

27. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	1.347.052.417	2.104.240.925
Tiền gửi ngân hàng	862.506.207.967	2.376.479.523.730
Các khoản tương đương tiền	1.247.389.555.197	286.610.873.797
	2.111.242.815.581	2.665.194.638.452

2. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	(16.794.705.625)	(11.263.181.092)
Tăng dự phòng trong năm	(2.405.219.918)	(3.106.480.618)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	(6.808.032.855)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	1.885.733.814	546.079.319
Sử dụng dự phòng trong năm	851.765.474	3.831.045.005
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	28.347.147	5.864.616
Số dư cuối năm	(16.434.079.108)	(16.794.705.625)

3. Các khoản phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Lãi tiền gửi và cổ tức	323.737.214.017	294.654.536.498
Phải thu từ nhân viên	1.911.386.028	1.439.352.746
Tạm ứng cho nhân viên	40.530.325.166	46.455.711.459
Ký quỹ ngắn hạn	4.636.064.550	8.068.620.202
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	900.657.091	947.730.977
Các khoản thu nhập được hỗ trợ từ nhà cung cấp	20.395.323.959	16.220.762.319
Phải thu khác	91.626.504.292	70.480.803.703
Số dư cuối năm	483.737.475.103	438.267.517.904

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ký cược và ký quỹ dài hạn	15.721.340.815	16.119.656.995
Phải thu khác	4.252.770.900	4.505.000.000
Số dư cuối năm	19.974.111.715	20.624.656.995

4. Các khoản đầu tư

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020 Giá trị ghi sổ VND	31/12/2020 Giá trị hợp lý VND	31/12/2020 Dự phòng giảm giá VND	1/1/2020 Giá trị ghi sổ VND	1/1/2020 Giá trị hợp lý VND	1/1/2020 Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu	1.124.178.861	187.658.055	(936.520.806)	1.153.041.048	312.492.361	(840.586.787)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
• tiền gửi có kỳ hạn	17.313.492.116.838	12.435.431.874.703
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
• tiền gửi có kỳ hạn	200.000.000.000	200.000.000.000



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020		1/1/2020	
	% vốn sở hữu và biểu quyết VND	Giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu/giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
	% vốn sở hữu và biểu quyết VND	Giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu/giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vào các công ty liên kết				
• Miraka Holdings Limited	22,81%	359,933,689,425	(*)	-
• Công ty Cổ phần APIS	20,00%	30,674,569,203	(*)	-
• Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	25,00%	86,870,895,709	(*)	-
• Các công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần GTNFoods	209,006,574,726	(*)	-	209,084,472,387 (*)
	686,485,729,063	-	688,112,587,059	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác				
• Công ty Cổ phần Nguyễn liêu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	14,71%	69,261,607,154	(*)	-
• Nhà thuốc – Phòng Khám đa khoa An Khang	300,000,000	(*)	-	300,000,000 (*)
• Các đơn vị khác	322,362,691,927	(*)	(14,969,115,668)	34,975,403,058 (*)
	101,924,299,081	(14,969,115,668)	104,537,010,212	(5,973,306,842)
	788,410,028,144	(14,969,115,668)	792,649,597,271	(5,973,306,842)

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	688,112,587,059	497,498,739,617
Đầu tư thêm	-	1,630,761,731,739
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	209,084,472,387
Tăng khác	2,270,219,533	-
Cổ tức nhận được	(121,500,000)	-
Thanh lý	(7,657,766,205)	-
Giả định thanh lý	-	(1,643,515,765,581)
Lợi nhuận/(lỗ) chia từ công ty liên kết	3,882,188,676	(5,716,591,103)
Số dư cuối năm	686,485,729,063	688,112,587,059

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	(840,586,787)	(605,728,258)
Tăng dự phòng trong năm	(100,563,091)	(236,103,624)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	4,629,072	1,245,095
Số dư cuối năm	(936,520,806)	(840,586,787)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	(5,973,306,842)	(921,571,652)
Tăng dự phòng trong năm	(4,752,980,411)	(366,306,689)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	(4,685,428,501)
Tăng khác	(4,242,828,415)	-
Số dư cuối năm	(14,969,115,668)	(5,973,306,842)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	503.903.375.198	-	749.979.994.029	-
Nguyên vật liệu	2.923.632.361.907	(12.307.783.410)	2.661.481.393.725	(10.038.265.185)
Công cụ và dụng cụ	58.380.347.644	(34.115.719)	36.772.262.332	-
Sản phẩm dở dang	217.923.916.830	(14.845.850.302)	170.681.379.523	-
Thành phẩm	1.185.827.459.309	(20.463.190.100)	1.340.143.116.595	(3.032.130.876)
Hàng hóa	52.957.999.917	(129.134.864)	29.311.606.981	-
Hàng gửi đi bán	10.223.227.206	-	7.745.046.793	-
Tổng cộng	4.952.848.688.011	(47.780.074.395)	4.996.114.799.978	(13.070.396.061)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	(13.070.396.061)	(12.458.389.626)
Tăng dự phòng trong năm	(58.607.152.943)	(29.790.124.288)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	19.335.886.062	28.237.030.891
Sử dụng dự phòng trong năm	4.468.035.818	941.086.962
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	93.552.729	-
Số dư cuối năm	(47.780.074.395)	(13.070.396.061)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
	Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND
Số dư đầu năm	5.219.430.942.320	17.817.352.159.485	1.217.353.397.778	704.976.051.847	1.248.752.246.495	19.571.356.324
Tăng trong năm	33.013.047.545	196.797.944.459	42.757.266.929	18.295.834.459	104.947.938.821	395.812.032.213
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	355.888.641.343	284.339.430.419	7.361.649.946	3.401.332.394	-	630.991.054.102
Chuyển từ hàng tồn kho	-	-	-	308.379.491.888	-	308.379.491.898
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	-	(72.900.000)	-	-	(72.900.000)
Chuyển sang chi phí trả trước	(6.834.814.390)	(445.1449.496)	-	-	-	(11.286.263.886)
Phân loại/lai	2.689.734.274	7.265.054.614	1.166.996.508	(10.077.494.896)	(59.187.436.693)	(320.867.051.559)
Thanh lý/xóa sổ	(10.404.626.573)	(7.208.321.220)	(11.624.343.045)	(59.187.436.693)	(391.444.389)	(11.648.942.680)
Giảm khác	-	-	-	(20.918.860.787)	-	(20.918.860.787)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(1.000.733.601)	(4.633.026.201)	(399.803.742)	(40.011.225)	(391.444.389)	371.507
Số dư cuối năm	5.572.782.190.918	18.224.161.792.060	1.256.615.164.374	657.295.375.886	1.319.902.320.479	6.878.494.651
Giá trị hao mòn/lũy kế	5.572.782.190.918	18.224.161.792.060	1.256.615.164.374	657.295.375.886	1.319.902.320.479	6.878.494.651
Số dư đầu năm	1.919.973.990.771	8.980.673.313.432	661.654.957.104	505.765.713.054	408.560.151.566	6.898.409.721
Khấu hao trong năm	273.912.718.070	1.476.432.031.685	134.627.026.346	52.293.247.378	213.340.296.099	1.099.739.517
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	-	(4.860.000)	-	-	(4.860.000)
Chuyển sang chi phí trả trước	(1.351.126.179)	(4.401.059.751)	-	-	-	(5.752.185.930)
Phân loại/lai	1.013.131.341	5.082.935.744	17.567.1684	(6.271.738.769)	-	-
Thanh lý/xóa sổ	(8.895.553.121)	(68.206.969.916)	(8.433.649.243)	(59.179.372.131)	(150.555.736.812)	(1.774.274.286)
Giảm khác	-	-	(21.360.609)	-	(8.239.484.601)	(8.239.484.601)
Tăng/(giảm) khác	-	-	(413.895.125)	(87.106.935)	(222.905.664)	78.750
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(395.800.112)	(2.741.419.564)	-	-	-	(3.861.048.650)
Số dư cuối năm	2.184.257.360.770	10.386.850.192.140	787.588.750.157	492.515.882.597	462.882.320.588	6.223.953.702
Giá trị còn lại	2.184.257.360.770	10.386.850.192.140	787.588.750.157	492.515.882.597	462.882.320.588	6.223.953.702
Số dư đầu năm	3.299.456.951.549	8.836.678.846.053	555.698.440.674	199.210.338.793	840.192.094.929	12.672.946.603
Số dư cuối năm	3.388.524.830.148	7.837.301.599.920	469.026.414.217	164.779.493.289	857.019.999.891	654.540.949

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 4.736.593 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 3.784.674 triệu VND).

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Vùng nguyên liệu VND	máy vi tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	683.056.767.164	276.413.594.392	164.964.058.635	123.060.162.544	50.170.400.000	1.297.664.982.735
Tăng trong năm	41.001.064.629	-	-	2.032.483.952	-	43.033.548.581
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	72.900.000	-	72.900.000
Thanh lý/xóa sổ	-	-	-	(878.578.540)	-	(878.578.540)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(1.013.618.434)	-	-	(11.550.075)	(238.700.000)	(1.263.868.509)
Số dư cuối năm	723.044.213.359	276.413.594.392	164.964.058.635	124.275.417.881	49.931.700.000	1.338.628.984.267
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	18.541.632.958	-	-	95.506.351.675	33.986.400.000	148.034.384.633
Khấu hao trong năm	15.806.906.273	16.259.623.199	10.997.603.909	12.076.286.581	-	55.140.419.962
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	4.860.000	-	4.860.000
Thanh lý/xóa sổ	-	-	-	(878.578.540)	-	(878.578.540)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	(11.390.410)	(161.700.000)	(173.090.410)
Số dư cuối năm	34.343.539.231	16.259.623.199	10.997.603.909	106.697.529.306	33.824.700.000	202.127.995.645
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	664.515.134.206	276.413.594.392	164.964.058.635	27.553.810.869	16.184.000.000	1.149.630.598.102
Số dư cuối năm	688.695.674.128	260.153.971.193	153.966.454.726	17.577.888.575	16.107.000.000	1.136.500.988.622

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 83.092 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 56.267 triệu VND).

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. **Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	39.821.793.375	469.928.364	41.189.549.705	81.481.271.444
Giá trị hao mòn lũy kế	5.476.584.047	469.928.364	13.516.642.297	19.463.154.708
Khấu hao trong năm	865.672.684	-	1.155.470.011	2.021.142.695
Số dư cuối năm	6.342.256.731	469.928.364	14.672.112.308	21.484.297.403
Giá trị còn lại	34.345.209.328	-	27.672.907.408	62.018.116.736
Số dư cuối năm	33.479.536.644	-	26.517.437.397	59.996.974.041

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn phản ánh quyền sử dụng đất, nhà cửa và cơ sở hạ tầng nắm giữ để cho thuê.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Trong bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 3.875 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 470 triệu VND).

9. **Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của bò sữa dưới 16 tháng tuổi, và chi phí này sẽ được chuyển vào tài sản cố định hữu hình dưới danh mục gia súc khi bò đủ mười sáu tháng tuổi, là khi bò đã sẵn sàng cho việc sản xuất sữa.

10. **Xây dựng cơ bản dở dang**

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	694.211.658.507	653.847.678.004
Tăng trong năm	804.687.483.899	1.360.141.492.392
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(630.991.054.102)	(1.253.412.331.640)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(1.796.970.000)
Chuyển sang hàng tồn kho	(7.465.976.084)	(5.507.091.233)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.760.555.092)	(13.371.239.438)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(40.232.557.176)	(30.607.848.661)
Thanh lý	(4.585.064.945)	(3.005.364.532)
Giảm khác	(18.698.614.871)	(11.991.087.321)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(1.343.838.795)	(85.579.064)
Số dư cuối năm	793.821.481.341	694.211.658.507



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)**

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn đang thực hiện tại các công ty như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	172.902.613.971	158.002.285.957
Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	321.520.100.900	133.837.220.407
Lao-Jagro Development Xiengkhouang Co., Ltd.	194.824.183.791	43.305.725.200
Các công ty khác	104.574.582.679	359.066.426.943
	793.821.481.341	694.211.658.507

11. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bảo trì hệ thống và triển khai phần mềm	13.444.591.545	9.572.209.173
Quảng cáo	3.073.357.070	9.658.640.649
Thuê hoạt động	2.775.891.081	5.626.854.948
Vật liệu, công cụ và dụng cụ	11.644.154.656	14.812.274.870
Cải tạo và sửa chữa lớn	2.467.885.300	8.718.925.773
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	24.008.827.945	20.245.436.425
	57.414.707.597	68.634.341.838

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	304.887.582.562	245.659.909.842	128.082.987.465	678.630.479.869
Tăng trong năm	959.579.661	215.846.407.313	16.534.702.904	233.340.689.878
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	21.191.514.014	13.343.463.321	5.697.579.841	40.232.557.176
Phân bổ trong năm	(14.002.127.971)	(183.509.306.674)	(38.962.585.042)	(236.474.019.687)
Giảm khác	(1.976.604.520)	(141.577.594)	111.965.146	(2.006.216.968)
Phân loại lại	49.466.825.577	22.456.186.141	(71.923.011.718)	-
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(148.179.720)	(75.318.125)	(685.409)	(224.183.254)
Số dư cuối năm	360.378.589.603	313.579.764.224	39.540.953.187	713.499.307.014

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tỷ giá	303.463.416	3.257.402.544
Chi phí phải trả và dự phòng	24.550.707.304	23.109.878.308
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	24.854.170.720	26.367.280.852

(b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả – thuần

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Phải thu khách hàng	1.492.658.700	1.526.659.840
Hàng tồn kho	834.802.800	909.887.600
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	41.085.965.700	29.950.457.200
Chi phí phải trả	5.396.236.170	6.864.189.280
Khác	3.702.654.150	2.854.973.200
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	52.512.317.520	42.106.167.120
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(345.559.109.946)	(374.926.875.377)
Tài sản cố định	(373.762.052.764)	(392.607.456.097)
Khác	(24.309.374.702)	(24.425.586.400)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(398.071.427.466)	(417.033.042.497)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(345.559.109.946)	(374.926.875.377)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lỗ tính thuế sử dụng mức thuế suất có hiệu lực của Driftwood Dairy Holding Corporation, công ty con này được thành lập và hoạt động tại Mỹ.



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)**

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Lợi thế thương mại

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	2.366.060.103.995	538.340.102.319
Tăng do hoàn tất việc kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh VII.1)	300.636.476.590	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	1.573.025.317.423
Lợi thế thương mại có sẵn tại bên được mua	-	322.646.602.633
Phân bổ trong năm	(608.148.574.973)	(67.951.918.380)
Số dư cuối năm	2.058.548.005.612	2.366.060.103.995

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các công ty liên kết		
Miraka Holdings Limited	15.801.851.520	-
Công ty Cổ phần APIS	11.757.967.902	12.362.064.763
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	2.964.852.019	1.776.358.247

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

15. Vay

(a) Vay ngắn hạn

Bên cho vay	1/1/2020 VND	Tặng thêm VND	Trả VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay ngắn hạn	5.330.653.260.191	7.918.382.941.256	(5.145.671.063)	(5.170.000.000)	67.547.923	7.295.788.078.307	
Vay dài hạn đến hạn trả	20.808.000.000	20.839.500.000	(20.839.500.000)	-	(99.000.000)	20.709.000.000	
	5.351.461.260.191	7.939.222.441.256	(5.968.985.171.063)	(5.170.000.000)	(31.452.077)	7.316.497.078.307	7.295.788.078.307
							5.330.653.260.191

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn sổ dư như sau:

- (i) Các khoản vay này không được đảm bảo.
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ là 819.579 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 750.071 triệu VND).



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

(b) Vay dài hạn

	1/1/2020 VND	Tăng thêm VND	Phân loại lãi VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND		31/12/2020 VND
				Trả VND	Năm đáo hạn VND	
Vay dài hạn	143.800.982.893	71.180.901.275	(20.839.500.000)	(5.036.390.059)	(975.245.225)	188.130.748.844 (20.709.000.000)
Vay dài hạn đến hạn trả	(20.808.000.000)	(20.839.500.000)	-	20.839.500.000	99.000.000	
	122.992.982.893	50.341.401.275	(20.839.500.000)	15.803.109.941	(876.245.225)	167.421.748.894

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND		31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
				Đã nộp VND	Đã nộp VND		
Ngân hàng HSBC Hoa Kỳ	(i)	USD	2022	117.351.000.000		138.720.000.000	
Ngân hàng HSBC Hoa Kỳ	(ii)	USD	2022	70.755.156.050			
Các cá nhân	(ii)	VND	2039	44.592.834		5.080.982.893	
				188.130.748.884		143.800.982.893	

(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ là 819.579.711.000 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 750.071.000 VND).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2020 VND	Phải nộp VND	Đã nộp VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND		31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
				Đã nộp VND	Năm đáo hạn VND		
Thuế giá trị gia tăng	142.973.049.479	2.550.899.797.250	(2.549.896.810.225)	5.673.307	143.981.709.811		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	448.267.946.159	2.310.674.009.890	(2.286.330.907.427)	4.339.360	472.615.387.982		
Thuế thu nhập cá nhân	15.098.503.826	295.384.945.777	(274.326.738.309)	(1.717.782)	36.154.993.512		
Thuế nhập khẩu	9.010.997.736	123.379.970.238	(127.097.179.963)	(17.618.595)	5.276.169.416		
Thuế khác	4.043.168.650	33.253.156.729	(35.774.101.881)	(261.623)	1.521.961.875		
	619.393.665.850	5.313.591.879.884	(5.273.425.737.805)	(9.585.333)	659.550.222.596		

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Hỗ trợ bán hàng và khuyến mãi	1.109.541.836.461	772.113.174.851
Chi phí quảng cáo	371.838.819.801	528.630.512.164
Chi phí lãi vay	42.782.929.048	111.732.978.978
Chi phí vận chuyển	80.137.873.178	80.462.406.538
Chi phí nhân công thuê ngoài	116.189.367.411	75.439.919.727
Chi phí thuê kê trưng bày	27.254.550.442	11.421.374.844
Chi phí bảo trì và sửa chữa	33.408.621.034	27.555.234.704
Chi phí nhiên liệu	6.393.229.218	9.088.689.260
Chi phí phải trả khác	122.666.521.483	121.877.617.778
	1.910.213.748.076	1.738.321.908.844

18. Phải trả khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	20.961.514.946	23.018.045.907
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	8.372.563.407	6.257.352.031
Cổ tức phải trả	19.526.250	1.790.475.448.000
Quỹ hỗ trợ thu từ và quản lý cho các hộ nông dân	55.771.446.244	53.845.326.860
Phải trả ngắn hạn khác	120.441.303.084	110.186.799.550
	205.566.353.931	1.983.782.972.348

Trong đó:

Ngắn hạn	145.835.054.429	1.956.364.398.828
Dài hạn	59.731.299.502	27.418.573.520



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)**

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Dự phòng phải trả

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc (*)	4.769.394.680	5.223.048.135
Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ	-	1.680.238.911
Dự phòng khác	10.508.625.228	1.145.598.720
15.278.019.908	8.048.885.766	

(*) Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	5.223.048.135	7.014.989.703
Tăng dự phòng trong năm	5.181.648.257	5.135.186.530
Sử dụng dự phòng trong năm	(5.313.217.982)	(4.408.869.921)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(322.083.730)	(2.518.258.177)
Số dư cuối năm	4.769.394.680	5.223.048.135

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dùng để trả khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	633.936.556.611	507.013.437.050
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh V.21)	1.154.191.473.898	1.042.687.225.216
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	58.057.048.774
Tăng khác	329.712.625	-
Sử dụng quỹ trong năm	(1.229.132.121.404)	(973.821.154.429)
Số dư cuối năm	559.325.621.730	633.936.556.611

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quý VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND	
Số dư tài ngày 1 tháng 1 năm 2019	17.416.877.930.000	-	(10.485.707.360)	27.635.831.784	1.191.672.373.593	7.155.434.314.256	490.234.549.654	26.271.369.291.927
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	1.671.828.944.895	1.671.828.944.895	
Tăng vốn	-	-	-	-	127.768.725.000	127.768.725.000		
Mua lại cổ phiếu quý	(1.159.248.760)	-	-	-	-	(1.159.248.760)		
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	10.581.175.671.989	(26.843.791.098)	(10.554.331.880.891)		
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	1.008.515.999.602	(1.008.515.999.602)	-		
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh V.20)	-	-	-	(1.042.687.225.216)	(1.042.687.225.216)	-		
Tăng/(giảm) khác (V.23)	-	-	-	26.276.249.997	(35.791.467.980)	(9.515.217.983)		
Chênh lệch quy đổi tiền tệ (V.23)	-	-	-	(4.461.336.890)	(7.836.220.609.500)	(4.461.336.890)		
Số dư tài ngày 1 tháng 1 năm 2020	17.416.877.930.000	-	(11.644.956.120)	23.174.494.894	2.200.188.373.195	7.875.462.401.924	2.227.196.960.471	29.731.255.204.364
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Thuyết minh V.22)	-	-	-	(3.482.675.200.000)	(3.482.675.200.000)	-		
Công ty con rango vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	202.658.418.215	(202.658.418.215)	-		
Góp vốn vào một công ty con Công ty con mua cổ phiếu quý từ cổ đông thiểu số	-	-	-	(6.033.233.495)	(6.033.233.495)	-		
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	11.098.936.856.369	136.795.377.756	11.235.732.234.125		
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	1.086.053.319.442	(1.086.053.319.442)	-		
Công ty con rango vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	(1.131.165.414.048)	(23.026.059.850)	(1.154.191.473.898)		
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	218.453	(264.755.640)	(1.304.258.887)		
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh V.23)	-	-	-	(6.094.821.929.000)	(6.094.821.929.000)	-		
Cổ tức của mỗi công ty con Cổ tức của công ty con chia cho cổ đông thiểu số	-	-	-	(42.391.425.680)	(42.391.425.680)	(42.391.425.680)		
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	(12.527.255.282)	(12.527.255.282)	(12.527.255.282)		
Số dư tài ngày 31 tháng 12 năm 2020	20.899.554.450.000	202.658.418.215	(11.644.956.120)	10.647.239.612	3.286.241.911.090	6.909.775.668.453	2.349.939.498.572	33.647.122.229.822



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)**

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020	1/1/2020		
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	2.089.955.445	20.899.554.450.000	1.741.687.793	17.416.877.930.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.089.955.445	20.899.554.450.000	1.741.687.793	17.416.877.930.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(310.099)	(11.644.956.120)	(310.099)	(11.644.956.120)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.089.645.346	20.887.909.493.880	1.741.377.694	17.405.232.973.880

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn cổ phần:

	31/12/2020	1/1/2020		
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	7.524.766.020.000	36,00%	6.270.638.350.000	36,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	13.374.788.430.000	64,00%	11.146.239.580.000	64,00%
	20.899.554.450.000	100,00%	17.416.877.930.000	100,00%

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	17.416.877.930.000	17.416.877.930.000
Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu	3.482.676.520.000	-
Số dư cuối năm	20.899.554.450.000	17.416.877.930.000

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại Đại hội thường niên của Công ty, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận chưa phân phối. Theo đó, mỗi cổ đông hiện hữu sở hữu 5 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (ngày chốt danh sách cổ đông) được nhận thêm 1 cổ phiếu. Ngày 5 tháng 10 năm 2020, Công ty đã báo cáo kết quả của chương trình phát hành cổ phiếu nêu trên đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trong đó 348.267.652 cổ phiếu đã được phát hành thành công cho cổ đông hiện hữu.

23. Cổ tức

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 26 tháng 6 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định chia cổ tức trên kết quả kinh doanh năm 2019 và 2020 với tổng số tiền là 6.094.822 triệu VND (1.500 VND/cổ phiếu cho phần còn lại của năm 2019 và 2.000 VND/cổ phiếu cho đợt tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020) (2019: 7.836.221 triệu VND (1.500 VND/cổ phiếu cho phần còn lại của năm 2018, 2.000 VND/cổ phiếu cho cổ tức đợt 1 năm 2019 và 1.000 VND/cổ phiếu cho đợt tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2019)).

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2020 với số tiền là 1.000VND/cổ phiếu. Ngày đăng ký cuối cùng cho việc nhận cổ tức này là ngày 6 tháng 1 năm 2021, do đó, khoản cổ tức phải trả ước tính là 2.089.676 triệu VND chưa được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

24. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	36.565.727.595	26.573.411.505
Từ hai đến năm năm	93.592.232.777	61.288.770.406
Trên năm năm	510.017.011.707	372.475.927.006
	640.174.972.079	460.338.108.917

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	1/1/2020		
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
• USD	7.111.150	163.627.566.102	18.849.582	427.479.136.071
• EUR	16.390	458.275.294	1.070	27.562.961
	164.085.841.396			427.506.699.032



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)**

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt và ký kết hợp đồng	893.004.471.215	2.250.010.458.648

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
• Bán thành phẩm	57.113.912.829.752	53.648.443.679.006
• Bán hàng hóa	2.390.241.370.776	2.505.069.964.691
• Các dịch vụ khác	48.194.896.963	57.429.475.380
• Cho thuê bất động sản đầu tư	8.820.628.654	11.081.348.335
• Doanh thu khác	161.738.667.091	178.205.259.305
	59.722.908.393.236	56.400.229.726.717
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
• Chiết khấu thương mại	47.989.924.856	35.320.204.853
• Hàng bán bị trả lại	38.632.242.833	46.786.759.120
	86.622.167.689	82.106.963.973
Doanh thu thuần	59.636.286.225.547	56.318.122.762.744

Trong đó, doanh thu với khách hàng là bên liên quan như sau:

	2020 VND	2019 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần APIS	632.878.546	302.263.750

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2020 VND	2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
• Thành phẩm đã bán	29.083.357.351.405	27.292.770.814.412
• Hàng hoá đã bán	2.194.365.115.120	2.066.080.846.371
• Hàng khuyến mại	523.113.088.263	245.378.295.206
• Chi phí hoạt động của bất động sản đầu tư	2.021.142.695	4.285.651.543
• Dịch vụ khác	12.581.009.761	7.175.585.374
• Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	39.271.266.881	1.553.093.397
• Giá vốn khác	112.953.863.714	128.661.825.814
	31.967.662.837.839	29.745.906.112.117

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi	1.148.535.809.815	724.201.948.913
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	53.635.725.251	45.677.155.030
Cổ tức	18.021.315.215	26.388.617
Lãi thanh lý khoản đầu tư tài chính	11.945.412.881	1.523.144.012
Lãi do đánh giá lại theo giá trị hợp lý của 40,53% cổ phần của Công ty Cổ phần GTNFoods tại thời điểm công ty này trở thành công ty con	300.636.476.590	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	48.317.915.565	35.888.070.911
	1.581.092.655.317	807.316.707.483

4. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	143.818.465.177	108.824.893.987
Chi phí lãi cho các khoản ký quỹ nhận được	211.599.639	209.154.467
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	42.096.477.192	60.074.270.250
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	4.853.543.502	602.410.313
Chiết khấu thanh toán	18.515.111.685	16.644.639.654
Chi phí tài chính khác	99.074.131.640	614.313.157
	308.569.328.835	186.969.681.828



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)**

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	627.519.692.964	662.893.692.363
Chi phí nguyên vật liệu	76.467.628.324	58.598.092.914
Chi phí công cụ, dụng cụ	94.364.884.488	101.797.093.375
Chi phí khấu hao	63.401.882.859	32.209.218.234
Chi phí bảo hành	41.951.650.192	47.010.411.525
Chi phí vận chuyển hàng	654.398.362.889	656.573.934.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	680.756.723.230	538.070.812.541
Chi phí quảng cáo, nghiên cứu thị trường	1.439.912.629.179	2.099.837.013.737
Chi phí dịch vụ khuyến mại, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và hỗ trợ bán hàng	9.768.719.168.040	8.796.464.283.527
	13.447.492.622.165	12.993.454.552.852

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	577.934.438.889	593.317.535.442
Chi phí vật liệu quản lý	36.992.500.615	40.456.896.979
Chi phí đồ dùng văn phòng	20.689.042.010	21.033.022.257
Chi phí khấu hao	100.595.000.203	91.973.691.054
Thuế, phí và lệ phí	21.238.023.841	17.487.095.595
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng trợ cấp thôi việc	5.379.050.631	7.541.515.077
Chi phí vận chuyển	37.394.278.075	42.897.711.789
Chi phí dịch vụ mua ngoài	352.697.363.079	319.849.426.955
Chi phí nhập hàng	30.596.558.141	30.064.181.864
Công tác phí	39.968.855.820	56.796.678.410
Chi phí dịch vụ ngân hàng	11.449.788.958	14.954.730.837
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	608.148.574.973	67.951.918.380
Chi phí quản lý khác	115.071.981.050	91.978.012.316
	1.958.155.456.285	1.396.302.416.955

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Thu nhập khác

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	150.657.740.381	115.441.098.773
Các khoản thu nhập được hỗ trợ từ nhà cung cấp	38.926.748.666	91.200.000.000
Bồi thường nhận từ các bên khác	5.915.739.507	6.090.919.888
Các khoản thuế được hoàn	-	4.532.009.470
Thu nhập khác	16.885.966.581	32.182.231.048
	212.386.195.135	249.446.259.179

8. Chi phí khác

	2020 VND	2019 VND
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang đã thanh lý và xóa sổ	193.780.231.206	158.054.057.901
Chi phí khác	39.450.701.321	92.772.678.093
	233.230.932.527	250.826.735.994

9. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	24.697.908.977.731	23.085.598.914.758
Chi phí nhân công	2.554.790.095.717	2.461.783.667.411
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.195.909.047.456	1.937.044.165.899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.923.270.919.069	2.714.954.382.152
Chi phí khác	12.978.185.551.898	11.839.165.502.615



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)**

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế hiện hành	2.310.674.009.890	2.238.365.796.113
Trong đó: (Giảm)/tăng chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập chịu thuế của các năm trước	(2.442.466.867)	124.920.226.014
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(27.870.156.991)	3.011.961.553
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời		
Chi phí thuế thu nhập	2.282.803.852.899	2.241.377.757.666

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.518.536.087.024	12.795.709.638.557
Thuế theo thuế suất của Công ty	2.703.707.217.405	2.559.141.927.711
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất của các công ty con, các chi nhánh và các nhà máy của Công ty	(65.019.245.734)	(61.723.882.243)
Thu nhập không bị tính thuế	(3.604.263.043)	(5.277.723)
Chi phí không được khấu trừ thuế	11.445.580.837	15.588.846.243
Ưu đãi thuế	(428.544.736.036)	(398.961.695.578)
Thay đổi tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	67.261.766.337	2.417.613.242
(Giảm)/tăng chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập chịu thuế của các năm trước	(2.442.466.867)	124.920.226.015
2.282.803.852.899	2.241.377.757.666	

(c) Thuế suất áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn chịu thuế thu nhập theo các mức thuế suất khác nhau từ 10% đến 21% (2019: từ 10% đến 21%) tính trên thu nhập chịu thuế tùy thuộc vào hoạt động kinh doanh chính của các chi nhánh và nhà máy. Công ty và tất cả công ty con đã phát sinh chi phí thuế thu nhập.

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận thuần trong năm – thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	11.098.936.856.369	10.581.175.671.989
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	(1.131.165.414.048)	(1.042.687.225.216)
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	9.967.771.442.321	9.538.488.446.773

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020 Số cổ phiếu	2019 Số cổ phiếu (Điều chỉnh lại)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đầu năm	1.741.377.694	1.741.411.583
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	(20.259)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành trong năm (Thuyết minh V.22)	348.273.880	348.278.265
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	2.089.651.574	2.089.669.589

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)**

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Hoàn tất việc ghi nhận đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh

Trong năm và cho đến ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty đã mua, thông qua nhiều giao dịch, 40,53% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần GTNFoods ("GTN") với số tiền 1.478.191 triệu VND. Vào tháng 11 và 12 năm 2019, Công ty đã mua thêm 34,47% vốn cổ phần của GTN với số tiền 1.969.141 triệu VND, tăng tỷ lệ sở hữu tại đơn vị này lên 75%. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn đã sử dụng các thông tin tạm thời sẵn có để hạch toán kế toán cho giao dịch hợp nhất kinh doanh này.

Tháng 12 năm 2020, việc kế toán đã hoàn tất, các thay đổi giữa giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây và giá trị hợp lý được xác định lại như sau:

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời VND	Điều chỉnh VND	Giá trị hợp lý được xác định lại VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.289.093.610.006	-	1.289.093.610.006
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	689.953.475.500	-	689.953.475.500
Các khoản phải thu – ngắn hạn	102.549.756.276	-	102.549.756.276
Hàng tồn kho	263.952.522.120	-	263.952.522.120
Tài sản ngắn hạn khác	17.557.465.861	-	17.557.465.861
Các khoản phải thu dài hạn	5.000.000	-	5.000.000
Tài sản cố định – thuần	1.062.324.709.093	-	1.062.324.709.093
Tài sản dở dang dài hạn	33.274.624.556	-	33.274.624.556
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	236.853.426.944	-	236.853.426.944
Lợi thế thương mại	322.646.602.633	-	322.646.602.633
Tài sản dài hạn khác	8.977.954.624	-	8.977.954.624
Nợ ngắn hạn	(288.060.294.100)	-	(288.060.294.100)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(177.326.047.360)	-	(177.326.047.360)
Nợ dài hạn	(2.913.200.000)	-	(2.913.200.000)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(1.042.808.724.476)	-	(1.042.808.724.476)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	2.516.080.881.677	-	2.516.080.881.677
Tài sản thuần nhận được (75%)	1.887.060.661.257	-	1.887.060.661.257
Lợi thế thương mại (Thuyết minh V.13)	1.573.025.317.423	300.636.476.590	1.873.661.794.013
Khoản thanh toán cho giao dịch mua	3.460.085.978.680	300.636.476.590	3.760.722.455.270
Lợi nhuận được chia từ GTN khi còn là công ty liên kết	(12.754.033.843)	-	(12.754.033.843)
Lợi nhuận do đánh giá lại khoản đầu tư vào GTN khi còn là công ty liên kết	-	(300.636.476.590)	(300.636.476.590)
Khoản tiền thu được	(1.289.093.610.006)	-	(1.289.093.610.006)
Khoản tiền thuần chỉ ra	2.158.238.334.831	-	2.158.238.334.831

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Loại giao dịch	2020 VND	2019 VND
Miraka Limited	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	325.836.306.170	71.979.909.120
Công ty Cổ phần APIS	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	77.113.561.028	86.589.779.905
Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	24.243.112.320	14.275.545.286
Công ty Cổ phần Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Đầu tư khác	Cổ tức	18.000.000.000	-
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Cổ đông	Cổ tức bằng tiền	2.194.723.422.500	2.821.787.257.500
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	Thù lao	133.708.261.443	107.144.571.099	

3. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Trong tháng 1 năm 2021, Công ty, Công ty Cổ phần GTNFoods và Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu đã hoàn tất việc mua thêm lần lượt là 9,7 triệu, 29,5 triệu và 1,7 triệu cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu.



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO VAS) (tiếp theo)**

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác Việt Nam ("Nước ngoài"). Tài sản bộ phận và chi tiêu vốn không được trình bày do vị trí của tài sản và có cơ sở sản xuất chủ yếu là ở Việt Nam.

	Trong nước (Khách hàng tại Việt Nam)		Nước ngoài (Khách hàng ở các nước khác Việt Nam)		Tổng	
	2020 VND	2019 VND	2020 VND	2019 VND	2020 VND	2019 VND
Doanh thu thuần	50.841.840.213.844	47.554.538.149.171	8.794.446.011.703	8.763.584.613.573	59.636.286.225.547	56.318.122.762.744
Giá vốn hàng bán	(27.342.508.032.054)	(25.120.703.133.945)	(4.625.154.805.785)	(4.625.202.978.172)	(31.967.662.837.839)	(29.745.906.112.117)
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	23.499.332.181.790	22.433.835.015.226	4.169.291.205.918	4.138.381.635.401	27.668.623.387.708	26.572.216.650.627

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Lê Thành Liêm

Giám đốc Điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng



Người duyệt:

Mai Kiều Liên

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Lập theo chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO IFRS)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tài sản ngắn hạn		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.111.243	2.665.195
Các khoản đầu tư khác	17.313.680	12.435.744
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.335.735	4.637.582
Hàng tồn kho	4.872.151	4.951.762
Tài sản dài hạn	19.356.366	20.384.251
Phải thu khách hàng và phải thu khác	423.820	435.833
Quyền sử dụng tài sản	615.053	517.088
Các khoản đầu tư khác	286.955	298.564
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	12.866.139	13.810.973
Tài sản sinh học	1.158.775	1.121.205
Tài sản vô hình	3.236.282	3.426.086
Bất động sản đầu tư	59.997	62.018
Đầu tư vốn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	686.486	688.112
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.859	24.372
TỔNG TÀI SẢN	48.989.175	45.074.534

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
NỢ PHẢI TRẢ	15.248.015	15.390.489
Nợ ngắn hạn	14.209.236	14.438.986
Vay ngắn hạn	7.316.497	5.351.461
Phải trả người bán và phải trả khác	6.122.029	8.222.883
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	472.615	448.268
Thuế phải nộp khác	186.935	171.126
Người mua trả tiền trước	111.160	245.248
Nợ dài hạn	1.038.779	951.503
Vay dài hạn	167.422	122.993
Phải trả người bán và phải trả khác	59.731	27.846
Nợ thuê tài sản	315.844	258.642
Dự phòng trợ cấp thôi việc	150.223	167.095
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	345.559	374.927
VỐN CHỦ SỞ HỮU	33.741.160	29.684.045
Vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty	31.379.697	27.456.848
Vốn cổ phần	20.899.554	17.416.878
Thặng dư vốn cổ phần	1.883.570	1.883.570
Vốn khác của chủ sở hữu	202.658	-
Cổ phiếu quý	(11.645)	(11.645)
Chênh lệch giá trị hợp lý	(6.450)	(1.601)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	10.654	23.186
Các quỹ khác	3.286.242	2.200.188
Lợi nhuận chưa phân phối	5.115.114	5.946.272
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.361.463	2.227.197
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	48.989.175	45.074.534



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO IFRS) (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
I. BÁO CÁO LÃI LỐ		
Doanh thu	52.355.220	49.822.326
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(32.564.525)	(30.306.791)
Lợi nhuận gộp	19.790.695	19.515.535
Thu nhập khác	61.728	134.005
Chi phí bán hàng	(6.464.055)	(6.823.427)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.080.370)	(1.610.443)
Lãi/(lỗ) khác – thuần	190.792	(118.622)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.498.790	11.097.048
Doanh thu hoạt động tài chính	1.166.557	724.228
Chi phí tài chính	(158.783)	(120.250)
Thu nhập tài chính thuần	1.007.774	603.978
Lợi nhuận/(lỗ) được chia từ phần đầu tư vốn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	3.882	(5.717)
Lợi nhuận trước thuế	12.510.446	11.695.309
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.282.804)	(2.241.378)
Lợi nhuận thuần	10.227.642	9.453.931

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
II. BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC		
Các khoản mục sẽ không được phân loại lại vào báo cáo lãi lỗ		
Các khoản đầu tư vốn FVOCI – thay đổi thuần trong giá trị hợp lý	(4.849)	(601)
Các khoản mục có thể được phân loại lại vào báo cáo lãi lỗ		
Hoạt động ở nước ngoài – chênh lệch quy đổi ngoại tệ	(12.532)	(4.463)
Tổng các nhóm thu nhập	10.210.261	9.448.867
Lợi nhuận thuần phân bổ cho:		
Cổ đông Công ty	10.102.350	9.480.775
Cổ đông không kiểm soát	125.292	(26.844)
Lợi nhuận thuần	10.227.642	9.453.931
Tổng các nhóm thu nhập phân bổ cho:		
Cổ đông Công ty	10.084.969	9.475.711
Cổ đông không kiểm soát	125.292	(26.844)
Tổng thu nhập	10.210.261	9.448.867
Lãi trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.834	4.537
Lãi cơ bản trên cổ phiếu từ hoạt động kinh doanh còn tiếp tục (VND)	4.834	4.537



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (THEO IFRS) (tiếp theo)**

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	12.510.446	11.695.309
Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao và phân bổ	2.230.732	1.965.537
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	637	6.458
Lỗ từ thanh lý nhà xưởng, máy móc, thiết bị và tài sản sinh học	43.139	43.962
Chi phí lãi vay	144.030	109.034
Thu nhập từ cổ tức, lãi tiền gửi và hoạt động đầu tư khác	(1.177.792)	(725.741)
(Lãi)/lỗ được chia từ phần đầu tư vốn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(3.882)	5.717
Tổn thất lợi thế thương mại	478.807	-
Lãi do đánh giá lại khoản đầu tư vào công ty liên kết	(300.636)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành theo Chương trình trả bằng cổ phiếu cho người lao động ("ESOP")	-	94.863
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	13.925.481	13.195.139
Biến động các khoản phải thu	(471.926)	151.881
Biến động hàng tồn kho	85.500	818.874
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	(576.365)	64.400
	12.962.690	14.230.294
Tiền lãi vay đã trả	(212.980)	(228.126)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.286.331)	(2.033.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	10.463.379	11.968.576

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi mua nhà xưởng, máy móc và thiết bị, tài sản vô hình và tài sản sinh học	(1.525.720)	(2.704.592)
Tiền thu từ thanh lý nhà xưởng, máy móc và thiết bị và tài sản sinh học	150.343	114.090
Tiền thu hồi cho vay	31.565	2.599
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(8)	-
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	21.632	1.513
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn – thuần	(4.881.271)	(3.215.380)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	1.140.546	665.791
Khoản tiền thuần chi cho hợp nhất kinh doanh	-	(2.154.390)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(5.062.913)	(7.290.369)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát bởi một công ty con	(14.364)	-
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ bởi công ty mẹ	-	(1.159)
Tiền thu từ góp vốn của cổ đông không kiểm soát	-	127.769
Tiền thu từ đòn bẩy	7.769.145	10.426.775
Tiền chi trả nợ gốc vay	(5.753.602)	(6.233.113)
Tiền chi trả nợ thuê tài sản	(22.306)	(16.152)
Tiền chi trả cổ tức	(7.927.712)	(7.836.251)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(5.948.839)	(3.532.131)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(548.373)	1.146.076
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	2.665.195	1.522.610
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền	(1.531)	(1.896)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(4.048)	(1.595)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	2.111.243	2.665.195



TRỤ SỞ

Địa chỉ : 10 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (+84. 28) 54 155 555
Fax : (+84. 28) 54 161 226

CHI NHÁNH BÁN HÀNG

CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ : Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, P.Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại : (+84. 24) 37 246 019
Fax : (+84. 24) 37 246 005

CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ : Tầng 7, Tòa nhà Bưu điện, 271 Nguyễn Văn Linh, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Điện thoại : (+84. 236) 3 584 848
Fax : (+84. 236) 3 897 223

CHI NHÁNH TẠI CẦN THƠ

Địa chỉ : Tầng 4-5-6, số 77-77B Đường Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Điện thoại : (+84. 292) 6 256 555
Fax : (+84. 292) 6 255 969

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ

Địa chỉ : KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Điện thoại : (+84. 292) 6 258 555
Fax : (+84. 292) 6 255 998

NHÀ MÁY SỮA SÀI GÒN

Địa chỉ : Lô 1-18, Khu G1, KCN Tân Thới Hiệp, Hương lộ 80, P. Hiệp Thành, Q.12, TP. HCM
Điện thoại : (+84. 28) 62 528 555
Fax : (+84. 28) 37 176 353

NHÀ MÁY SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô A-4;5,6-7-CN, Đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, H. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (+84. 274) 3 559 988
Fax : (+84. 274) 3 559 960

NHÀ MÁY SỮA BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ : 87 Hoàng Văn Thủ, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại : (+84. 256) 6 253 555
Fax : (+84. 256) 3 746 065

NHÀ MÁY SỮA TRƯỜNG THỌ

Địa chỉ : 32 Đặng Văn Bi, P. Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM
Điện thoại : (+84. 28) 62 527 555
Fax : (+84. 292) 6 255 998

NHÀ MÁY SỮA DIELAC

Địa chỉ : KCN Biên Hòa 1, Xã lô Hả Nội, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại : (+84. 251) 6 256 555
Fax : (+84. 251) 3 836 015

NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô A, Đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, H. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (+84. 274) 3 556 839
Fax : (+84. 274) 3 556 890

NHÀ MÁY SỮA NGHỆ AN

Địa chỉ : Đường Sào Nam, P. Nghi Thu, Thị xã Cửa Lò, Nghệ An
Điện thoại : (+84. 238) 6 259 555
Fax : (+84. 238) 3 824 717

NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT

Địa chỉ : 12 Đặng Văn Bi, P. Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM
Điện thoại : (+84. 28) 62 529 555
Fax : (+84. 28) 62 885 727

NHÀ MÁY SỮA BỘT VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 9, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore 1, P. Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (+84. 274) 3 799 628
Fax : (+84. 274) 3 799 625

NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG

Địa chỉ : Lô Q, Đường số 7, KCN Hòa Khánh, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Điện thoại : (+84. 236) 6 259 777
Fax : (+84. 236) 6 259 555

NHÀ MÁY SỮA TIỀN SƠN

Địa chỉ : KCN Tiên Sơn, Xã Hoàn Sơn, H. Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại : (+84. 222) 3 739 568
Fax : (+84. 222) 3 714 814

NHÀ MÁY SỮA LAM SƠN

Địa chỉ : KCN Lê Môn, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại : (+84. 237) 3 912 540
Fax : (+84. 237) 3 912 541

PHÒNG KHÁM AN KHANG

Địa chỉ : 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P. 6, Q. 3, TP. HCM
Điện thoại : (+84. 28) 39 302 785
Fax : (+84. 28) 39 302 708

XÍ NGHIỆP KHO VÂN HÀ NỘI

Địa chỉ : 32 Đặng Văn Bi, P. Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM
Điện thoại : (+84. 28) 62 526 555
Fax : (+84. 28) 38 960 804

XÍ NGHIỆP KHO VÂN HÀ NỘI

Địa chỉ : Km 10, Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội
Điện thoại : (+84. 24) 36 789 489
Fax : (+84. 24) 38 276 966

TRUNG TÂM SỮA TƯƠI NGUYÊN LIỆU CỦ CHI

Địa chỉ : Lô B14-1, B14-2, Đường D4, KCN Đông Nam, Xã Hòa Phú, H. Củ Chi, TP. HCM
Điện thoại : (+84. 28) 37 350 001
Fax : (+84. 28) 37 350 003

CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT TRONG NƯỚC

CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : 10 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM
Điện thoại : (+84. 28) 54 155 555
Fax : (+84. 28) 54 161 226

CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA THỐNG NHẤT THANH HÓA

Địa chỉ : Khu phố Sao Đỏ, Thị trấn Thống Nhất, H. Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại : (+84. 237) 3 514 888
Fax : (+84. 237) 3 599 455

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG VIỆT NAM

Địa chỉ : Thôn Thủy Xương, Xã Suối Hiệp, H. Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại : (+84. 258) 3 745 453
Fax : (+84. 258) 3 745 424
Website : www.vietsugar.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỪA Á CHÂU

Địa chỉ : Lô E1-2, E1-3, E1-4, KCN Giao Long Giai Đoạn II, Xã An Phước, H. Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
Điện thoại : (+84. 275) 3 656 999
Fax : (+84. 275) 3 626 999
Website : www.acp.com.vn

ÔNG TY CỔ PHẦN APIS

Địa chỉ : 77 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM
Điện thoại : (+84. 274) 54 165 166
Fax : (+84. 274) 54 111 066
Website : www.apis-corp.com

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Địa chỉ : Tầng 9, Tòa nhà Vinatea, 92 Võ Thị Sáu, P. Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Điện thoại : (+84. 24) 6276 6366
Fax : (+84. 24) 6276 6466
Website : www.gtnfoods.com.vn

CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT NƯỚC NGOÀI

DRIFTWOOD DAIRY HOLDING CORPORATION

Địa chỉ : 10724 E. Lower Azusa Road, El Monte, California 91734, United States of America
Điện thoại : (+1) 1 800 864 6455
Fax : www.driftwooddairy.com

CÔNG TY TNHH VINAMILK CHÂU ÂU

Địa chỉ : Gwiazdzista 7a/4, 01-065 Warszawa, Ba Lan
Điện thoại : (+48) 22 118 59 76
Fax : (+48) 22 416 48 29
Website : http://vinamilk.pl

ANGKOR DAIRY PRODUCTS CO., LTD.

Địa chỉ : Lô P2-096 và P2-097, Đặc khu Kinh tế Phnom Penh (PPSEZ), Quốc lộ 4, Sangkat, Phleung Chheas Totes, Khan PoSenChey, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia
Điện thoại : (+855) 24683 9999
Website : www.angkormilk.com.kh

CÔNG TY TNHH MIRAKA HOLDINGS

Địa chỉ : 108 Tuwharetoa St, Po Box 740, Taupo 3351, New Zealand
Điện thoại : (+64) 7 376 0075
Fax : (+64) 7 377 0694
Website : www.miraka.co.nz

CÔNG TY TNHH LAO-JAGRO DEVELOPMENT XIENG KHOUANG

Địa chỉ : Unit 04, Bản Ven-bản Phanh, H. Paek, Tỉnh Xiêng Khoảng, Lào
Điện thoại : (+856) 21563053
Fax : (+856) 21563054
Email : laojagro@yahoo.com



VINAMILK

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

10 Tân Trào, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84 28) 54 155 555

Fax: (+84 28) 54 161 226

Email: vinamilk@vinamilk.com.vn

www.vinamilk.com.vn